Mẫu số 7. TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 943/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ dân cư *(Tại thời điểm rà soát)*		Kết quả rà soát (Chính thức)					
				Tổng số hộ nghèo			Tổng số hộ cận nghèo		
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*100*	*6*	*7*	*8=6/1*100*
I	**Khu vực nông thôn**								
1	Khuổi Ỏ	82	387	42	210	51.22	24	107	29.27
2	Phai Khỉm	86	347	14	60	16.28	3	15	3.49
3	Nà Bẻ	86	374	21	81	24.42	21	86	24.42
4	Vi Lạp	57	295	10	65	17.54	7	25	12.28
5	Phiêng Tạc	38	176	11	41	28.95	9	33	23.68
6	Ngảm Váng	49	228	36	166	73.47	10	47	20.41
7	Nặm Khiếu	49	231	33	168	67.35	4	16	8.16
8	Slam Vè	51	238	36	159	70.59	12	60	23.53
9	Nà Muồng	111	514	14	69	12.61	13	56	11.71
10	Nà My	101	457	19	87	18.81	14	60	13.86
11	Khuổi Lè	70	325	19	113	27.14	3	13	4.29
12	Cốc Lào	77	363	28	146	36.36	14	69	18.18
13	Khâu Slôm	61	322	27	162	44.26	17	80	27.87
14	Hồng Mú	24	121	8	41	33.33	12	55	50.00
15	Nà Hoi	24	114	17	82	70.83	7	28	29.17
16	Khâu Vai	62	275	37	164	59.68	12	54	19.35
17	Khâu Phảng	65	315	12	69	18.46	14	65	21.54
18	Nặm Mây	73	350	13	54	17.81	7	32	9.59
19	Nà Phầy	45	197	15	70	33.33	14	58	31.11
20	Nà Lẹng	119	426	3	7	2.52	2	10	1.68
21	Phiêng Lủng	34	196	13	72	38.24	20	114	58.82
22	Nà Coóc	215	815	1	1	0.47	0	0	-
23	Đông Lẻo	147	576	3	7	2.04	2	3	1.36

TT	Xã Bằng Thành	**Tổng số hộ dân cư** *(Tại thời điểm rà soát)*		**Kết quả rà soát** (Chính thức)					
				Tổng số hộ nghèo			**Tổng số hộ cận nghèo**		
		Số hộ	**Nhân khẩu**	**Số hộ**	**Số khẩu**	**Tỷ lệ**	**Số hộ**	**Số khẩu**	**Tỷ lệ**
24	Ngã Ba	141	578	4	11	2.84	6	26	4.26
25	Khâu Đấng	36	201	6	32	16.67	2	12	5.56
26	Nà Làng	114	536	21	97	18.42	60	285	52.63
27	Lủng Pảng	33	156	13	52	39.39	9	44	27.27
28	Bản Khúa	53	263	4	15	7.55	5	17	9.43
29	Bản Mạn	90	247	23	126	25.56	18	88	20.00
30	Khâu Bang	88	459	53	276	60.23	12	64	13.64
31	Khuổi Khí	107	554	76	391	71.03	26	130	24.30
32	Khuổi Lính	43	194	4	19	9.30	4	22	9.30
33	Khuổi Mạn	98	542	67	369	68.37	21	108	21.43
34	Lủng Mít	110	553	84	432	76.36	25	115	22.73
35	Nà Cà	50	255	26	125	52.00	11	53	22.00
36	Nà Lại	98	486	11	54	11.22	8	40	8.16
37	Pác Nặm	48	208	3	6	6.25	1	4	2.08
38	Phja Đăm	36	172	23	117	63.89	11	54	30.56
Tổng cộng		***2,871***	***13,046***	***850***	***4216***	***29.61***	***460***	***2148***	***16.02***

Hộ nghèo

Số hộ nghèo 2024	969
Tỷ lệ hộ nghèo 2024	34.3
Số hộ nghèo 2025	850
Tỷ lệ hộ nghèo 2025	29.61
2025 giảm số hộ	119
tỷ lệ giảm so với 2024	4.69
Chỉ tiêu giao	115
Tỷ lệ HN, HCN 2024	49.45
Tỷ lệ HN, HCN 2025	45.63

Hộ cận nghèo

Số hộ cận nghèo 2024	428
Tỷ lệ hộ cận nghèo 2024	15.15
Số hộ cận nghèo 2025	460
Tỷ lệ hộ cận nghèo 2025	16.02
2025 tăng số hộ	32
tỷ lệ tăng so với 2024	0.87

Mẫu số 7.2 TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Thôn	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm *(Theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)*	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm *(Theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)*
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: Thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách nhập với hộ khác,…	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
				Trở thành hộ cận nghèo	Vượt chuẩn cận nghèo			Tái nghèo	Phát sinh mới		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
I	**Khu vực nông thôn**										
1	Khuổi Ỏ	Hộ	43	2	0	0	0	0	1	0	42
		Nhân khẩu	209	6	0	0	0	0	5	2	210
2	Phai Khỉm	Hộ	16	1	1	0	0	0	0	0	14
		Nhân khẩu	64	4	1	0	0	0	0	1	60
3	Nà Bẻ	Hộ	22	2	0	1	2	0	0	0	21
		Nhân khẩu	90	9	0	11	9	0	0	2	81
4	Vi Lạp	Hộ	14	4	1	0	1	0	0	0	10
		Nhân khẩu	75	13	2	0	5	0	0	0	65
5	Phiêng Tạc	Hộ	12	2	0	0	0	0	1	0	11
		Nhân khẩu	47	7	0	1	0	0	2	0	41
6	Ngảm Váng	Hộ	40	4	0	0	0	0	0	0	36
		Nhân khẩu	188	15	0	12	0	0	0	5	166
7	Nặm Khiếu	Hộ	40	3	3	2	1	0	0	0	33
		Nhân khẩu	194	13	17	5	4	0	0	5	168
8	Slam Vè	Hộ	40	9	0	0	0	0	5	0	36
		Nhân khẩu	191	43	0	3	0	0	14	0	159
9	Nà Muồng	Hộ	20	5	1	0	0	0	0	0	14
		Nhân khẩu	102	32	3	0	0	0	0	2	69

10	Nà My	Hộ	20	1	0	0	0	0	0	0	19
		Nhân khẩu	91	2	0	5	0	0	0	3	87
11	Khuổi Lè	Hộ	20	2	1	0	2	0	0	0	19
		Nhân khẩu	110	7	4	2	16	0	0	0	113
12	Cốc Lào	Hộ	34	10	0	0	3	0	1	0	28
		Nhân khẩu	163	45	0	0	17	0	3	8	146
13	Khâu Slôm	Hộ	32	6	0	0	1	0	0	0	27
		Nhân khẩu	178	29	0	4	6	0	0	11	162
14	Hồng Mú	Hộ	7	3	0	0	4	0	0	0	8
		Nhân khẩu	40	15	0	0	16	0	0	0	41
15	Nà Hoi	Hộ	18	1	0	0	0	0	0	0	17
		Nhân khẩu	88	6	0	0	0	0	0	0	82
16	Khâu Vai	Hộ	44	7	2	1	1		2	0	37
		Nhân khẩu	189	36	6	2	4		7	8	164
17	Khâu Phảng	Hộ	18	7	0	0	1	0	0	0	12
		Nhân khẩu	82	29	0	0	8	0	0	8	69
18	Nặm Mây	Hộ	14	1	0	0	0	0	0	0	13
		Nhân khẩu	62	7	0	3	0	0	0	2	54
19	Nà Phầy	Hộ	18	3	0	1	1	0	0	0	15
		Nhân khẩu	73	10	0	1	5	0	0	3	70
20	Nà Lẹng	Hộ	3	0	0	0	0	0	0	0	3
		Nhân khẩu	7	0	0	0	0	0	0	0	7
21	Phiêng Lủng	Hộ	16	4	0	0	0	0	1	0	13
		Nhân khẩu	93	28	0	0	0	0	3	4	72
22	Nà Coóc	Hộ	1	0	1	0	0	0	1	0	1
		Nhân khẩu	4	0	4	0	0	0	1	0	1
23	Đông Lẻo	Hộ	3	0	0	0	0	0	0	0	3
		Nhân khẩu	7	0	0	0	0	0	0	0	7
24	Ngã Ba	Hộ	8	1	3	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	23	4	8	1	0	0	0	1	11

25	Khâu Đấng	Hộ	5	0	1	0	2	0	0	0	6
		Nhân khẩu	26	0	6	0	12	0	0	0	32
26	Nà Làng	Hộ	20	3	0	0	3	0	1	0	21
		Nhân khẩu	99	15	0	0	10	0	3	0	97
27	Lủng Pảng	Hộ	21	5	3	0	0	0	0	0	13
		Nhân khẩu	91	24	15	0	0	0	0	0	52
28	Bản Khúa	Hộ	6	2	1	0	0	0	1	0	4
		Nhân khẩu	22	7	1	4	0	0	5	0	15
29	Bản Mạn	Hộ	27	4	2	0	2	0	0	0	23
		Nhân khẩu	151	19	14	0	8	0	0	0	126
30	Khâu Bang	Hộ	61	6	2	1	0	0	1	0	53
		Nhân khẩu	323	34	10	8	0	0	5	0	276
31	Khuổi Khí	Hộ	82	7	0	1	0	0	2	0	76
		Nhân khẩu	424	31	0	8	0	0	6	0	391
32	Khuổi Lính	Hộ	2	0	0	0	0	0	2	0	4
		Nhân khẩu	11	0	0	1	0	0	9	0	19
33	Khuổi Mạn	Hộ	80	14	1	1	0	0	3	0	67
		Nhân khẩu	434	75	3	7	0	0	12	8	369
34	Lủng Mít	Hộ	90	12	0	0	0	0	6	0	84
		Nhân khẩu	487	59	0	21	0	0	25	0	432
35	Nà Cà	Hộ	27	3	1	0	0	0	3	0	26
		Nhân khẩu	143	13	4	14	0	0	13	0	125
36	Nà Lại	Hộ	13	2	1	0	1	0	0	0	11
		Nhân khẩu	70	13	5	0	2	0	0	0	54
37	Pác Nặm	Hộ	5	1	2	0	0	0	1	0	3
		Nhân khẩu	18	4	12	0	0	0	2	2	6
38	Phja Đăm	Hộ	27	4	0	0	0	0	0	0	23
		Nhân khẩu	135	17	0	1	0	0	0	0	117
Tổng cộng		***Hộ***	**969**	**141**	**27**	**8**	**25**	**0**	**32**	**0**	**850**
		Nhân khẩu	**4804**	**671**	**115**	**114**	**122**	**0**	**115**	**75**	**4216**

Mẫu số 7.3 TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Thôn	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm *(Theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)*	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm *(Theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)*
				Số hộ thoát cận nghèo		Nguyên nhân: Thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
				Thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo			Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
I	**Khu vực nông thôn**										
1	Khuổi Ỏ	Hộ	22	1	0	0	2	0	1	0	24
		Nhân khẩu	104	3	0	3	6	0	3	0	107
2	Phai Khỉm	Hộ	2	0	0	0	1	0	0	0	3
		Nhân khẩu	11	0	0	0	4	0	0	0	15
3	Nà Bẻ	Hộ	22	1	2	0	2	0	0	0	21
		Nhân khẩu	84	3	9	2	9	0	0	7	86
4	Vi Lạp	Hộ	5	1	1	0	4	0	0	0	7
		Nhân khẩu	19	2	5	0	13	0	0	0	25
5	Phiêng Tạc	Hộ	7	0	0	0	2	0	0	0	9
		Nhân khẩu	24	0	0	0	7	0	0	2	33
6	Ngảm Váng	Hộ	6	0	0	0	4	0	0	0	10
		Nhân khẩu	32	0	0	3	15	0	0	3	47
7	Nặm Khiếu	Hộ	6	4	1	0	3	0	0	0	4
		Nhân khẩu	22	15	4	0	13	0	0	0	16
8	Slam Vè	Hộ	4	1	0	0	9	0	0	0	12
		Nhân khẩu	20	3	0	0	43	0	0	0	60
9	Nà Muồng	Hộ	15	7	0	0	5	0	0	0	13
		Nhân khẩu	54	30	0	0	32	0	0	0	56

10	Nà My	Hộ	20	7	0	0	1	0	0	0	14
		Nhân khẩu	86	29	0	0	2	0	0	1	60
11	Khuổi Lè	Hộ	7	4	2	0	2	0	0	0	3
		Nhân khẩu	34	11	16	1	7	0	0	0	13
12	Cốc Lào	Hộ	10	3	3	0	10	0	0	0	14
		Nhân khẩu	43	9	17	0	45	0	0	7	69
13	Khâu Slôm	Hộ	19	7	1	0	6	0	0	0	17
		Nhân khẩu	90	31	6	3	29	0	0	1	80
14	Hồng Mú	Hộ	13	2	4	0	3	0	2	0	12
		Nhân khẩu	55	9	16	1	15	0	9	2	55
15	Nà Hoi	Hộ	6	0	0	0	1	0	0	0	7
		Nhân khẩu	23	0	0	1	6	0	0	0	28
16	Khâu Vai	Hộ	11	5	1	0	7	0	0	0	12
		Nhân khẩu	46	24	4	0	36	0	0	0	54
17	Khâu Phảng	Hộ	11	3	1	0	7	0	0	0	14
		Nhân khẩu	51	13	8	0	29	0	0	6	65
18	Nặm Mây	Hộ	6	2	0	0	1	0	2	0	7
		Nhân khẩu	25	12	0	0	7	0	9	3	32
19	Nà Phầy	Hộ	14	2	1	0	3	0	0	0	14
		Nhân khẩu	66	11	5	2	10	0	0	0	58
20	Nà Lẹng	Hộ	4	2	0	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	18	8	0	0	0	0	0	0	10
21	Phiêng Lủng	Hộ	17	1	0	0	4	0	0	0	20
		Nhân khẩu	89	3	0	0	28	0	0	0	114
22	Nà Coóc	Hộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Đông Lẻo	Hộ	1	0	0	0	0	0	1	0	2
		Nhân khẩu	2	0	0	0	0	0	1	0	3
24	Ngã Ba	Hộ	14	9	0	0	1	0	0	0	6
		Nhân khẩu	61	37	0	5	3	0	0	4	26

25	Khâu Đấng	Hộ	10	6	2	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	50	31	12	0	0	0	0	5	12
26	Nà Làng	Hộ	59	2	3	0	3	0	3	0	60
		Nhân khẩu	286	10	10	11	15	0	15	0	285
27	Lủng Pảng	Hộ	4	0	0	0	5	0	0	0	9
		Nhân khẩu	18	0	0	0	24	0	0	2	44
28	Bản Khúa	Hộ	5	2	0	0	2	0	0	0	5
		Nhân khẩu	19	9	0	0	7	0	0	0	17
29	Bản Mạn	Hộ	17	2	2	0	4	0	1	0	18
		Nhân khẩu	85	11	8	0	19	0	3	0	88
30	Khâu Bang	Hộ	11	5	0	0	6	0	0	0	12
		Nhân khẩu	55	28	0	0	34	0	0	3	64
31	Khuổi Khí	Hộ	24	5	0	0	7	0	0	0	26
		Nhân khẩu	130	31	0	0	31	0	0	0	130
32	Khuổi Lính	Hộ	9	5	0	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	43	22	0	0	0	0	0	1	22
33	Khuổi Mạn	Hộ	9	2	0	0	14	0	0	0	21
		Nhân khẩu	41	10	0	0	75	0	0	2	108
34	Lủng Mít	Hộ	13	1	0	0	12	0	1	0	25
		Nhân khẩu	64	6	0	10	63	0	4	0	115
35	Nà Cà	Hộ	10	2	0	0	3	0	0	0	11
		Nhân khẩu	48	9	0	0	13	0	0	1	53
36	Nà Lại	Hộ	7	2	1	0	2	0	2	0	8
		Nhân khẩu	30	8	2	3	13	0	10	0	40
37	Pác Nặm	Hộ	0	0	0	0	1	0	0	0	1
		Nhân khẩu	0	0	0	0	4	0	0	0	4
38	Phja Đăm	Hộ	8	2	0	0	4	0	1	0	11
		Nhân khẩu	38	4	0	1	17	0	4	0	54
Tổng cộng		***Hộ***	**428**	**98**	**25**	**0**	**141**	**0**	**14**	**0**	**460**
		Nhân khẩu	**1966**	**432**	**122**	**46**	**674**	**0**	**58**	**50**	**2148**

Mẫu số 7.4. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1 Việc làm	2 Người phụ thuộc trong hộ gia đình	3 Dinh dưỡng	4 Bảo hiểm y tế	5 Trình độ giáo dục của người lớn	6 Tình trạng đi học của trẻ em	7 Chất lượng nhà ở	8 Diện tích nhà ở bình quân đầu người	9 Nguồn nước sinh hoạt	10 Nhà tiêu hợp vệ sinh	11 Sử dụng dịch vụ viễn thông	12 Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin
I	**Khu vực nông thôn**													
1	Khuổi Ỏ	42	**8**	**12**	**18**	**42**	**21**	**2**	**0**	**2**	**0**	**28**	**1**	**1**
2	Phai Khỉm	14	**8**	**4**	**5**	**14**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**
3	Nà Bẻ	21	4	8	9	21	11	0	0	0	0	10	3	1
4	Vi Lạp	10	**6**	**4**	**5**	**10**	**9**	**0**	**2**	**0**	**0**	**8**	**1**	**0**
5	Phiêng Tạc	11	**5**	**6**	**1**	**11**	**3**	**1**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	
6	Ngảm Váng	36	2	12	28	36	20	0	0	1	0	26	1	1
7	Nặm Khiếu	33	**5**	**8**	**14**	**33**	**23**	**0**	**7**	**0**	**0**	**23**	**0**	**1**
8	Slam Vè	36	**5**	**13**	**7**	**36**	**23**	**0**	**4**	**1**	**0**	**29**	**0**	**0**
9	Nà Muồng	14	**0**	**7**	**3**	**14**	**5**	**1**	**4**	**2**	**0**	**3**	**5**	**4**
10	Nà Mẹ	19	**7**	**8**	**1**	**19**	**6**	**0**	**1**	**0**	**0**	**3**	**5**	**1**
11	Khuổi Lè	19	**11**	**7**	**6**	**19**	**13**	**0**	**0**	**0**		**1**	**0**	**0**
12	Cốc Lào	28	**5**	**14**	**7**	**28**	**19**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
13	Khâu Slôm	27	**11**	**7**	**2**	**27**	**18**	**0**	**2**	**2**	**0**	**12**	**3**	**2**
14	Hồng Mú	8	**0**	**0**	**4**	**8**	**7**							
15	Nà Hoi	17	0	4	13	17	14	1	5	1	0	4	2	0
16	Khâu Vai	37	1	15	16	37	17	0	18	3	0	26	0	0
17	Khâu Phảng	12	-	5	-	12	8	1	3	-	-	9	1	1
18	Nặm Mây	13	2	6	5	13	9	0	1	0	0	7	3	2
19	Nà Phầy	15	3	6	8	15	8	1	4	0	0	6	0	0
20	Nà Lẹng	3	1	2	1	3	1	0	0	0	0	0	1	0
21	Phiêng Lủng	13	**0**	**8**	**5**	**13**	**8**	**0**	**0**	**1**	**0**	**5**	**1**	**0**
22	Nà Coóc	1	**0**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**
23	Đông Lẻo	3	**0**	**2**	**0**	**3**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**2**	**1**
24	Ngã Ba	4	0	4	2	4	1	1	0	0	0	0	1	1

25	Khâu Đấng	6	2	4	3	6	3	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Nà Làng	21	**0**	**8**	**9**	**21**	**7**	**1**	**1**	**0**	**0**	**18**	**5**	**3**
27	Lủng Pảng	13	**0**	**3**	**6**	**13**	**7**	**0**	**1**	**0**	**0**	**8**	**1**	**1**
28	Bản Khúa	4	**1**	**1**	**0**	**4**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**3**	**1**	**0**
29	Bản Mạn	23	**1**	**7**	**5**	**23**	**19**	**0**	**2**	**1**	**0**	**13**	**0**	**0**
30	Khâu Bang	53	**7**	**3**	**5**	**53**	**41**	**2**	**6**	**1**	**0**	**47**	**1**	**0**
31	Khuổi Khí	76	3	18	6	76	55	8	9	2	2	72	0	0
32	Khuổi Lính	4	**3**	**4**	**0**	**4**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**3**	**0**	**2**
33	Khuổi Mạn	67	5	36	4	67	39	4	10	3	0	37	24	
34	Lủng Mít	84	2	34	20	84	54	0	16		0	63	1	1
35	Nà Cà	26	**1**	**9**	**5**	**26**	**12**	**0**	**1**	**0**	**0**	**23**	**1**	**0**
36	Nà Lại	11	**9**	**4**	**4**	**11**	**8**	**0**	**6**	**1**	**0**	**8**	**0**	**0**
37	Pác Nặm	3	**2**	**2**	**0**	**3**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**
38	Phja Đăm	23	2	4	6	23	4	0	5	6	0	23	1	0
Tổng cộng		***850***	***122***	***300***	***233***	***850***	***503***	***23***	***115***	***27***	***2***	***534***	***65***	***23***

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Mẫu số 7.5. PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (So với tổng số hộ nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Khu vực nông thôn**													
2	Khuổi Ỏ	42	19.05	28.57	42.86	100.00	50.00	4.76	-	4.76	-	66.67	2.38	2.38
1	Phai Khỉm	14	57.14	28.57	35.71	100.00	64.29	-	-	-	-	28.57	-	-
3	Nà Bẻ	21	19.05	38.10	42.86	100.00	52.38	-	-	-	-	47.62	14.29	4.76
4	Vi Lạp	10	60.00	40.00	50.00	100.00	90.00	-	20.00	-	-	80.00	10.00	-
5	Phiêng Tạc	11	45.45	54.55	9.09	100.00	27.27	9.09	-	-	-	90.91	-	-
6	Ngảm Váng	36	5.56	33.33	77.78	100.00	55.56	-	-	2.78	-	72.22	2.78	2.78
7	Nặm Khiếu	33	15.15	24.24	42.42	100.00	69.70	-	21.21	-	-	69.70	-	3.03
8	Slam Vè	36	13.89	36.11	19.44	100.00	63.89	-	11.11	2.78	-	80.56	-	-
9	Nà Muồng	14	-	50.00	21.43	100.00	35.71	7.14	28.57	14.29	-	21.43	35.71	28.57
10	Nà My	19	36.84	42.11	5.26	100.00	31.58	-	5.26	-	-	15.79	26.32	5.26
11	Khuổi Lè	19	57.89	36.84	31.58	100.00	68.42	-	-	-	-	5.26	-	-
12	Cốc Lào	28	17.86	50.00	25.00	100.00	67.86	-	3.57	-	-	-	-	-
13	Khâu Slôm	27	40.74	25.93	7.41	100.00	66.67	-	7.41	7.41	-	44.44	11.11	7.41
14	Hồng Mú	8	-	-	50.00	100.00	87.50	-	-	-	-	-	-	-
15	Nà Hoi	17	-	23.53	76.47	100.00	82.35	5.88	29.41	5.88	-	23.53	11.76	-
16	Khâu Vai	37	2.70	40.54	43.24	100.00	45.95	-	48.65	8.11	-	70.27	-	-
17	Khâu Phảng	12	-	41.67	-	100.00	66.67	8.33	25.00	-	-	75.00	8.33	8.33
18	Nặm Mây	13	15.38	46.15	38.46	100.00	69.23	-	7.69	-	-	53.85	23.08	15.38
19	Nà Phầy	15	20.00	40.00	53.33	100.00	53.33	6.67	26.67	-	-	40.00	-	-
20	Nà Lẹng	3	33.33	66.67	33.33	100.00	33.33	-	-	-	-	-	33.33	-
21	Phiêng Lủng	13	-	61.54	38.46	100.00	61.54	-	-	7.69	-	38.46	7.69	-
22	Nà Coóc	1	-	100.00	-	100.00	-	-	100.00	-	-	100.00	-	-
23	Đông Lẻo	3	-	66.67	-	100.00	33.33	-	33.33	-	-	-	66.67	33.33
24	Ngã Ba	4	-	100.00	50.00	100.00	25.00	25.00	-	-	-	-	25.00	25.00
25	Khâu Đấng	6	33.33	66.67	50.00	100.00	50.00	-	-	-	-	-	-	-
26	Nà Làng	21	-	38.10	42.86	100.00	33.33	4.76	4.76	-	-	85.71	23.81	14.29
27	Lủng Pảng	13	-	23.08	46.15	100.00	53.85	-	7.69	-	-	61.54	7.69	7.69

28	Bản Khúa	4	25.00	25.00	-	100.00	-	-	25.00	-	-	75.00	25.00	-
29	Bản Mạn	23	4.35	30.43	21.74	100.00	82.61	-	8.70	4.35	-	56.52	-	-
30	Khâu Bang	53	13.21	5.66	9.43	100.00	77.36	3.77	11.32	1.89	-	88.68	1.89	-
31	Khuổi Khí	76	3.95	23.68	7.89	100.00	72.37	10.53	11.84	2.63	2.63	94.74	-	-
32	Khuổi Lính	4	75.00	100.00	-	100.00	-	-	50.00	-	-	75.00	-	50.00
33	Khuổi Mạn	67	7.46	53.73	5.97	100.00	58.21	5.97	14.93	4.48	-	55.22	35.82	-
34	Lủng Mít	84	2.38	40.48	23.81	100.00	64.29	-	19.05	-	-	75.00	1.19	1.19
35	Nà Cà	26	3.85	34.62	19.23	100.00	46.15	-	3.85	-	-	88.46	3.85	-
36	Nà Lại	11	81.82	36.36	36.36	100.00	72.73	-	54.55	9.09	-	72.73	-	-
37	Pác Nặm	3	66.67	66.67	-	100.00	-	-	33.33	-	-	33.33	-	-
38	Phja Đăm	23	8.70	17.39	26.09	100.00	17.39	-	21.74	26.09	-	100.00	4.35	-
Tổng cộng		***850***	***14.35***	***35.29***	***27.41***	***100.00***	***59.18***	***2.71***	***13.53***	***3.18***	***0.24***	***62.82***	***7.65***	***2.71***

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Mẫu số 7.6. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Khu vực nông thôn**													
1	Khuổi Ỏ	24	-	6	1	24	6	-	-	-	-	11	-	-
2	Phai Khỉm	3	1	-	1	3	1	-	-	-	-	-	-	-
3	Nà Bẻ	21	-	2	2	21	2	-	-	-	-	1	-	-
4	Vi Lạp	7	1	3	-	7	-	-	-	-	-	3	-	-
5	Phiêng Tạc	9	-	-	-	9	1	-	-	-	-	5	-	-
6	Ngảm Váng	10	-	-	3	10	5	-	-	-	-	-	-	-
7	Nặm Khiếu	4	-	-	-	4	-	-	-	-	-	1	-	-
8	Slam Vè	12	-	1	3	12	3	-	-	-	-	5	-	-
9	Nà Muồng	13	3	2	-	13	5	-	-	-	-	1	-	-
10	Nà My	14	0	5	0	14	4	0	1	0	0	0	0	0
11	Khuổi Lè	3	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-	
12	Cốc Lào	14	-	-	-	14	6	1	-	-	-	-	-	-
13	Khâu Slôm	17	0	1	0	17	13	0	0	0	0	1	0	0
14	Hồng Mú	12	-	2	2	12	7	-	-	-	-	-		
15	Nà Hoi	7	0	0	0	7	6	0	0	0	0	0	0	0
16	Khâu Vai	12	-	2	1	12	2	-	1	-	-	1	-	-
17	Khâu Phảng	14	-	4	-	14	1	-	-	-	-	-	-	-
18	Nặm Mây	7	0	0	0	7	3	0	0	0	0	0	0	0
19	Nà Phầy	14	0	1	1	14	6	0	1	0	0	2	0	0
20	Nà Lẹng	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Phiêng Lủng	20	-	4	1	20	8	-	-	-	-	2	-	-
22	Nà Coóc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Đông Lẻo	2	1	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Ngã Ba	6	0	1	0	6	3	0	0	0	0	1	0	0
25	Khâu Đấng	2	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0
26	Nà Làng	60	1	9	8	60	7	3	-	-	-	3	-	-
27	Lủng Pảng	9	-	2	1	9	2	-	-	-	-	3	-	-

28	Bản Khúa	5	0	1	0	5	0	0	0	0	0	3	0	1
29	Bản Mạn	18		1	-	18	15	-	-	-	-	-	-	-
30	Khâu Bang	12	-	-	-	12	6	-	-	-	-	1	-	-
31	Khuổi Khí	26	2	2	2	26	10	1	3	-	1	11	-	-
32	Khuổi Lính	4	**1**	**2**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**
33	Khuổi Mạn	21	-	4	1	21	6	1	-	-	-	6	-	-
34	Lủng Mít	25	1	-	-	25	6	-	-	-	-	6	-	-
35	Nà Cà	11	-	2	-	11	1	-	-	-	-	6	-	-
36	Nà Lại	8	0	6	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Pác Nặm	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-
38	Phja Đăm	11	0	2	3	11	0	0	0	0	0	1	0	0
Tổng cộng		***460***	***11***	***67***	***30***	***460***	***138***	***6***	***6***	***-***	***1***	***76***	***-***	***1***

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Mẫu số 7.7. PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ cận nghèo	**Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo** (So với tổng số hộ cận nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Khu vực nông thôn**													
1	Khuổi Ỏ	24	-	25.00	4.17	100.00	25.00	-	-	-	-	45.83	-	-
2	Phai Khỉm	3	33.33	-	33.33	100.00	33.33	-	-	-	-	-	-	-
3	Nà Bẻ	21	-	9.52	9.52	100.00	9.52	-	-	-	-	4.76	-	-
4	Vi Lạp	7	14.29	42.86	-	100.00	-	-	-	-	-	42.86	-	-
5	Phiêng Tạc	9	-	-	-	100.00	11.11	-	-	-	-	55.56	-	-
6	Ngảm Váng	10	-	-	30.00	100.00	50.00	-	-	-	-	-	-	-
7	Nặm Khiếu	4	-	-	-	100.00	-	-	-	-	-	25.00	-	-
8	Slam Vè	12	-	8.33	25.00	100.00	25.00	-	-	-	-	41.67	-	-
9	Nà Muồng	13	23.08	15.38	-	100.00	38.46	-	-	-	-	7.69	-	-
10	Nà My	14	-	35.71	-	100.00	28.57	-	7.14	-	-	-	-	-
11	Khuổi Lè	3	-	-	-	100.00	66.67	-	-	-	-	-	-	-
12	Cốc Lào	14	-	-	-	100.00	42.86	7.14	-	-	-	-	-	-
13	Khâu Slôm	17	-	5.88	-	100.00	76.47	-	-	-	-	5.88	-	-
14	Hồng Mú	12	-	16.67	16.67	100.00	58.33	-	-	-	-	-	-	-
15	Nà Hoi	7	-	-	-	100.00	85.71	-	-	-	-	-	-	-
16	Khâu Vai	12	-	16.67	8.33	100.00	16.67	-	8.33	-	-	8.33	-	-
17	Khâu Phảng	14	-	28.57	-	100.00	7.14	-	-	-	-	-	-	-
18	Nặm Mây	7	-	-	-	100.00	42.86	-	-	-	-	-	-	-
19	Nà Phầy	14	-	7.14	7.14	100.00	42.86	-	7.14	-	-	14.29	-	-
20	Nà Lẹng	2	-	-	-	100.00	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Phiêng Lủng	20	-	20.00	5.00	100.00	40.00	-	-	-	-	10.00	-	-
22	Nà Coóc	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
23	Đông Lẻo	2	50.00	100.00	-	100.00	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Ngã Ba	6	-	16.67	-	100.00	50.00	-	-	-	-	16.67	-	-
25	Khâu Đấng	2	-	-	-	100.00	50.00	-	-	-	-	-	-	-
26	Nà Làng	60	1.67	15.00	13.33	100.00	11.67	5.00	-	-	-	5.00	-	-

27	Lủng Pảng	9	-	22.22	11.11	100.00	22.22	-	-	-	-	33.33	-	-
28	Bản Khúa	5	-	20.00	-	100.00	-	-	-	-	-	60.00	-	20.00
29	Bản Mạn	18	-	5.56	-	100.00	83.33	-	-	-	-	-	-	-
30	Khâu Bang	12	-	-	-	100.00	50.00	-	-	-	-	8.33	-	-
31	Khuổi Khí	26	7.69	7.69	7.69	100.00	38.46	3.85	11.54	-	3.85	42.31	-	-
32	Khuổi Lính	4	25.00	50.00	-	100.00	-	-	-	-	-	25.00	-	-
33	Khuổi Mạn	21	-	19.05	4.76	100.00	28.57	4.76	-	-	-	28.57	-	-
34	Lủng Mít	25	4.00	-	-	100.00	24.00	-	-	-	-	24.00	-	-
35	Nà Cà	11	-	18.18	-	100.00	9.09	-	-	-	-	54.55	-	-
36	Nà Lại	8	-	75.00	-	100.00	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Pác Nặm	1	-	-	-	100.00	-	-	-	-	-	100.00	-	-
38	Phja Đăm	11	-	18.18	27.27	100.00	-	-	-	-	-	9.09	-	-
Tổng cộng		**460**	***2.39***	***14.57***	***6.52***	***100.00***	***30.00***	***1.30***	***1.30***	***-***	***0.22***	***16.52***	***-***	***0.22***

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Mẫu 7.8. PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Khu vực/ Đơn vị	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động[2]	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mang[3]	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Khuổi Ỏ	Hộ	82	82	42	24	42	24	0	0	0	0
		Nhân khẩu	387	387	210	107	210	107	0	0	0	0
2	Phai Khỉm	Hộ	86	86	14	3	14	3	0	0	0	0
		Nhân khẩu	347	347	60	15	60	15	0	0	0	0
3	Nà Bẻ	Hộ	86	86	21	21	21	21	0	0	0	0
		Nhân khẩu	374	374	81	86	81	86	0	0	0	0
4	Vi Lạp	Hộ	57	57	10	7	10	7	0	0	0	0
		Nhân khẩu	295	295	65	25	65	25	0	0	0	0
5	Phiêng Tạc	Hộ	38	38	11	9	11	9	0	0	0	0
		Nhân khẩu	176	176	41	33	41	33	0	0	0	0
6	Ngảm Váng	Hộ	49	49	36	10	36	10	1	0	0	0
		Nhân khẩu	228	228	166	47	166	47	1	0	0	0
7	Nặm Khiếu	Hộ	49	49	33	4	33	4	0	0	0	0
		Nhân khẩu	231	231	168	16	168	16	0	0	0	0
8	Slam Vè	Hộ	51	51	36	12	36	12	0	0	0	0
		Nhân khẩu	238	238	159	60	159	60	0	0	0	0
9	Nà Muồng	Hộ	111	111	14	13	14	13	0	0	0	0
		Nhân khẩu	514	514	69	56	69	56	0	0	0	0
10	Nà My	Hộ	101	101	19	14	19	14	0	0	0	0
		Nhân khẩu	457	454	87	60	87	60	0	0	0	0

11	Khuổi Lè	Hộ	70	70	19	3	19	3	0	0	0	0
		Nhân khẩu	325	325	113	13	113	13	0	0	0	0
12	Cốc Lào	Hộ	77	77	28	14	28	14	0	0	0	0
		Nhân khẩu	363	363	146	69	146	69	0	0	0	0
13	Khâu Slôm	Hộ	61	61	27	17	27	17	0	0	0	0
		Nhân khẩu	322	322	162	80	162	80	0	0	0	0
14	Hồng Mú	Hộ	24	24	8	12	8	12	0	0	0	0
		Nhân khẩu	121	121	41	55	41	55	0	0	0	0
15	Nà Hoi	Hộ	24	24	17	7	17	7	0	0	0	0
		Nhân khẩu	114	114	82	28	82	28	0	0	0	0
16	Khâu Vai	Hộ	62	62	37	12	37	12	0	0	0	0
		Nhân khẩu	275	275	164	54	164	54	0	0	0	0
17	Khâu Phảng	Hộ	65	65	12	14	12	14	0	0	0	0
		Nhân khẩu	315	315	69	65	69	65	0	0	0	0
18	Nặm Mây	Hộ	73	73	13	7	13	7	1	0	0	0
		Nhân khẩu	350	350	54	32	54	32	1	0	0	0
19	Nà Phầy	Hộ	45	45	15	14	15	14	0	0	0	0
		Nhân khẩu	197	197	70	58	70	58	0	0	0	0
20	Nà Lẹng	Hộ	119	107	3	2	3	2	1	0	0	0
		Nhân khẩu	426	378	7	10	7	10	2	0	0	0
21	Phiêng Lủng	Hộ	34	34	13	20	13	20	0	0	0	0
		Nhân khẩu	196	196	72	114	72	114	0	0	0	0
22	Nà Coóc	Hộ	215	198	1	0	1	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	815	776	1	0	1	0	0	0	0	0
23	Đông Lẻo	Hộ	147	147	3	2	3	2	0	0	0	0
		Nhân khẩu	576	576	7	3	7	3	0	0	0	0
24	Ngã Ba	Hộ	141	133	4	6	4	6	0	0	0	0
		Nhân khẩu	578	542	11	26	11	26	0	0	0	0
25	Khâu Đấng	Hộ	36	36	6	2	6	2	1	0	0	0
		Nhân khẩu	201	198	32	12	32	12	2	0	0	0

26	Nà Làng	Hộ	114	114	21	60	21	60	1	0	0	0
		Nhân khẩu	536	536	97	285	97	285	1	0	0	0
27	Lủng Pảng	Hộ	33	33	13	9	13	9	0	0	0	0
		Nhân khẩu	156	156	52	44	52	44	0	0	0	0
28	Bản Khúa	Hộ	53	53	4	5	4	5	0	0	0	0
		Nhân khẩu	263	261	15	17	15	17	0	0	0	0
29	Bản Mạn	Hộ	90	90	23	18	23	18	0	0	0	0
		Nhân khẩu	247	247	126	88	126	88	0	0	0	0
30	Khâu Bang	Hộ	88	88	53	12	53	12	0	0	0	0
		Nhân khẩu	459	459	276	64	276	64	0	0	0	0
31	Khuổi Khí	Hộ	107	107	76	26	76	26	0	0	0	0
		Nhân khẩu	554	554	391	130	391	130	0	0	0	0
32	Khuổi Lính	Hộ	43	43	4	4	4	4	0	0	0	0
		Nhân khẩu	194	194	19	22	19	22	0	0	0	0
33	Khuổi Mạn	Hộ	98	98	67	21	67	21	0	0	0	0
		Nhân khẩu	542	542	369	108	369	108	0	0	0	0
34	Lủng Mít	Hộ	110	110	84	25	84	25	0	0	0	0
		Nhân khẩu	553	553	432	115	432	115	0	0	0	0
35	Nà Cà	Hộ	50	50	26	11	26	11	0	0	0	0
		Nhân khẩu	255	255	125	53	125	53	0	0	0	0
36	Nà Lại	Hộ	98	96	11	8	11	8	0	0	0	0
		Nhân khẩu	486	484	54	40	54	40	0	0	0	0
37	Pác Nặm	Hộ	48	48	3	1	3	1	0	0	0	0
		Nhân khẩu	208	208	6	4	6	4	0	0	0	0
38	Phja Đăm	Hộ	36	36	23	11	23	11	0	0	0	0
		Nhân khẩu	172	172	117	54	117	54	0	0	0	0
Tổng cộng		***Hộ***	***2,871***	***2,832***	***850***	***460***	***850***	***460***	***5***	***-***	***-***	***-***
		Nhân khẩu	***13,046***	***12,913***	***4,216***	***2,148***	***4,216***	***2,148***	***7***	***-***	***-***	***-***

[1] Hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

[2] Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấ

Mẫu số 7.9. PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM DÂN TỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo dân tộc thiểu số								Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số							
				Kinh	Hoa	Tày	Nùng	Dao	Mông	Sán Chay	Khác			Kinh	Hoa	Tày	Nùng	Dao	Mông	Sán Chay	Khác
A	*B*	*1*	**2=4+5+6+7+8+9+10**	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*1*	**11=13+14+15+16+17+18+19**	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I	**Khu vực nông thôn**																				
1	Khuổi Ỏ	42	42	-	-	1	-	-	41	-	-	24	24	0	0	3	0	0	21	0	
2	Phai Khỉm	14	14	-	-	9	-	1	4	-	-	3	3	0	0	3	0	0	0	0	
3	Nà Bẻ	21	21	-	-	8	-	7	6	-	-	21	21	0	0	8	0	8	5	0	
4	Vi Lạp	10	10	-	-	**3**	-	1	6	-	-	7	7	0	0	5	0	2	0	0	
5	Phiêng Tạc	11	11	-	-	-	-	11	-	-	-	9	9	0	0	0	0	9	0	0	
6	Ngảm Váng	36	36	-	-	-	-	-	36	-	-	10	10	0	0	0	0	0	10	0	
7	Nặm Khiếu	33	33	-	-	-	-	7	26	-	-	4	4	0	0	0	0	3	1	0	
8	Slam Vè	36	36	-	-	-	-	31	5	-	-	12	12	0	0	0	0	11	1	0	
9	Nà Muồng	14	14	-	-	3	-	-	-	11	-	13	13	0	0	4	0	0	0	9	
10	Nà My	19	19	-	-	**8**	-	11	-	-	-	14	14	0	0	10	0	4	0	0	
11	Khuổi Lè	19	19	-	-	**5**	-	-	14	-	-	3	3	0	0	1	0	0	2	0	
12	Cốc Lào	28	28	-	-	2	-	2	24	-	-	14	14	0	0	2	0	2	10	0	
13	Khâu Slôm	27	27	-	-	-	-	16	11	-	-	17	17	0	0	0	0	14	3	0	
14	Hồng Mú	8	8	-	-	-	-	-	8	-	-	12	12	0	0	0	0	0	12	0	
15	Nà Hoi	17	17	0	0	0	0	2	15	-	-	7	7	0	0	0	0	2	5	0	
16	Khâu Vai	37	37	-	-	-	-	3	34	-	-	12	12	0	0	0	0	3	9	0	
17	Khâu Phảng	12	12	0	0	0	0	4	8	-	-	14	14	0	0	0	0	9	5	0	
18	Nặm Mây	13	13	-	-	7		6	-	-	-	7	7	0	0	6	0	1	0	0	

19	Nà Phầy	15	15	-	0	0	0	0	0	15	-	14	14	0	0	0	0	0	0	14	
20	Nà Lẹng	3	3	0	0	3	0	0	0	0	-	2	2	0	0	2	0	0	0	0	
21	Phiêng Lủng	13	13	0	0	0	0	0	13	0	0	20	20	0	0	0	0	0	20	0	
22	Nà Coóc	1	1	-	-	1	-	-	-	-		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	Đông Lẻo	3	3	0	0	3	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	
24	Ngã Ba	4	4	-	0	4	0	0	0	0	0	6	6	0	0	6	0	0	0	0	
25	Khâu Đấng	6	6	-	0	0	0	0	0	6	-	2	2	0	0	0	0	0	0	2	
26	Nà Làng	21	21	0	0	0	0	0	0	21	0	60	60	0	0	0	0	0	0	60	
27	Lủng Pảng	13	13	0	0	0	0	9	4	0	0	9	9	0	0	0	0	6	3	0	
28	Bản Khúa	4	4	0	0	4	0	0	0	0	0	5	5	0	0	5	0	0	0	0	
29	Bản Mạn	23	23	-	-	**4**	-	4	1	14	0	18	18	0	0	4	0	4	0	10	
30	Khâu Bang	53	53	-	-	**2**	-	51	-	-	-	12	12	0	0	0	0	12	0	0	
31	Khuổi Khí	76	76	0	0	0	0	76	0	0	0	26	26	0	0	0	0	26	0	0	
32	Khuổi Lính	4	4	0	0	**2**	0	0	2	0	0	4	4	0	0	4	0	0	0	0	
33	Khuổi Mạn	67	67	0	0	0	0	0	67	0	0	21	21	0	0	0	0	0	21	0	
34	Lủng Mít	84	84	0	0	0	0	0	84	0	0	25	25	0	0	0	0	0	25	0	
35	Nà Cà	26	26	0	0	1	0	25	-	0	0	11	11	0	0	4	0	7	0	0	
36	Nà Lại	11	11	0	0	**3**	0	2	6	0	0	8	8	0	0	6		2	0	0	
37	Pác Nặm	3	3	0	0	2	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	
38	Phja Đăm	23	23	0	0	0	0	18	5	0	0	11	11	0	0	0	0	11	0	0	
Tổng cộng		850	850	-	-	***75***	-	***288***	***420***	***67***	-	460	460	-	-	***75***	***1***	***136***	***153***	***95***	-

Mẫu số 7.10. PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Tổng số hộ nghèo	Nguyên nhân nghèo							
			Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (Ghi rõ)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I	**Khu vực nông thôn**									
1	Khuổi Ỏ									
	- Hộ nghèo	42	5	23	11	13	7	5	1	5
	- Hộ cận nghèo	24	-	5	-	4	0	6	-	-
2	Phai Khỉm									
	- Hộ nghèo	14	1	7	2	5	1	6	1	8
	- Hộ cận nghèo	3	-	1	-	1	0	6	-	-
3	Nà Bẻ									
	- Hộ nghèo	21	-	-	1	12	-	4	-	-
	- Hộ cận nghèo	21	-	3	-	7	0	5	-	-
4	Vi Lạp									
	- Hộ nghèo	10	5	8	3	1	-	5	1	-
	- Hộ cận nghèo	7	4	7	2	5	0	1	-	-
5	Phiêng Tạc									
	- Hộ nghèo	11	1	5	4	-	1	10	1	-
	- Hộ cận nghèo	9	-	3	1	-	0	9	-	-
6	Ngảm Váng									
	- Hộ nghèo	36	2	-	-	25	1	10	-	-
	- Hộ cận nghèo	10	-	-	-	6	0	-	-	-
7	Nặm Khiếu									
	- Hộ nghèo	33	8	14	5	6	-	20	-	-
	- Hộ cận nghèo	4	-	-	-	-	0	-	-	-

8	Slam Vè									
	- Hộ nghèo	36	3	17	7	8	-	33	1	-
	- Hộ cận nghèo	12	1	5	-	3	0	10	-	-
9	Nà Muồng									
	- Hộ nghèo	14	4	1	7	1	6	2	3	1
	- Hộ cận nghèo	13	5	7	3	3	3	5	-	1
10	Nà Mẹ									
	- Hộ nghèo	19	2	5	4	-	6	11	3	-
	- Hộ cận nghèo	14	1	-	1	1	0	9	2	3
11	Khuổi Lè									
	- Hộ nghèo	19	2	16	2	-	-	-	2	-
	- Hộ cận nghèo	3	-	3	-	-	0	-	-	-
12	Cốc Lào									
	- Hộ nghèo	28	-	28	-	-	-	-	-	-
	- Hộ cận nghèo	14	-	14	-	-	0	-	-	-
13	Khâu Slôm									
	- Hộ nghèo	27	6	13	1	-	8	10	3	5
	- Hộ cận nghèo	17	3	4	1	-	6	5	-	2
14	Hồng Mú									
	- Hộ nghèo	8	-	4	-	1	-	6	-	-
	- Hộ cận nghèo	12	1	11	-	1	1	7	-	-
15	Nà Hoi									
	- Hộ nghèo	17	0	11	2	1	1	7	0	17
	- Hộ cận nghèo	7	0	6	0	0	0	1	0	7
16	Khâu Vai									
	- Hộ nghèo	37	3	36	4	10	5	18	1	-
	- Hộ cận nghèo	12	-	2	-	-	0	4	-	-
17	Khâu Phảng									
	- Hộ nghèo	12	2	9	3	0	0	9	1	9
	- Hộ cận nghèo	14	0	2	0	0	0	6	0	2
18	Nặm Mây									
	- Hộ nghèo	13	4	12	3	1	1	3	2	0
	- Hộ cận nghèo	7	1	6	0	0	0	0	0	0
19	Nà Phầy									

	- Hộ nghèo	15	1	3	3	0	0	11	5	1
	- Hộ cận nghèo	14	2	1	1	0	0	4	2	7
20	Nà Lẹng									
	- Hộ nghèo	3	0	2	0	1	0	1	0	-
	- Hộ cận nghèo	2	0	0	0	0	1	1	0	-
21	Phiêng Lủng									
	- Hộ nghèo	13	1	10	2	5	-	8	1	-
	- Hộ cận nghèo	20	1	3	-	3	0	15	-	-
22	Nà Coóc									
	- Hộ nghèo	1	0	0	1	1	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	-	-	-	-	-	0	-	-	-
23	Đông Lẻo									
	- Hộ nghèo	3	-	2	3	-	1	1	2	-
	- Hộ cận nghèo	2	2	2	1	-	0	-	-	-
24	Ngã Ba									
	- Hộ nghèo	4	1	4	0	0	0	0	0	-
	- Hộ cận nghèo	6	3	1	0	2	0	0	0	-
25	Khâu Đấng									
	- Hộ nghèo	6	0	1	0	1	1	1	3	-
	- Hộ cận nghèo	2	0	0	0	0	0	0	1	-
26	Nà Làng									
	- Hộ nghèo	21	5	11	-	10	2	10	1	-
	- Hộ cận nghèo	60	3	7	-	7	0	6	-	-
27	Lủng Pảng									
	- Hộ nghèo	13	5	11	-	10	2	10	1	-
	- Hộ cận nghèo	9	3	7	-	7	0	6	-	-
28	Bản Khúa									
	- Hộ nghèo	4	1	0	2	0	0	2	0	1
	- Hộ cận nghèo	5	1	1	1	2	1	3	0	0
29	Bản Mạn									
	- Hộ nghèo	23	7	15	-	-	-	14	1	-
	- Hộ cận nghèo	18	-	-	-	-	0	2	-	-
30	Khâu Bang									
	- Hộ nghèo	53	5	37	6	4	10	49	-	2

	- Hộ cận nghèo	12	-	8	1	1	1	11	-	-
31	Khuổi Khí									
	- Hộ nghèo	76	13	32	-	-	3	49	4	-
	- Hộ cận nghèo	26	4	7	-	-	0	8		-
32	Khuổi Lính									
	- Hộ nghèo	4	1	4	3	1	-	2	1	-
	- Hộ cận nghèo	4	-	3	1	2	0	1	2	-
33	Khuổi Mạn									
	- Hộ nghèo	67	4	54	-	1	-	19	-	-
	- Hộ cận nghèo	21	-	-	-	16	0	12	-	-
34	Lủng Mít									
	- Hộ nghèo	84	3	50	27	28	-	22	-	-
	- Hộ cận nghèo	25	-	-	-	-	0	-	-	-
35	Nà Cà									
	- Hộ nghèo	26	-	16	1	-	1	6	2	-
	- Hộ cận nghèo	11	-	7	2	1	0	1	-	-
36	Nà Lại									
	- Hộ nghèo	11	9	8	4	1	-	7	1	0
	- Hộ cận nghèo	8	1	3	3	1	3	1	1	0
37	Pác Nặm									
	- Hộ nghèo	3	-	-	1	-	-	6	-	-
	- Hộ cận nghèo	1	-	-	-	-	0	-	-	-
38	Phja Đăm									
	- Hộ nghèo	23	6	5	3	-	3	7	-	-
	- Hộ cận nghèo	11	-	-	-	-	0	-	-	-
Cộng hộ nghèo		***850***	***110***	***474***	***115***	***147***	***16***	***384***	***42***	***49***
Cộng hộ cận nghèo		***460***	***36***	***129***	***18***	***73***	***16***	***145***	***8***	***22***

Mẫu số 7.11. TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
		Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục
			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học		Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học
	Đơn vị tính	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	Khuổi Ỏ	83	83	6	-	37	37	-	-
2	Phai Khỉm	15	15	6	-	2	2	1	-
3	Nà Bẻ	27	27	12	-	19	19	2	-
4	Vi Lạp	27	27	3	-	5	5	-	-
5	Phiêng Tạc	15	15	2	-	12	12	-	-
6	Ngảm Váng	71	71	35	-	15	15	3	-
7	Nặm Khiếu	67	67	11	3	4	4	-	-
8	Slam Vè	65	65	8	-	10	10		
9	Nà Muồng	26	26	2	-	19	19	-	-
10	Nà My	25	25	2	-	16	16	-	-
11	Khuổi Lè	34	34	3		3	3		
12	Cốc Lào	51	51	10	-	24	24	-	1
13	Khâu Slôm	71	71	-	-	25	25	-	-
14	Hồng Mú	19	19	9	1	18	18	4	
15	Nà Hoi	37	37	13	0	1	1	0	0
16	Khâu Vai	64	64	18		17	17	1	
17	Khâu Phảng	25	25	0	1	25	25	0	0
18	Nặm Mây	20	20	5	0	4	4	0	0
19	Nà Phầy	25	25	9	1	11	11	1	0
20	Nà Lẹng	2	2	1	0	3	3	0	0
21	Phiêng Lủng	31	31	5	-	33	33	1	-
22	Nà Coóc	-				-			
23	Đông Lẻo	-				-			

24	Ngã Ba	3	2	2	1	6	6	0	0
25	Khâu Đấng	10	10	3	0	2	2	0	0
26	Nà Làng	33	33	8	3	97	97	4	1
27	Lủng Pảng	21	13	7		18	9	1	
28	Bản Khúa	4	4						
29	Bản Mạn	29	29	3	-	22	22	-	-
30	Khâu Bang	69	69	4	1	18	10	-	-
31	Khuổi Khí	106	106	3	3	36	36	8	-
32	Khuổi Lính	10	10	-	-	5	5	-	-
33	Khuổi Mạn	138	138	4	2	28	28	1	1
34	Lủng Mít	172	172	20		32	32		
35	Nà Cà	35	35	6	-	10	10	-	-
36	Nà Lại	23	23	4		16	16		
37	Pác Nặm	-	-	-	-	1	1	-	-
38	Phja Đăm	37	37	10	-	19	19	1	-
Tổng cộng		***690***	***681***	***74***	***10***	***310***	***293***	***15***	***2***

Ghi chú:

Cột 1: Tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo; Cột 5: Tổng số trẻ em thuộc hộ cận nghèo

Cột 2, 6: Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.

Cột 3, 7: Trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 4, 8: Trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở)

Mẫu 7.12. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)

TT	Xã Bằng Thành	Nguyên nhân thoát nghèo, thoát cận nghèo								
		Hộ được hỗ trợ nhà ở	**Hộ được hỗ trợ đất sản xuất**	**Hộ được hỗ trợ công cụ/ phương tiện sản xuất, sinh kế**	**Hộ có thành viên hộ có việc làm** (XKLĐ, làm công ty, DN...)	**Hộ có thành viên tốt nghiệp cao đẳng trở lên**	**Hộ được hỗ trợ nước sạch và VSMT**	**Hộ tự mua sắm tài sản** *(tăng tài sản chủ yếu)*	**Hộ được hỗ trợ phương tiện tiếp cận thông tin** *(điện thoại, phương tiện nghe, nhìn..)*	**Nguyên nhân khác**
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
*** Tổng số thoát trong năm**		**266**								
-	***Hộ thoát nghèo***	***168***								
-	***Hộ thoát cận nghèo***	***98***								
1	**Khuổi Ỏ**									
1.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
1.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
2	**Phai Khỉm**									
2.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
2.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
3	**Nà Bẻ**									
3.1	*Hộ thoát nghèo*									
3.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
4	**Vi Lạp**									
4.1	*Hộ thoát nghèo*	2								

4.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
5	**Phiêng Tạc**									
5.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
5.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
6	**Ngảm Váng**									
6.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
6.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
7	**Nặm Khiếu**									
7.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
7.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
8	**Slam Vè**									
8.1	*Hộ thoát nghèo*									
8.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
9	**Nà Muồng**									
9.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
9.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
10	**Nà Mẹ**									
10.1	*Hộ thoát nghèo*									
10.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
11	**Khuổi Lè**									
11.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
11.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
12	**Cốc Lào**									
12.1	*Hộ thoát nghèo*	4								

12.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
13	**Khâu Slôm**									
13.1	*Hộ thoát nghèo*	3								
13.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
14	**Hồng Mú**									
14.1	*Hộ thoát nghèo*									
14.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
15	**Nà Hoi**									
15.1	*Hộ thoát nghèo*									
15.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
16	**Khâu Vai**									
16.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
16.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
17	**Khâu Phảng**									
17.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
17.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
18	**Nặm Mây**									
18.1	*Hộ thoát nghèo*									
18.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
19	**Nà Phầy**									
19.1	*Hộ thoát nghèo*									
19.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
20	**Nà Lẹng**									
20.1	*Hộ thoát nghèo*									

20.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
21	**Phiêng Lủng**									
21.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
21.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
22	**Nà Coóc**									
22.1	*Hộ thoát nghèo*									
22.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
23	**Đông Lẻo**									
23.1	*Hộ thoát nghèo*									
23.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
24	**Ngã Ba**									
24.1	*Hộ thoát nghèo*									
24.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
25	**Khâu Đấng**									
25.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
25.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
26	**Nà Làng**									
26.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
26.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
27	**Lủng Pảng**									
27.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
27.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
28	**Bản Khúa**									
28.1	*Hộ thoát nghèo*	1								

28.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
29	**Bản Mạn**									
29.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
29.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
30	**Khâu Bang**									
30.1	*Hộ thoát nghèo*									
30.2	*Hộ thoát cận nghèo*	1								
31	**Khuổi Khí**									
31.1	*Hộ thoát nghèo*	2								
31.2	*Hộ thoát cận nghèo*	2								
32	**Khuổi Lính**									
32.1	*Hộ thoát nghèo*									
32.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
33	**Khuổi Mạn**									
33.1	*Hộ thoát nghèo*	4								
33.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
34	**Lủng Mít**									
34.1	*Hộ thoát nghèo*	1								
34.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
35	**Nà Cà**									
35.1	*Hộ thoát nghèo*									
35.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
36	**Nà Lại**									
36.1	*Hộ thoát nghèo*	1								

36.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
37	**Pác Nặm**									
37.1	*Hộ thoát nghèo*									
37.2	*Hộ thoát cận nghèo*									
38	**Phja Đăm**									
38.1	*Hộ thoát nghèo*	3								
38.2	*Hộ thoát cận nghèo*									

Lưu ý: Một hộ có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau

DANH SÁCH HỘ NGHÈO NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BẰNG THÀNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Nhân khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Ma Thị Đào	7	Tày	Nữ	23/02/1987	Khuổi Ỏ
2	Hoàng Văn Lềnh	4	Mông	Nam	21/3/1994	Khuổi Ỏ
3	Hoàng Văn Sinh	6	Mông	Nam	18/02/1992	Khuổi Ỏ
4	Hoàng Văn Kỵ	4	Mông	Nam	15/3/1994	Khuổi Ỏ
5	Hoàng Văn Pá	6	Mông	Nam	8/7/1982	Khuổi Ỏ
6	Dương Thị Dinh	3	Mông	Nữ	15/6/1980	Khuổi Ỏ
7	Nông Văn Giàng B	4	Mông	Nam	9/30/1992	Khuổi Ỏ
8	Hoàng Văn Tu	5	Mông	Nam	6/5/1990	Khuổi Ỏ
9	Nông Văn Trẹ	3	Mông	Nam	20/12/1986	Khuổi Ỏ
10	Vàng A Tu	5	Mông	Nam	20/06/1995	Khuổi Ỏ
11	Nông Văn Me	4	Mông	Nam	26/10/1975	Khuổi Ỏ
12	Nông Văn Lềnh	6	Mông	Nam	27/10/1994	Khuổi Ỏ
13	Hoàng Văn Trẹ	7	Mông	Nam	26/10/1969	Khuổi Ỏ
14	Hoàng Văn Cụa	3	Mông	Nam	21/01/1990	Khuổi Ỏ
15	Thào Thị Pè	5	Mông	Nữ	1/14/1995	Khuổi Ỏ
16	Dương Văn Nọong	4	Mông	Nam	1/3/1999	Khuổi Ỏ
17	Dương Văn Sinh A	4	Mông	Nam	16/7/1979	Khuổi Ỏ
18	Dương Văn Dẩư B	5	Mông	Nam	8/2/1996	Khuổi Ỏ
19	Hoàng Văn Dua	6	Mông	Nam	3/7/1991	Khuổi Ỏ
20	Dương Văn Giàng	5	Mông	Nam	10/4/1983	Khuổi Ỏ
21	Dương Văn Dỷ	4	Mông	Nam	23/5/1991	Khuổi Ỏ
22	Dương Văn Dỉa	5	Mông	Nam	15/11/1990	Khuổi Ỏ
23	Dương Văn Chống B	6	Mông	Nam	24/11/1977	Khuổi Ỏ
24	Dương Văn Vàng B	5	Mông	Nam	24/4/1982	Khuổi Ỏ
25	Dương Văn Tu B	5	Mông	Nam	5/7/1993	Khuổi Ỏ
26	Dương Văn Lềnh	5	Mông	Nam	9/4/1995	Khuổi Ỏ
27	Dương Văn Dôn	7	Mông	Nam	18/6/1981	Khuổi Ỏ
28	Hoàng Văn Bình B	4	Mông	Nam	15/5/1996	Khuổi Ỏ
29	Dương Văn Pá B	6	Mông	Nam	20/10/1981	Khuổi Ỏ
30	Dương Văn Sinh B	6	Mông	Nam	10/3/1991	Khuổi Ỏ
31	Dương Văn Vàng A	10	Mông	Nam	2,4,1973	Khuổi Ỏ
32	Dương Văn Dinh	6	Mông	Nam	24/11/1985	Khuổi Ỏ
33	Hoàng Văn Bình A	4	Mông	Nam	6/5/1996	Khuổi Ỏ
34	Nông Văn Súa	6	Mông	Nam	1/9/1962	Khuổi Ỏ

35	Nông Á Hồng	3	Mông	Nam	4/2/1997	Khuổi Ỏ
36	Dương Văn Chống	5	Mông	Nam	20/10/1958	Khuổi Ỏ
37	Dương Văn Lềnh	5	Mông	Nam	15/8/1980	Khuổi Ỏ
38	Dương Văn Bình	3	Mông	Nam	2/3/2003	Khuổi Ỏ
39	Dương Văn Khậu	4	Mông	Nam	9/7/1982	Khuổi Ỏ
40	Hoàng Thị Đâư	8	Mông	Nữ	10/10/1980	Khuổi Ỏ
41	Nông Thị Đâư	2	Mông	Nữ	13/10/1994	Khuổi Ỏ
42	Dương Văn Dẩu A	5	Mông	Nam	16/6/1991	Khuổi Ỏ
43	Vừ A Páo	4	Mông	Nam	10/6/1971	Phai Khỉm
44	Vừ A Lự	4	Mông	Nam	8/10/1993	Phai Khỉm
45	Ma Văn Nhạc	3	Tày	Nam	4/14/1973	Phai Khỉm
46	Lý Thị Vinh	6	Tày	Nữ	9/20/1990	Phai Khỉm
47	Cà Văn Mận	3	Tày	Nam	7/15/1968	Phai Khỉm
48	Hoàng Thị Ngần	2	Tày	Nữ	5/22/1963	Phai Khỉm
49	Hoàng Văn Hậu	5	Tày	Nam	5/4/1990	Phai Khỉm
50	Vừ A Thàng	10	Mông	Nam	8/12/1977	Phai Khỉm
51	Vừ A Cụa	4	Mông	Nam	10/6/1995	Phai Khỉm
52	Bàn Thị Xiên	3	Dao	Nữ	2/25/1974	Phai Khỉm
53	Cà Văn Huỳnh	4	Tày	Nam	11/21/1980	Phai Khỉm
54	Hoàng Văn Thìn	6	Tày	Nam	5/6/1987	Phai Khỉm
55	Chu Văn Lập	4	Tày	Nam	1/9/1979	Phai Khỉm
56	Hoàng Thanh Hiếu	2	Tày	Nam	11/27/1968	Phai Khỉm
57	Chu Thanh Văn	3	Tày	Nam	12/19/1973	Nà Bẻ
58	Cà Thị Hồi	3	Tày	Nữ	24/9/1981	Nà Bẻ
59	Cà Văn Minh	2	Tày	Nam	9/2/1952	Nà Bẻ
60	Dương Văn Nam	4	Mông	Nam	9/24/1992	Nà Bẻ
61	Triệu Văn Rạng	3	Dao	Nam	1/8/1985	Nà Bẻ
62	Trịnh Tạ Phin	6	Dao	Nam	1/1/1976	Nà Bẻ
63	Ma A Páo	6	Mông	Nam	7/26/1985	Nà Bẻ
64	Cà Văn Hòa	4	Tày	Nam	8/1/1989	Nà Bẻ
65	Lý Văn Dân	4	Dao	Nam	9/2/1995	Nà Bẻ
66	Lộc Thị Quỷ	2	Tày	Nữ	9/1/1956	Nà Bẻ
67	Cà Văn Thắng	6	Tày	Nam	11/13/1967	Nà Bẻ
68	Dương Thị Lý	5	Mông	Nữ	02/12/1968	Nà Bẻ
69	Dương Văn Mong	4	Mông	Nam	18/02/1992	Nà Bẻ
70	Ma A Chia	5	Mông	Nam	14/5/1962	Nà Bẻ
71	Dương Văn Ngọc	2	Mông	Nam	19/3/2002	Nà Bẻ
72	Tạ Văn Tờ	3	Dao	Nam	2/12/1968	Nà Bẻ
73	Triệu Văn Pu	3	Dao	Nam	6/6/1967	Nà Bẻ

74	Cà Văn Chiến	4	Tày	Nam	20/10/1976	Nà Bẻ
75	Đặng Thị Phương	3	Dao	Nữ	14/12/1993	Nà Bẻ
76	Chu Văn Thưởng	3	Tày	Nam	6/7/1982	Nà Bẻ
77	Đặng Phụ Vần	6	Dao	Nam	6/11/1974	Nà Bẻ
78	Ma Văn Huấn	7	Tày	Nam	5/24/1998	Vi Lạp
79	Hoàng Văn Chung	5	Tày	Nam	8/15/1985	Vi Lạp
80	Hoàng Thị Nhất	5	Tày	Nữ	8/17/1983	Vi Lạp
81	Hoàng Văn Tu	6	Mông	Nam	1/14/1991	Vi Lạp
82	Hoàng Văn Thè	13	Mông	Nam	10/4/1965	Vi Lạp
83	Lầu A Chẹ	7	Mông	Nam	9/7/1952	Vi Lạp
84	Hoàng Văn Giàng	5	Mông	Nam	11/20/1994	Vi Lạp
85	Hoàng Văn Tụa	11	Mông	Nam	1/1/1976	Vi Lạp
86	Lầu Pá Chẹ	4	Mông	Nam	10/19/1997	Vi Lạp
87	Hù Văn Ngài	2	Dao	Nam	10/27/1978	Vi Lạp
88	Đặng Văn Thình	3	Dao	Nam	1/12/1994	Phiêng Tạc
89	Lý Văn Ghến	4	Dao	Nam	30/6/1993	Phiêng Tạc
90	Bàn Thị Coi (B)	2	Dao	Nữ	21/11/1985	Phiêng Tạc
91	Đặng Văn Pu	4	Dao	Nam	17/12/1988	Phiêng Tạc
92	Bàn Văn Tỏn	2	Dao	Nam	02/10/1958	Phiêng Tạc
93	Bàn Văn Hàn	5	Dao	Nam	11/6/1967	Phiêng Tạc
94	Đặng Mùi Liu	5	Dao	Nữ	02/4/1958	Phiêng Tạc
95	Đặng Dào Pyao	6	Dao	Nam	24/4/1958	Phiêng Tạc
96	Đặng Thị Lý	4	Dao	Nữ	14/05/1986	Phiêng Tạc
97	Lý Văn Tỏn	2	Dao	Nam	03/05/1968	Phiêng Tạc
98	Bàn Thị Kiều	4	Dao	Nữ	13/10/1994	Phiêng Tạc
99	Thào A Sùng	5	Mông	Nam	8/3/1995	Ngảm Váng
100	Thào A Ninh	3	Mông	Nam	11/4/1985	Ngảm Váng
101	Sùng A Tu	8	Mông	Nam	14/9/1973	Ngảm Váng
102	Thào Văn Sự	4	Mông	Nam	16/6/1996	Ngảm Váng
103	Ma Thị Sinh	5	Mông	Nữ	20/10/1981	Ngảm Váng
104	Thào A Tu	5	Mông	Nam	15/4/1994	Ngảm Váng
105	Thào A Vàng	5	Mông	Nam	12/7/1991	Ngảm Váng
106	Thào A Ngài	4	Mông	Nam	5/9/1982	Ngảm Váng
107	Thào A Man	1	Mông	Nam	7/12/1983	Ngảm Váng
108	Thào A Lềnh	3	Mông	Nam	8/7/1996	Ngảm Váng
109	Sùng Văn Dẩu	6	Mông	Nam	7/9/1996	Ngảm Váng
110	Thào Thị Vừ	6	Mông	Nữ	2/6/1986	Ngảm Váng
111	Thào A Ngài	2	Mông	Nam	10/8/1998	Ngảm Váng
112	Sùng A Dí	5	Mông	Nam	12/20/1996	Ngảm Váng

113	Thào A Dẩư	5	Mông	Nam	14/02/1997	Ngảm Váng
114	Sùng A Tu	9	Mông	Nam	8/3/1943	Ngảm Váng
115	Sùng A Dênh	5	Mông	Nam	13/10/1995	Ngảm Váng
116	Thào A Tu	6	Mông	Nam	16/9/1996	Ngảm Váng
117	Thào A Dênh	6	Mông	Nam	5/5/1976	Ngảm Váng
118	Thào A Tu	7	Mông	Nam	15/01/1978	Ngảm Váng
119	Thào A Xóa	3	Mông	Nam	10/3/1968	Ngảm Váng
120	Thào A Lỷ	5	Mông	Nam	13/12/1990	Ngảm Váng
121	Thào A Sông	6	Mông	Nam	2/6/1968	Ngảm Váng
122	Sùng Thị Mỵ	4	Mông	Nữ	1/5/1949	Ngảm Váng
123	Lầu A Lềnh	4	Mông	Nam	4/10/1995	Ngảm Váng
124	Sùng A Cụa	7	Mông	Nam	24/7/1986	Ngảm Váng
125	Thào A Vàng	5	Mông	Nam	3/2/1994	Ngảm Váng
126	Ma Thị Sia	3	Mông	Nữ	8/11/1990	Ngảm Váng
127	Hoàng A Sậư	3	Mông	Nam	10/14/1969	Ngảm Váng
128	Thào A Tu	4	Mông	Nam	8/6/1993	Ngảm Váng
129	Thào A Hồng	4	Mông	Nam	6/10/1995	Ngảm Váng
130	Thào A Dinh	4	Mông	Nam	26/02/1978	Ngảm Váng
131	Thào A Sùng	5	Mông	Nam	7/5/1987	Ngảm Váng
132	Thào A Dỉa	4	Mông	Nam	5/14/1988	Ngảm Váng
133	Thào A Dây	3	Mông	Nam	6/7/1981	Ngảm Váng
134	Thào A Dẩư	2	Mông	Nam	14/2/1997	Ngảm Váng
135	Triệu Văn Phin	4	Dao	Nam	27/8/1992	Nặm Khiếu
136	Đặng Văn Sơn	4	Dao	Nam	08/6/1990	Nặm Khiếu
137	Tạ Văn Nghì	5	Dao	Nam	2/12/1992	Nặm Khiếu
138	Thào A Thà	6	Mông	Nam	8/9/1992	Nặm Khiếu
139	Sùng A Tọa	8	Mông	Nam	02/7/1960	Nặm Khiếu
140	Phừ Thị Sài	3	Mông	Nữ	1/15/1970	Nặm Khiếu
141	Lý A Dênh	6	Mông	Nam	10/3/1975	Nặm Khiếu
142	Lý A Hồng	5	Mông	Nam	7/1/1986	Nặm Khiếu
143	Lý A Pá	9	Mông	Nam	4/3/1977	Nặm Khiếu
144	Sùng A Thè	5	Mông	Nam	16/11/1969	Nặm Khiếu
145	Lý A Vừ	7	Mông	Nam	02/1/1985	Nặm Khiếu
146	Lý A Sinh	4	Mông	Nam	6/1/1994	Nặm Khiếu
147	Lý A Dê	7	Mông	Nam	20/07/1974	Nặm Khiếu
148	Lý A Chuống	7	Mông	Nam	06/1/1996	Nặm Khiếu
149	Sùng A Chẹ	7	Mông	Nam	24200	Nặm Khiếu
150	Sùng A Làng	8	Mông	Nam	9/29/1984	Nặm Khiếu
151	Sùng A Lỷ	5	Mông	Nam	2/25/1992	Nặm Khiếu

152	Sùng A Lự	4	Mông	Nam	19/07/1968	Nặm Khiếu
153	Đặng Văn Khàng	6	Dao	Nam	22/12/1992	Nặm Khiếu
154	Triệu Văn Ta	3	Dao	Nam	04/10/1997	Nặm Khiếu
155	Thào Minh Hồng	5	Mông	Nam	19/04/1995	Nặm Khiếu
156	Hoàng Văn Tu	5	Mông	Nam	10/16/1992	Nặm Khiếu
157	Lý A Lành	4	Mông	Nam	16/6/1995	Nặm Khiếu
158	Sùng A Vàng	6	Mông	Nam	8/10/1997	Nặm Khiếu
159	Lý A Dỉa	4	Mông	Nam	22/02/1995	Nặm Khiếu
160	Sùng A Dây	4	Mông	Nam	12/2/1982	Nặm Khiếu
161	Lý A Giàng	6	Mông	Nam	14/4/1970	Nặm Khiếu
162	Sùng A Cụa	5	Mông	Nam	6/5/1992	Nặm Khiếu
163	Đặng Tòn Lai	2	Dao	Nam	00/00/1999	Nặm Khiếu
164	Thào Minh Sùng	4	Mông	Nam	12/6/1999	Nặm Khiếu
165	Triệu Văn Cán	4	Dao	Nam	10/10/1978	Nặm Khiếu
166	Sùng A Thắng	2	Mông	Nam	2/12/2002	Nặm Khiếu
167	Sùng A Sồng	4	Mông	Nam	5/25/1996	Nặm Khiếu
168	Triệu Văn Páo	3	Dao	Nam	02/07/1997	Slam Vè
169	Vừ Văn Thanh	4	Mông	Nam	14/7/1999	Slam Vè
170	Đặng Văn Pyao	2	Dao	Nam	23/12/1995	Slam Vè
171	Triệu Thị Chuống	2	Dao	Nữ	01/6/2001	Slam Vè
172	Triệu Văn Tịnh	4	Dao	Nam	11/09/1961	Slam Vè
173	Ma A Dênh	2	Mông	Nam	07/8/1968	Slam Vè
174	Đặng Văn Hiền	6	Dao	Nam	21/02/1994	Slam Vè
175	Triệu Văn Chới	6	Dao	Nam	11/01/1982	Slam Vè
176	Phùng Thị Kiều	4	Dao	Nữ	25/4/1978	Slam Vè
177	Tàn Văn Kinh	5	Dao	Nam	19/5/1996	Slam Vè
178	Bàn Tòn Sai	5	Dao	Nam	29/01/1993	Slam Vè
179	Triệu Văn Sinh	6	Dao	Nam	01/01/1995	Slam Vè
180	Ma A Thào	4	Mông	Nam	02/3/1995	Slam Vè
181	Triệu Văn Sơn	4	Dao	Nam	13/9/1993	Slam Vè
182	Ma A Thàng	6	Mông	Nam	16/7/1993	Slam Vè
183	Ma A Vàng	3	Mông	Nam	17/10/1972	Slam Vè
184	Đặng Văn Chiệp	1	Dao	Nam	15/11/1969	Slam Vè
185	Đặng Văn Chiêu	4	Dao	Nam	11/12/2000	Slam Vè
186	Đặng Văn Ta	5	Dao	Nam	29/4/1998	Slam Vè
187	Triệu Thị Ta	3	Dao	Nữ	26/9/2000	Slam Vè
188	Triệu Văn Nần	4	Dao	Nam	7/14/1983	Slam Vè
189	Tạ Thị Liều	5	Dao	Nữ	7/2/1980	Slam Vè
190	Chảo Kiềm Liểng	7	Dao	Nam	05/01/1986	Slam Vè

191	Đặng Văn Phin	6	Dao	Nam	02/06/1985	Slam Vè
192	Đặng Văn Phâu	5	Dao	Nam	12/10/1988	Slam Vè
193	Bàn Thị Hào	5	Dao	Nữ	08/01/1973	Slam Vè
194	Tạ Văn Phụng	7	Dao	Nam	20/12/1985	Slam Vè
195	Đặng Văn Sìn	6	Dao	Nam	26/05/1995	Slam Vè
196	Triệu Văn Quang	5	Dao	Nam	10/06/1982	Slam Vè
197	Triệu Văn Lẩy	4	Dao	Nam	09/11/1992	Slam Vè
198	Triệu Văn Pu	5	Dao	Nam	23/05/1990	Slam Vè
199	Đặng Văn Lẩy	4	Dao	Nam	13/06/1992	Slam Vè
200	Vừ A Quạ	5	Dao	Nam	23/04/1994	Slam Vè
201	Ma A Lỷ	4	Dao	Nam	10/09/1997	Slam Vè
202	Đặng Thị Phấy	6	Dao	Nữ	30/06/1981	Slam Vè
203	Đặng Văn Viện	2	Dao	Nam	03/12/1993	Slam Vè
204	Đặng Văn Bắp	11	Sán Chỉ	Nam	10/2/1988	Nà Muồng
205	Đặng Văn Nhân	7	Sán Chỉ	Nam	11/12/1996	Nà Muồng
206	Hoàng Văn Dong	2	Sán Chỉ	Nam	10/8/1998	Nà Muồng
207	Đặng Thị Nhằm	3	Sán Chỉ	Nữ	8/28/1974	Nà Muồng
208	Hoàng Văn Nghiệm	2	Sán Chỉ	Nam	1/21/1965	Nà Muồng
209	Đặng Văn Lành	5	Sán Chỉ	Nam	7/30/1995	Nà Muồng
210	Hoàng Văn Mụi	4	Sán Chỉ	Nam	1/7/1953	Nà Muồng
211	Đặng Văn Slíu	8	Sán Chỉ	Nam	3/20/1948	Nà Muồng
212	Hoàng Văn Thằng	5	Sán Chỉ	Nam	4/23/1986	Nà Muồng
213	Trương Văn Mão	9	Sán Chỉ	Nam	12/11/1992	Nà Muồng
214	Hoàng Văn Bích	2	Tày	Nam	1/2/1984	Nà Muồng
215	Nguyễn Văn Nghiệp	4	Tày	Nam	11/23/1989	Nà Muồng
216	Nguyễn Văn Kim	2	Tày	Nam	5/5/1962	Nà Muồng
217	Hà Văn Kiết	5	Sán Chỉ	Nam	9/14/1999	Nà Muồng
218	Triệu Tòn Lải	6	Dao	Nam	12/3/1962	Nà My
219	Triệu Mùi Lịu	4	Dao	Nữ	16/7/1966	Nà My
220	Triệu Văn Nhảy	4	Dao	Nam	25/4/1982	Nà My
221	Triệu Tòn Dết	4	Dao	Nam	19/10/1985	Nà My
222	Triệu Thị Pu	6	Dao	Nữ	2/3/1986	Nà My
223	Triệu Văn Trấn	7	Dao	Nam	16/6/1968	Nà My
224	Triệu Văn Cao	6	Dao	Nam	5/7/1987	Nà My
225	Triệu Văn Hiến	3	Dao	Nam	17/8/1989	Nà My
226	Ma Văn Đinh	4	Tày	Nam	15/10/1963	Nà My
227	Ma Văn Cắm	6	Tày	Nam	15/1/1956	Nà My
228	Nông Văn Sơn	7	Tày	Nam	16/10/1973	Nà My
229	Nông Văn Kim	3	Tày	Nam	14/12/1962	Nà My

230	Lộc Văn Lợi	4	Tày	Nam	1/5/1975	Nà Mẹ
231	Ma Văn Quế	4	Tày	Nam	22/7/1971	Nà Mẹ
232	Hoàng Thồng Piao	5	Dao	Nam	26/01/1990	Nà Mẹ
233	Chu Thanh Kim	2	Tày	Nam	24/9/1954	Nà Mẹ
234	Phùng Chàn Trình	8	Dao	Nam	01/10/1967	Nà Mẹ
235	Triệu Tòn Kiều	3	Dao	Nam	27/10/1988	Nà Mẹ
236	Nông Văn Tường	1	Tày	Nam	25/01/1960	Nà Mẹ
237	Trang A Và	11	Mông	Nam	20/07/1967	Khuổi Lè
238	Trang A Lự	4	Mông	Nam	18/01/1965	Khuổi Lè
239	Trang A Phủa	4	Mông	Nam	16/04/1997	Khuổi Lè
240	Dương Văn Dinh	12	Mông	Nam	17/12/1979	Khuổi Lè
241	Trang A Sinh	4	Mông	Nam	01/01/1990	Khuổi Lè
242	Hoàng Văn Dâử	8	Mông	Nam	15/10/1984	Khuổi Lè
243	Trang A Páo	4	Mông	Nam	04/10/1997	Khuổi Lè
244	Trang A Lềnh	11	Mông	Nam	15/06/1972	Khuổi Lè
245	Hoàng Văn Đình	5	Tày	Nam	10/09/1979	Khuổi Lè
246	Lự Văn Tuyền	4	Tày	Nam	03/11/1975	Khuổi Lè
247	Hà Nhân Thuần	5	Tày	Nam	18/10/1960	Khuổi Lè
248	Hoàng Ngọc Huấn	3	Tày	Nam	12/12/1979	Khuổi Lè
249	Trang A Lềnh	7	Mông	Nam	14/05/1977	Khuổi Lè
250	Ma Văn Thọ	4	Mông	Nam	01/01/1990	Khuổi Lè
251	Trang A Dẩư	4	Mông	Nam	15/01/2001	Khuổi Lè
252	Làu A Làu	6	Mông	Nam	01/01/1979	Khuổi Lè
253	Trang A Tú	3	Mông	Nam	19/08/1986	Khuổi Lè
254	Hoàng Văn Dinh	6	Mông	Nam	01/01/1986	Khuổi Lè
255	Hoàng Văn Cáo	8	Tày	Nam	10/10/1975	Khuổi Lè
256	Dương Văn Dinh	8	Mông	Nam	28/1/1975	Cốc Lào
257	Thào A Dinh	9	Mông	Nam	18/06/1973	Cốc Lào
258	Lý A Dâử	7	Mông	Nam	11/10/1976	Cốc Lào
259	Sùng A Sì	6	Mông	Nam	01/09/1994	Cốc Lào
260	Sùng A Dỉa	3	Mông	Nam	16/09/1993	Cốc Lào
261	Hoàng A Thằng	5	Mông	Nam	10/08/1994	Cốc Lào
262	Hầư A Giàng	7	Mông	Nam	01/07/1979	Cốc Lào
263	Trang A Nú	4	Mông	Nam	01/10/2000	Cốc Lào
264	Sùng Thị Dẩư	5	Mông	Nữ	24/4/2005	Cốc Lào
265	Hoàng A Dâử	5	Mông	Nam	7/1/1992	Cốc Lào
266	Sùng A Quân	6	Mông	Nam	01/10/1994	Cốc Lào
267	Sùng Thị Ca	3	Mông	Nữ	1/1/1994	Cốc Lào
268	Sùng Thị Mẹ	2	Mông	Nữ	17/08/1986	Cốc Lào

269	Hừ Văn Dầử	5	Mông	Nam	01/12/1997	Cốc Lào
270	Sùng Thị Sung	8	Mông	Nữ	01/12/1984	Cốc Lào
271	Sùng A Cỏ	5	Mông	Nam	1/10/1969	Cốc Lào
272	Hoàng Văn Đồng	3	Tày	Nam	18/03/1977	Cốc Lào
273	Triệu Văn Lìn	5	Dao	Nam	5/10/1995	Cốc Lào
274	Mã Văn Nghỉ	7	Tày	Nam	19/1/1965	Cốc Lào
275	Ma A Dê	3	Mông	Nam	15/6/1964	Cốc Lào
276	Thào A Páo	5	Mông	Nam	23/08/1986	Cốc Lào
277	Thào A Dỉa	9	Mông	Nam	02/06/1983	Cốc Lào
278	Đặng Phụ Nần	4	Mông	Nam	23/5/1953	Cốc Lào
279	Triệu Văn Khuân	3	Dao	Nam	20/08/1977	Cốc Lào
280	Hừ Văn Man	3	Mông	Nam	03/04/1968	Cốc Lào
281	Lầu Thị Súa	8	Mông	Nữ	15/09/1985	Cốc Lào
282	Hâừ A Chạ	5	Mông	Nam	01/06/1972	Cốc Lào
283	Trang A Sếnh	3	Mông	Nam	31/05/1956	Cốc Lào
284	Ma A Cha	3	Mông	Nam	11/4/1988	Khâu Slôm
285	Trang A Dà	4	Mông	Nam	6/11/1977	Khâu Slôm
286	Trang A Cụa	7	Mông	Nam	6/1/1974	Khâu Slôm
287	Ma A Lềnh	9	Mông	Nam	9/15/1979	Khâu Slôm
288	Ma A De	6	Mông	Nam	10/26/1982	Khâu Slôm
289	Trang A Páo	8	Mông	Nam	3/4/1974	Khâu Slôm
290	Trang A De	7	Mông	Nam	9/19/1980	Khâu Slôm
291	Tạ Mùi Dết	1	Dao	Nữ	5/28/1987	Khâu Slôm
292	Tạ Văn Sinh	5	Dao	Nam	7/19/1997	Khâu Slôm
293	Tạ Văn Sâu	7	Dao	Nam	1/11/1990	Khâu Slôm
294	Triệu Kiềm Luồng	6	Dao	Nam	12/12/1970	Khâu Slôm
295	Triệu Văn Sơn	4	Dao	Nam	4/30/1997	Khâu Slôm
296	Trang A Dinh	6	Mông	Nam	12/15/1977	Khâu Slôm
297	Trang A Vừ	10	Mông	Nam	1/1/1980	Khâu Slôm
298	Trang A Dẩư	11	Mông	Nam	6/15/1980	Khâu Slôm
299	Phòn Văn On	7	Dao	Nam	1/17/1956	Khâu Slôm
300	Bàn Văn Nái	4	Dao	Nam	5/16/1998	Khâu Slôm
301	Bàn Văn Sỹ	5	Dao	Nam	1/11/1976	Khâu Slôm
302	Triệu Văn Nhì	5	Dao	Nam	11/12/1984	Khâu Slôm
303	Bàn Văn Kiều	5	Dao	Nam	11/10/1986	Khâu Slôm
304	Bàn Văn Khé	14	Dao	Nam	9/20/1967	Khâu Slôm
305	Phùng Văn Ú	5	Dao	Nam	11/21/1999	Khâu Slôm
306	Triệu Văn Dết	5	Dao	Nam	10/4/1997	Khâu Slôm
307	Đặng Thị Thim	3	Dao	Nam	8/22/1972	Khâu Slôm

308	Phùng Văn Phấy	4	Dao	Nam	7/6/1989	Khâu Slôm
309	Triệu Văn Phấu	5	Dao	Nam	11/21/1977	Khâu Slôm
310	Trang A Cụa	6	Mông	Nam	11/30/1979	Khâu Slôm
311	Sùng A Dẩư	8	Mông	Nam	12/08/1943	Hồng Mú
312	Sùng A Dỉa	7	Mông	Nam	10/01/1973	Hồng Mú
313	Sùng A Cụa	6	Mông	Nam	01/06/1975	Hồng Mú
314	Ma A Và	5	Mông	Nam	22/09/1990	Hồng Mú
315	Sùng A Sênh	4	Mông	Nam	20/01/2000	Hồng Mú
316	Sùng A Cọ	4	Mông	Nam	18/11/1998	Hồng Mú
317	Trang A Dinh	3	Mông	Nam	10/05/1989	Hồng Mú
318	Sùng A Chạ	4	Mông	Nam	09/11/1994	Hồng Mú
319	Giàng Thị Dua	5	Mông	Nữ	4/14/1946	Nà Hoi
320	Trương A Cao	5	Mông	Nam	02/08/199	Nà Hoi
321	Trương Văn Thề	5	Mông	Nam	12/24/1987	Nà Hoi
322	Trương A Lềnh	7	Mông	Nam	6/14/1958	Nà Hoi
323	Hứa Văn Dỉa	4	Mông	Nam	8/25/1998	Nà Hoi
324	Sùng A Quạ	5	Mông	Nam	9/4/1987	Nà Hoi
325	Sùng A Lự	6	Mông	Nam	3/3/1986	Nà Hoi
326	Đặng Phụ On	7	Dao	Nam	6/12/1969	Nà Hoi
327	Sùng A Chảo	4	Mông	Nam	4/1/1997	Nà Hoi
328	Sùng A Páo B	4	Mông	Nam	3/3/1995	Nà Hoi
329	Đào Văn Hành	4	Mông	Nam	10/12/1998	Nà Hoi
330	Trương Thị Và	5	Mông	Nữ	4/9/1970	Nà Hoi
331	Đào Văn Phình	3	Mông	Nam	7/20/1977	Nà Hoi
332	Sùng A Páo A	4	Mông	Nam	5/14/1993	Nà Hoi
333	Lý Văn Pụ	6	Dao	Nam	3/4/1971	Nà Hoi
334	Sùng A Dình	4	Mông	Nam	02/08/1998	Nà Hoi
335	Sùng A Tinh	4	Mông	Nam	1/1/1996	Nà Hoi
336	Thào Thị Khu	3	Mông	Nữ	14/01/1987	Khâu Vai
337	Lý Văn Tịnh	4	Mông	Nam	16/8/1985	Khâu Vai
338	Hoàng Văn Vàng	3	Mông	Nam	16/3/1992	Khâu Vai
339	Hoàng Văn Tu	6	Mông	Nam	19/4/1992	Khâu Vai
340	Hoàng Văn Ngài	4	Mông	Nam	18/9/1993	Khâu Vai
341	Hoàng Văn Mu	5	Mông	Nam	20/6/1968	Khâu Vai
342	Hoàng Tu Lủ	5	Mông	Nam	27/7/1972	Khâu Vai
343	Hoàng A Sùng	4	Mông	Nam	4/7/1989	Khâu Vai
344	Thào Văn Lầu	5	Mông	Nam	3/1/1993	Khâu Vai
345	Hoàng A Pá	4	Mông	Nam	25/8/1994	Khâu Vai
346	Hoàng Văn Tính	5	Mông	Nam	25/1/1996	Khâu Vai

347	Hoàng Văn Dình	3	Mông	Nam	26/5/1965	Khâu Vai
348	Triệu Mùi Pham	2	Dao	Nữ	27/02/1977	Khâu Vai
349	Dương Văn Sùng	4	Mông	Nam	01/10/1965	Khâu Vai
350	Dương Văn Páo	9	Mông	Nam	14/7/1988	Khâu Vai
351	Triệu Y Cán	3	Dao	Nam	21/3/1975	Khâu Vai
352	Hoàng Văn Tiến	4	Mông	Nam	06/02/2000	Khâu Vai
353	Thào Thị Pè	3	Mông	Nữ	22/11/1991	Khâu Vai
354	Hoàng Văn Lủ	4	Mông	Nam	12/12/1979	Khâu Vai
355	Hoàng Quốc Dinh	3	Mông	Nam	11/12/1968	Khâu Vai
356	Dương Văn Sinh	8	Mông	Nam	01/ 01/ 1987	Khâu Vai
357	Hoàng Văn Sùng	3	Mông	Nam	15/ 06/ 1983	Khâu Vai
358	Hoàng Văn Thái	4	Mông	Nam	01/ 03/ 2001	Khâu Vai
359	Hoàng Kia Dinh	8	Mông	Nam	20/ 05/ 1976	Khâu Vai
360	Hoàng Văn Bình	4	Mông	Nam	11/06/1999	Khâu Vai
361	Hoàng Văn Tu	3	Mông	Nam	01/11/1963	Khâu Vai
362	Hoàng Văn Sình	5	Mông	Nam	15/01/1982	Khâu Vai
363	Hoàng Văn Khào	6	Mông	Nam	16/03/1971	Khâu Vai
364	Hoàng Thị Thia	4	Mông	Nữ	17/07/1990	Khâu Vai
365	Triệu Sành Chòi	5	Dao	Nam	05/01/1960	Khâu Vai
366	Thào Văn Đàn	5	Mông	Nam	01/02/1993	Khâu Vai
367	Sùng Xuân Hồng	4	Mông	Nữ	01/01/1994	Khâu Vai
368	Lý Văn Nồng	5	Mông	Nam	26/10/1983	Khâu Vai
369	Hoàng Ngọc Kinh	3	Mông	Nam	14/07/1990	Khâu Vai
370	Thào Văn Páo	6	Mông	Nam	23/03/1961	Khâu Vai
371	Hoàng Văn Dẩu	4	Mông	Nam	17/3/1975	Khâu Vai
372	Dương Thị Dinh	4	Mông	Nữ	16/6/1977	Khâu Vai
373	Sùng Văn Quân	10	Mông	Nam	13/3/1983	Khâu Phảng
374	Sùng A Dỉa	5	Mông	Nam	05/2/1974	Khâu Phảng
375	Sùng A Chúng	2	Mông	Nam	04/01/1960	Khâu Phảng
376	Giàng Văn Lành	6	Mông	Nam	16/02/1982	Khâu Phảng
377	Sùng Văn Páo	4	Mông	Nam	02/3/1993	Khâu Phảng
378	Sùng Văn Giàng	5	Mông	Nam	10/3/1988	Khâu Phảng
379	Sùng A Tu A	11	Mông	Nam	28/01/1971	Khâu Phảng
380	Sùng A Sì	11	Mông	Nam	18/2/1974	Khâu Phảng
381	Đặng Văn Tình	2	Dao	Nam	24/10/1972	Khâu Phảng
382	Đặng Thị Hoa	3	Dao	Nữ	01/11/1977	Khâu Phảng
383	Đặng Văn Sỹ	2	Dao	Nam	05/5/1990	Khâu Phảng
384	Đặng Văn Nghi	8	Dao	Nam	22/12/1975	Khâu Phảng
385	Hoàng Văn Nam	1	Tày	Nam	2/12/1966	Nặm Mây

386	Triệu Mùi Dết	3	Dao	Nữ	05/061986	Nặm Mây
387	Đặng Vần U	5	Dao	Nam	3/17/1984	Nặm Mây
388	Hoàng Văn Đàm	5	Dao	Nam	10/21/1976	Nặm Mây
389	Đặng Mùi Nhậy	4	Dao	Nữ	12/11/1990	Nặm Mây
390	Nông Văn Toàn	3	Tày	Nam	13/05/1959	Nặm Mây
391	Cà Sỹ Nhật	6	Tày	Nam	14/04/1954	Nặm Mây
392	Hoàng Văn Kỉnh	5	Tày	Nam	15/02/1967	Nặm Mây
393	Ma Văn Duy	4	Tày	Nam	10/8/1991	Nặm Mây
394	Cà Văn Thiềm	4	Tày	Nam	9/26/1972	Nặm Mây
395	Hoàng Thồng Páo	7	Dao	Nam	1/1/1963	Nặm Mây
396	Triệu Mùi Coi	4	Dao	Nữ	5/8/2006	Nặm Mây
397	Cà Thị Hà	3	Tày	Nữ	04/4/1992	Nặm Mây
398	Hoàng Văn Cao	5	Sán chỉ	Nam	8/19/1968	Nà Phầy
399	Hoàng Văn Ngao	4	Sán chỉ	Nam	1/7/1985	Nà Phầy
400	Hoàng Văn Mon	9	Sán chỉ	Nam	7/13/1959	Nà Phầy
401	Triệu Thị Trọng	7	Sán chỉ	Nữ	7/26/1982	Nà Phầy
402	Lý Văn Đại	6	Sán chỉ	Nam	10/25/1988	Nà Phầy
403	Triệu Văn Khải	6	Sán chỉ	Nam	7/27/1973	Nà Phầy
404	Hoàng Văn Đậu	5	Sán chỉ	Nam	12/30/1962	Nà Phầy
405	Bàn Văn Phya	1	Sán chỉ	Nam	12/15/1961	Nà Phầy
406	Hà Thị Viến	2	Sán chỉ	Nữ	2/1/1998	Nà Phầy
407	Hà Văn Tây	6	Sán chỉ	Nam	6/25/1987	Nà Phầy
408	Đặng Thị Chăn	2	Sán chỉ	Nữ	04/11/1956	Nà Phầy
409	Hoàng Văn Kím	6	Sán chỉ	Nam	8/8/1970	Nà Phầy
410	Trương Văn Trọng	4	Sán chỉ	Nam	23/10/1995	Nà Phầy
411	Đặng Văn Chăn	5	Sán chỉ	Nam	12/2/1986	Nà Phầy
412	Hà Văn Kỳ	2	Sán chỉ	Nam	9/1/1990	Nà Phầy
413	Nông Thị Hoe	2	Tày	Nữ	7/12/1986	Nà Lẹng
414	Nguyễn Đình Hử	2	Tày	Nam	27/07/1947	Nà Lẹng
415	Nguyễn Thị Quyến	3	Tày	Nữ	25/03/1990	Nà Lẹng
416	Hoàng Văn Vừ	7	Mông	Nam	3/15/1977	Phiêng Lủng
417	Đào Văn Mến	6	Mông	Nam	11/22/1995	Phiêng Lủng
418	Dương Văn Sinh	2	Mông	Nam	7/10/1956	Phiêng Lủng
419	Dương Văn Cụa	7	Mông	Nam	2/1/1963	Phiêng Lủng
420	Sùng Minh Tiến	8	Mông	Nam	10/13/1981	Phiêng Lủng
421	Sùng Văn Chinh	3	Mông	Nam	9/20/1996	Phiêng Lủng
422	La Văn Dẩu	6	Mông	Nam	12/2/2982	Phiêng Lủng
423	Sùng Văn Khanh	4	Mông	Nam	03/07/1995	Phiêng Lủng
424	Sùng Văn Sành	5	Mông	Nam	3/11/1991	Phiêng Lủng

425	Thào Thị Dí	5	Mông	Nữ	10/8/1970	Phiêng Lủng
426	La Văn Thành	5	Mông	Nam	01/11/1993	Phiêng Lủng
427	Dương Văn Dẩu	8	Mông	Nam	1/25/1991	Phiêng Lủng
428	Sùng Văn Lềnh	6	Mông	Nam	3/13/1960	Phiêng Lủng
429	Nông Thị Hợi	1	Tày	Nữ	3/22/1963	Nà Coóc
430	Tô Thị Hương	2	Tày	Nữ	1/1/1960	Đồng Lẻo
431	Hoàng Văn Cửu	3	Tày	Nam	9/26/1955	Đồng Lẻo
432	Lộc Sỹ Quốc	2	Tày	Nam	02/09/1969	Đông Lẻo
433	Quách Văn Toàn	4	Tày	Nam	11/17/1984	Ngã Ba
434	Lộc Dương Sơn	3	Tày	Nam	4/11/1978	Ngã Ba
435	Chu Văn Giáp	3	Tày	Nam	3/10/1981	Ngã Ba
436	Quách Xuân Doanh	1	Tày	Nam	9/19/1960	Ngã Ba
437	Đặng Thị Slím	2	Sán chỉ	Nữ	9/10/1961	Khâu Đấng
438	Ma Thị Nhọt	2	Sán chỉ	Nữ	4/16/1971	Khâu Đấng
439	Đặng Văn Anh	10	Sán chỉ	Nam	10/4/1989	Khâu Đấng
440	Hoàng Văn Mành	6	Sán chỉ	Nam	5/21/1952	Khâu Đấng
441	Đặng Văn Khín	6	Sán chỉ	Nam	14/04/1965	Khâu Đấng
442	Hoàng Văn Nam	6	Sán chỉ	Nam	4/24/1962	Khâu Đấng
443	Đặng Thị Kím	1	Sán chỉ	Nữ	5/23/1951	Nà Làng
444	Đặng Thị Mích	5	Sán chỉ	Nữ	9/12/1974	Nà Làng
445	Đặng Văn Slín	7	Sán chỉ	Nam	4/24/1974	Nà Làng
446	Đặng Thị Duyên	4	Sán chỉ	Nữ	7/17/1982	Nà Làng
447	Hoàng Văn Giới	5	Sán chỉ	Nam	6/16/1960	Nà Làng
448	Đặng Văn Tiến	5	Sán chỉ	Nam	11/11/1995	Nà Làng
449	Đặng Văn Ninh	8	Sán chỉ	Nam	4/18/1967	Nà Làng
450	Hoàng Văn Thắng	3	Sán chỉ	Nam	6/30/1972	Nà Làng
451	Lục Văn Thông	3	Sán chỉ	Nam	10/10/1991	Nà Làng
452	Hoàng Văn Tình	4	Sán chỉ	Nam	7/18/1991	Nà Làng
453	Đặng Văn Vành	6	Sán chỉ	Nam	11/13/1983	Nà Làng
454	Phùng Văn Tánh	1	Sán chỉ	Nam	8/3/1980	Nà Làng
455	Triệu Mùi Liu	3	Sán chỉ	Nữ	1/18/1960	Nà Làng
456	Đặng Văn Ỏn	7	Sán chỉ	Nam	10/6/1973	Nà Làng
457	Đặng Văn Slám	4	Sán chỉ	Nam	9/19/1979	Nà Làng
458	Phùng Văn Thắng	5	Sán chỉ	Nam	3/26/1984	Nà Làng
459	Hoàng Văn Lập	5	Sán chỉ	Nam	8/17/1995	Nà Làng
460	Hoàng Văn Ích	6	Sán chỉ	Nam	3/7/1987	Nà Làng
461	Đặng Văn Lòng	7	Sán chỉ	Nam	6/16/1958	Nà Làng
462	Hoàng Văn Chung	3	Sán chỉ	Nam	2/7/1996	Nà Làng
463	Hoàng Văn Lâm	5	Sán chỉ	Nam	6/15/1974	Nà Làng

464	Phượng Quầy On	2	Dao	Nam	3/21/1961	Lủng Pảng
465	Hoàng Thị Iết	6	Dao	Nữ	6/20/1967	Lủng Pảng
466	Triệu Tạ Vạng	4	Dao	Nam	4/22/1989	Lủng Pảng
467	Phượng Chòi Phin	5	Dao	Nam	9/7/1994	Lủng Pảng
468	Lý Mùi Liu	3	Dao	Nữ	1/3/1975	Lủng Pảng
469	Phượng Chàn Quyên	2	Dao	Nam	12/18/1985	Lủng Pảng
470	Sùng Văn Sùng	7	Mông	Nam	7/3/1960	Lủng Pảng
471	Sùng Văn Dẩư	4	Mông	Nam	3/1/1998	Lủng Pảng
472	Hoàng Văn Kỵ	5	Mông	Nam	9/5/1992	Lủng Pảng
473	Hoàng Văn Dâử	5	Mông	Nam	10/7/1996	Lủng Pảng
474	Bàn Dào Xìn	4	Dao	Nam	2/11/1987	Lủng Pảng
475	Triệu Mùi Chuổng	3	Dao	Nữ	1/1/1999	Lủng Pảng
476	Triệu Tạ Pu	2	Dao	Nam	10/15/1983	Lủng Pảng
477	Sằm Thị ỷ	1	Tày	Nữ	1/1/1945	Bản Khúa
478	Triệu Dào Chòi	4	Tày	Nam	6/1/1967	Bản Khúa
479	Cà Thị Thời	5	Tày	Nữ	24/4/196	Bản Khúa
480	Hà Văn Công	5	Tày	Nam	12/12/1961	Bản Khúa
481	Hoàng A Lềnh	4	Mông	Nam	1/1/1972	Bản Mạn
482	Ma Thị Biên	4	Tày	Nữ	10/11/1977	Bản Mạn
483	Hoàng Văn Cao	4	Tày	Nam	20/3/1980	Bản Mạn
484	Bế Văn Hành	8	Tày	Nam	15/8/1976	Bản Mạn
485	Đặng Văn Máu	5	Sán Chỉ	Nam	20/4/1964	Bản Mạn
486	Đặng Văn Đàm	6	Sán Chỉ	Nam	28/1/1956	Bản Mạn
487	Đặng Văn Kiên	4	Sán Chỉ	Nam	13/4/1980	Bản Mạn
488	Đặng Văn Dăn	6	Sán Chỉ	Nam	16/3/1996	Bản Mạn
489	Hoàng Văn Loòng	6	Tày	Nam	6/11/1978	Bản Mạn
490	Phòn Văn Hàm	8	Sán Chỉ	Nam	25/10/1973	Bản Mạn
491	Tô Văn Đài	6	Sán Chỉ	Nam	29/6/1978	Bản Mạn
492	Đặng Văn Tăng	6	Sán Chỉ	Nam	11/1/1964	Bản Mạn
493	Phùng Văn Quân	7	Sán Chỉ	Nam	14/7/1987	Bản Mạn
494	Triệu Kiềm Viện	4	Dao	Nam	3/4/1998	Bản Mạn
495	Đặng Văn Quyền	5	Sán Chỉ	Nam	15/8/1989	Bản Mạn
496	Đặng Văn Đài	7	Sán Chỉ	Nam	1962	Bản Mạn
497	Đặng Văn Thịnh	7	Sán Chỉ	Nam	18/12/1960	Bản Mạn
498	Đặng Văn Hon	7	Sán Chỉ	Nam	16/8/1962	Bản Mạn
499	Trệu Kiềm Cản	3	Dao	Nam	20/3/1991	Bản Mạn
500	Triệu Mùi Pham	3	Dao	Nữ	25/9/1998	Bản Mạn
501	Tô Thị Sận	4	Sán Chỉ	Nữ	23/5/1905	Bản Mạn
502	Đặng Văn Tắc	6	Sán Chỉ	Nam	25/5/1969	Bản Mạn

503	Triệu Vần Pu	6	Dao	Nam	29/12/1976	Bản Mạn
504	Triệu Mùi Nhậy	3	Dao	Nữ	14/7/1976	Khâu Bang
505	Triệu Dào Phin	8	Dao	Nam	6/11/1994	Khâu Bang
506	Triệu Vần Nần	6	Dao	Nam	11/6/1986	Khâu Bang
507	Phùng Mùi Liều	3	Dao	Nữ	20/6/1980	Khâu Bang
508	Đặng Phụ Vạng	7	Dao	Nam	3/2/1961	Khâu Bang
509	Đặng Vần Chiêu	4	Dao	Nam	25/12/1973	Khâu Bang
510	Phùng Chang Phâu	3	Dao	Nam	13/2/1989	Khâu Bang
511	Triệu Chòi Lụa	5	Dao	Nam	20/2/1991	Khâu Bang
512	Triệu Dào Kiêm	2	Dao	Nam	6/7/1988	Khâu Bang
513	Đặng Mùi Sếnh	2	Dao	Nữ	26/7/1976	Khâu Bang
514	Phùng Chang Tịnh	5	Dao	Nam	12/11/1991	Khâu Bang
515	Triệu Dào Phẩu	8	Dao	Nam	10/3/1970	Khâu Bang
516	Triệu Dào Trình	5	Dao	Nam	23/10/1982	Khâu Bang
517	Triệu Vần Pyao	7	Dao	Nam	21/5/1995	Khâu Bang
518	Triệu Dào Khiền	4	Dao	Nam	22/8/1988	Khâu Bang
519	Phùng Chang Phụng	4	Dao	Nam	4/7/1997	Khâu Bang
520	Triệu Dào Pảo	6	Dao	Nam	14/7/1983	Khâu Bang
521	Triệu Dào Kinh	6	Dao	Nam	27/8/1986	Khâu Bang
522	Triệu Dào Kiêm	4	Dao	Nam	30/10/1983	Khâu Bang
523	Đặng Mùi Lụa	5	Dao	Nữ	10/6/1980	Khâu Bang
524	Lý Mùi Man	6	Dao	Nữ	8/12/1978	Khâu Bang
525	Dặng Dào Pyao	3	Dao	Nam	19/6/2006	Khâu Bang
526	Triệu Tòn Nhậy	4	Dao	Nam	30/1/1998	Khâu Bang
527	Đặng Phụ Vạng	5	Dao	Nam	6/5/1962	Khâu Bang
528	Phùng Chang Phộng	6	Dao	Nam	11/10/1985	Khâu Bang
529	Đặng Mùi Lai	5	Dao	Nữ	28/6/1972	Khâu Bang
530	Lý Vần Kinh	4	Dao	Nam	2/2/1986	Khâu Bang
531	Đặng Phụ Kinh	12	Dao	Nam	15/10/1987	Khâu Bang
532	Lý Vần Sơn	2	Dao	Nam	5/8/1996	Khâu Bang
533	Lý Vần Vạng	6	Dao	Nam	7/9/1984	Khâu Bang
534	Triệu Phụ Chòi	4	Dao	Nam	6/7/1996	Khâu Bang
535	Phùng Vần Cản	5	Dao	Nam	12/3/1992	Khâu Bang
536	Đặng Phụ Quyên	11	Dao	Nam	17/2/1972	Khâu Bang
537	Lý Vần Châu	8	Dao	Nam	7/2/1982	Khâu Bang
538	Phùng Mùi Lẩy	6	Dao	Nữ	10/8/1966	Khâu Bang
539	Phùng Chang Mình	3	Dao	Nam	16/6/1982	Khâu Bang
540	Đặng Chòi Phu	5	Dao	Nam	29/3/1983	Khâu Bang
541	Đặng Chòi Hin	7	Dao	Nam	18/7/1979	Khâu Bang

542	Phùng Kiềm Chán	7	Dao	Nam	16/10/1984	Khâu Bang
543	Lý Mùi Nhậy	5	Dao	Nữ	3/5/1986	Khâu Bang
544	Đặng Mùi Nái	5	Dao	Nữ	3/9/1973	Khâu Bang
545	Lý Vần Sếnh	5	Dao	Nam	13/9/1973	Khâu Bang
546	Đặng Chòi Sơn	6	Dao	Nam	5/1/1970	Khâu Bang
547	Hoàng Chàn Kiêm	11	Dao	Nam	6/10/1979	Khâu Bang
548	Đặng Chòi Guyện	4	Dao	Nam	28/2/1962	Khâu Bang
549	Nông Thị Liên	2	Tày	Nữ	12/2/1969	Khâu Bang
550	Triệu Mùi Phấy	5	Dao	Nữ	4/1/1996	Khâu Bang
551	Long Văn Minh	3	Tày	Nam	16/6/1968	Khâu Bang
552	Phùng Vần Nần	5	Dao	Nam	5/6/1985	Khâu Bang
553	Phùng Kiềm Guyện	7	Dao	Nam	18/9/1974	Khâu Bang
554	Đặng Dùn Quyên	3	Dao	Nam	11/12/1993	Khâu Bang
555	Phùng Chang Kiêm	4	Dao	Nam	18/8/1992	Khâu Bang
556	Triệu Mùi Nhậy	5	Dao	Nữ	19/11/1999	Khâu Bang
557	Hoàng Sùn Nhàn	5	Dao	Nam	12/26/1967	Khuổi Khí
558	Hoàng Sùn Phẩu	4	Dao	Nam	4/18/1990	Khuổi Khí
559	Triệu Chòi Kinh	5	Dao	Nam	3/8/1993	Khuổi Khí
560	Hoàng Sùn Viện	8	Dao	Nam	2/5/1974	Khuổi Khí
561	Triệu Dào Sìn	7	Dao	Nam	11/2/1961	Khuổi Khí
562	Hoàng Sành Quyên	7	Dao	Nam	11/16/1990	Khuổi Khí
563	Triệu Dào Lụa	3	Dao	Nam	9/11/1979	Khuổi Khí
564	Hoàng Sành Pjao	4	Dao	Nam	11/3/1987	Khuổi Khí
565	Triệu Mùi Sếnh	3	Dao	Nữ	10/30/1969	Khuổi Khí
566	Hoàng Sành Kinh	3	Dao	Nam	4/17/1980	Khuổi Khí
567	Triệu Chòi Chán	4	Dao	Nam	5/19/1994	Khuổi Khí
568	Hoàng Sùn Sơn	5	Dao	Nam	10/20/1982	Khuổi Khí
569	Hoàng Sành Vần	4	Dao	Nam	3/15/1989	Khuổi Khí
570	Hoàng Mùi Phấy	3	Dao	Nữ	8/15/1985	Khuổi Khí
571	Hoàng Mùi Phấy	3	Dao	Nữ	6/26/1981	Khuổi Khí
572	Hoàng Sùn Trình	4	Dao	Nam	4/20/1969	Khuổi Khí
573	Lý Vần Pu	4	Dao	Nam	6/13/1984	Khuổi Khí
574	Hoàng Sành Châu	5	Dao	Nam	2/2/1992	Khuổi Khí
575	Triệu Chồng Quấy	7	Dao	Nam	9/20/1971	Khuổi Khí
576	Triệu Chồng Và	6	Dao	Nam	7/28/1968	Khuổi Khí
577	Triệu Chồng Giảo	9	Dao	Nam	9/10/1978	Khuổi Khí
578	Lý Kiềm Vạng	6	Dao	Nam	8/29/1974	Khuổi Khí
579	Triệu Chồng Quyên	4	Dao	Nam	1/20/1986	Khuổi Khí
580	Triệu Chồng Phâu	5	Dao	Nam	1/10/1998	Khuổi Khí

581	Hoàng Sùn Pyao	6	Dao	Nam	5/17/1974	Khuổi Khí
582	Hoàng Mùi Phin	1	Dao	Nữ	1/1/1966	Khuổi Khí
583	Phùng Kiềm Quyên	9	Dao	Nam	11/24/1973	Khuổi Khí
584	Phùng Tòn Diết	3	Dao	Nam	11/20/1998	Khuổi Khí
585	Phùng Mùi Phấy	8	Dao	Nữ	1/3/1963	Khuổi Khí
586	Triệu Chiều Kiêm	7	Dao	Nam	10/10/1973	Khuổi Khí
587	Triệu Chàn Phu	6	Dao	Nam	11/7/1984	Khuổi Khí
588	Triệu Vạn Phấu	6	Dao	Nam	2/1/1968	Khuổi Khí
589	Phùng Vần Phin	5	Dao	Nam	1/20/1961	Khuổi Khí
590	Hoàng Dùn Quẩy	7	Dao	Nam	8/1/1975	Khuổi Khí
591	Lý Mùi Diết	2	Dao	Nữ	9/10/1962	Khuổi Khí
592	Triệu Chòi Phâu	5	Dao	Nam	10/2/1993	Khuổi Khí
593	Đặng Mùi Líu	2	Dao	Nữ	10/20/2980	Khuổi Khí
594	Hoàng Dào Luồng	6	Dao	Nam	9/27/1975	Khuổi Khí
595	Hoàng Dùn Châu	9	Dao	Nam	9/11/1973	Khuổi Khí
596	Hoàng Sành Phin	4	Dao	Nam	6/13/1975	Khuổi Khí
597	Lý Mùi Chiểu	3	Dao	Nữ	3/14/1985	Khuổi Khí
598	Triệu Chòi Chiêu	7	Dao	Nam	8/15/1990	Khuổi Khí
599	Triệu Chòi Phin	4	Dao	Nam	12/6/1987	Khuổi Khí
600	Lý Mùi Mao	2	Dao	Nam	4/13/1987	Khuổi Khí
601	Triệu Dào Kinh	3	Dao	Nam	8/6/1964	Khuổi Khí
602	Triệu Dào Lìn	5	Dao	Nam	8/10/1976	Khuổi Khí
603	Triệu Dào Phâu	6	Dao	Nam	7/9/1959	Khuổi Khí
604	Triệu Dào Toòng	6	Dao	Nam	1/10/1967	Khuổi Khí
605	Triệu Tòn U	5	Dao	Nam	5/25/1996	Khuổi Khí
606	Triệu Dào Lụa	8	Dao	Nam	9/12/1975	Khuổi Khí
607	Hoàng Chàn Phẩu	5	Dao	Nam	8/18/1970	Khuổi Khí
608	Hoàng Chàn Toòng	4	Dao	Nam	3/1/1981	Khuổi Khí
609	Hoàng Vần Mình	5	Dao	Nam	7/8/1993	Khuổi Khí
610	Lý Dào Mình	7	Dao	Nam	4/16/1961	Khuổi Khí
611	Triệu Dào Phụng	6	Dao	Nam	8/24/1978	Khuổi Khí
612	Lý Kiềm Tịnh	5	Dao	Nam	8/12/1979	Khuổi Khí
613	Triệu Tòn Phấy	4	Dao	Nam	10/10/1986	Khuổi Khí
614	Triệu Dào Tịnh	7	Dao	Nam	6/15/1962	Khuổi Khí
615	Sằm Lồng Phu	5	Dao	Nam	11/5/1962	Khuổi Khí
616	Bàn Sành Chòi	4	Dao	Nam	2/4/1972	Khuổi Khí
617	Lý Kiềm Phâu	5	Dao	Nam	8/24/1987	Khuổi Khí
618	Bàn Sành Hin	8	Dao	Nam	10/10/1970	Khuổi Khí
619	Triệu Dào Phin	5	Dao	Nam	8/27/1988	Khuổi Khí

620	Hoàng Tòn Kiều	4	Dao	Nam	10/11/1988	Khuổi Khí
621	Hoàng Mùi Pham	5	Dao	Nam	2/22/1972	Khuổi Khí
622	Hoàng Sành Ta	8	Dao	Nam	6/14/1972	Khuổi Khí
623	Hoàng Sùn Chòi	8	Dao	Nam	9/13/1974	Khuổi Khí
624	Triệu Dào Vần	6	Dao	Nam	12/17/1973	Khuổi Khí
625	Hoàng Thồng Pảo	3	Dao	Nam	2/21/1974	Khuổi Khí
626	Hoàng Tòn San	8	Dao	Nam	11/18/1991	Khuổi Khí
627	Hoàng Sành Cuối	5	Dao	Nam	9/11/1977	Khuổi Khí
628	Hoàng Sành Chiêu	4	Dao	Nam	10/20/1988	Khuổi Khí
629	Hoàng Sùn Chòi	4	Dao	Nam	10/3/1993	Khuổi Khí
630	Sằm Phụng Phin	4	Dao	Nam	6/1/1982	Khuổi Khí
631	Hoàng Sùn Giảo	6	Dao	Nam	1/28/1971	Khuổi Khí
632	Lý Kiềm Khiền	3	Dao	Nam	10/19/1964	Khuổi Khí
633	Phùng Thị Nhất	3	Tày	Nữ	3/13/1996	Khuổi Lính
634	Giàng Thị Dí	4	Mông	Nữ	5/25/1989	Khuổi Lính
635	Sằm Văn Minh	7	Tày	Nam	11/23/1992	Khuổi Lính
636	Vàng A Tu	5	Mông	Nam	8/18/1986	Khuổi Lính
637	Thào Văn Dinh	4	Mông	Nam	9/9/1970	Khuổi Mạn
638	Vừ Văn Hâừ	5	Mông	Nam	17/2/1999	Khuổi Mạn
639	Sùng Văn Thành	7	Mông	Nam	15/12/1991	Khuổi Mạn
640	Thào Văn Quạ	4	Mông	Nam	12/10/1996	Khuổi Mạn
641	Dương Văn Xúa	5	Mông	Nam	19/7/1990	Khuổi Mạn
642	Hoàng Văn Thề	8	Mông	Nam	5/7/1976	Khuổi Mạn
643	Hầu A Páo	6	Mông	Nam	13/6/1991	Khuổi Mạn
644	Thào Văn Căn	5	Mông	Nam	11/6/1992	Khuổi Mạn
645	Vừ Văn Thào	15	Mông	Nam	11/9/1976	Khuổi Mạn
646	Vừ Văn Sùng	5	Mông	Nam	2/2/1979	Khuổi Mạn
647	Vừ Văn Lừ	6	Mông	Nam	9/12/1992	Khuổi Mạn
648	Thào Văn Dẩư	7	Mông	Nam	15/8/1962	Khuổi Mạn
649	Thào Văn Vàng	6	Mông	Nam	19/10/1963	Khuổi Mạn
650	Thào Văn Sự	7	Mông	Nam	18/8/1985	Khuổi Mạn
651	Thào Văn Lực	4	Mông	Nam	1/11/1990	Khuổi Mạn
652	Lầu A Sóa	7	Mông	Nam	14/1/1966	Khuổi Mạn
653	Hoàng Văn Sinh	8	Mông	Nam	11/4/1990	Khuổi Mạn
654	Lầu A Sự	6	Mông	Nam	12/7/1997	Khuổi Mạn
655	Hầư Văn Là	7	Mông	Nam	4/2/1980	Khuổi Mạn
656	Thào Văn Căn	4	Mông	Nam	17/2/1993	Khuổi Mạn
657	Thào Văn Sinh	5	Mông	Nam	12/3/1996	Khuổi Mạn
658	Vừ Văn Ve	5	Mông	Nam	13/11/1996	Khuổi Mạn

659	Vừ Văn Tu	4	Mông	Nam	14/6/1992	Khuổi Mạn
660	Thào Văn Tu	5	Mông	Nam	3/2/1994	Khuổi Mạn
661	Hoàng Văn Tu	5	Mông	Nam	1998	Khuổi Mạn
662	Hoàng Văn Tu	3	Mông	Nam	2/11/1955	Khuổi Mạn
663	Sùng Văn Tu	4	Mông	Nam	2/7/1994	Khuổi Mạn
664	Hoàng Văn Pá	6	Mông	Nam	28/10/2003	Khuổi Mạn
665	Vừ Văn Dinh	7	Mông	Nam	11/3/1996	Khuổi Mạn
666	Sùng A Sống	5	Mông	Nam	10/2/1987	Khuổi Mạn
667	Hoàng Văn Ngài	4	Mông	Nam	4/7/1992	Khuổi Mạn
668	Thào Văn Dinh	3	Mông	Nam	1/2/1986	Khuổi Mạn
669	Hoàng Văn Dí	7	Mông	Nam	7/3/1960	Khuổi Mạn
670	Thào Văn Sùng	8	Mông	Nam	15/7/1967	Khuổi Mạn
671	Sùng A Sinh	4	Mông	Nam	7/7/1978	Khuổi Mạn
672	Thào Văn Sùng	3	Mông	Nam	9/6/1960	Khuổi Mạn
673	Thào Văn Lự	5	Mông	Nam	1984	Khuổi Mạn
674	Sùng Văn Khài	6	Mông	Nam	10/5/1997	Khuổi Mạn
675	Sùng Văn Thà	6	Mông	Nam	20/11/1993	Khuổi Mạn
676	Vừ Văn Chinh	9	Mông	Nam	12/4/1993	Khuổi Mạn
677	Vừ Văn Chẹ	5	Mông	Nam	12/10/1993	Khuổi Mạn
678	Sùng Văn Dẩư	6	Mông	Nam	5/6/1997	Khuổi Mạn
679	Hoàng Văn Dẩu	2	Mông	Nam	29/6/2001	Khuổi Mạn
680	Hoàng Văn Dỉa	6	Mông	Nam	7/5/1954	Khuổi Mạn
681	Hoàng Văn Hầu	5	Mông	Nam	26/3/1998	Khuổi Mạn
682	Vừ Văn Ngài	6	Mông	Nam	1958	Khuổi Mạn
683	Thào A Ngài	5	Mông	Nam	11/5/1982	Khuổi Mạn
684	Thào Văn Nồng	8	Mông	Nam	18/10/1974	Khuổi Mạn
685	Thào Văn Khào	7	Mông	Nam	15/8/1963	Khuổi Mạn
686	Thào Dũng Mù	5	Mông	Nam	16/6/1986	Khuổi Mạn
687	Thào Văn Xe	8	Mông	Nam	25/5/1978	Khuổi Mạn
688	Thào Văn Thà	6	Mông	Nam	16/5/1961	Khuổi Mạn
689	Sùng Văn Pá	5	Mông	Nam	10/11/1961	Khuổi Mạn
690	Sùng Á Slênh	4	Mông	Nam	16/4/1977	Khuổi Mạn
691	Thào Văn Giàng	9	Mông	Nam	5/9/1961	Khuổi Mạn
692	Hoàng Văn Nội	3	Mông	Nam	22/7/1995	Khuổi Mạn
693	Thào Văn Dê	6	Mông	Nam	5/8/1963	Khuổi Mạn
694	Hoàng Văn Hồng	6	Mông	Nam	1/6/1997	Khuổi Mạn
695	Hoàng Văn Sinh	3	Mông	Nam	24/7/1992	Khuổi Mạn
696	Thào Văn Pá	4	Mông	Nam	2/2/1992	Khuổi Mạn
697	Hoàng Văn Dẩư	5	Mông	Nam	20/3/1994	Khuổi Mạn

698	Hoàng Văn Chạn	4	Mông	Nam	28/12/1986	Khuổi Mạn
699	Thào Văn Tu	4	Mông	Nam	17/12/1989	Khuổi Mạn
700	Sùng Thị Sải	5	Mông	Nữ	25/5/1987	
701	Thào Văn Lự	4	Mông	Nam	6/8/1998	Khuổi Mạn
702	Thào A Lầu	6	Mông	Nam	10/3/1995	Khuổi Mạn
703	Thào Văn Dinh	2	Mông	Nam	1996	Khuổi Mạn
704	Dương Văn Quạ	7	Mông	Nam	10/2/1987	Lủng Mít
705	Dương Văn Thàng	6	Mông	Nam	3/8/1979	Lủng Mít
706	Hoàng Thị Mỵ	10	Mông	Nữ	7/4/1964	Lủng Mít
707	Hoàng Văn Anh	10	Mông	Nam	2/3/1978	Lủng Mít
708	Hoàng Văn Bình	5	Mông	Nam	11/01/1989	Lủng Mít
709	Thào Văn Chạ	6	Mông	Nam	8/20/1968	Lủng Mít
710	Thào Văn Lềnh	4	Mông	Nam	7/27/1987	Lủng Mít
711	Hoàng Văn Lý	3	Mông	Nam	5/5/1965	Lủng Mít
712	Hoàng Văn Páo	8	Mông	Nam	1/26/1982	Lủng Mít
713	Hoàng Văn Tủ	4	Mông	Nam	30/11/1993	Lủng Mít
714	Hoàng Văn Vàng	4	Mông	Nam	2/12/1980	Lủng Mít
715	Lầu Văn Toạ	4	Mông	Nam	2/22/1978	Lủng Mít
716	Lý Văn Lành	5	Mông	Nam	21/3/1990	Lủng Mít
717	Nông Văn Vàng	5	Mông	Nam	5/10/1972	Lủng Mít
718	Sùng Văn Dẩu	4	Mông	Nam	1/10/1963	Lủng Mít
719	Thào A Cụa	5	Mông	Nam	2/4/1991	Lủng Mít
720	Thào Văn Sùng	5	Mông	Nam	6/2/1996	Lủng Mít
721	Thào Văn Ngài	6	Mông	Nam	11/27/1975	Lủng Mít
722	Thào Văn Quạ	4	Mông	Nam	10/9/1972	Lủng Mít
723	Thào Văn Vàng	6	Mông	Nam	8/12/1962	Lủng Mít
724	Vừ Văn Sùng	8	Mông	Nam	9/5/1967	Lủng Mít
725	Thào Văn Páo	7	Mông	Nam	7/30/1988	Lủng Mít
726	Sùng Văn Tu	5	Mông	Nam	10/1/1991	Lủng Mít
727	Hoàng Văn Dinh	3	Mông	Nam	10/11/1983	Lủng Mít
728	Sùng Văn Tụa	7	Mông	Nam	1/3/1993	Lủng Mít
729	Sùng Văn Lềnh	6	Mông	Nam	7/16/1972	Lủng Mít
730	Hoàng Văn Sự	5	Mông	Nam	12/25/1993	Lủng Mít
731	Hoàng Văn Thào	4	Mông	Nam	12/15/1987	Lủng Mít
732	Hoàng Văn Dê	10	Mông	Nam	5/10/1971	Lủng Mít
733	Thào Văn Sinh	3	Mông	Nam	1/3/1995	Lủng Mít
734	Sùng Văn Dủa	4	Mông	Nam	10/13/1958	Lủng Mít
735	Hoàng Văn Quả	2	Mông	Nam	13/3/1963	Lủng Mít
736	Lầu Văn Bình	4	Mông	Nam	17/10/1998	Lủng Mít

737	Hoàng Văn Lự	9	Mông	Nam	1/18/1991	Lủng Mít
738	Hoàng Văn Tu	3	Mông	Nam	10/18/1993	Lủng Mít
739	Thào Văn Tu	3	Mông	Nam	3/9/1995	Lủng Mít
740	Nông Thị Kia	2	Mông	Nữ	20/01/1974	Lủng Mít
741	Lầu Á Lự	7	Mông	Nam	02/01/1979	Lủng Mít
742	Hoàng Văn Sùng	2	Mông	Nam	12/4/1957	Lủng Mít
743	Hoàng Văn Dủa	4	Mông	Nam	1/10/1994	Lủng Mít
744	Thào Văn Câu	4	Mông	Nam	10/2/1999	Lủng Mít
745	Lầu Văn Hồng	5	Mông	Nam	09/09/1998	Lủng Mít
746	Dương Văn Máy	5	Mông	Nam	8/15/2002	Lủng Mít
747	Hoàng Văn Chín	4	Mông	Nam	8/28/1998	Lủng Mít
748	Thào Văn Súa	4	Mông	Nam	10/3/1996	Lủng Mít
749	Thào Văn Ky	4	Mông	Nam	7/11/1996	Lủng Mít
750	Sùng Văn Tu	6	Mông	Nam	2/2/1998	Lủng Mít
751	Hầu Văn Can	6	Mông	Nam	7/17/1960	Lủng Mít
752	Hoàng Thị Xích	8	Mông	Nữ	2/3/1986	Lủng Mít
753	Hoàng Văn Khào	3	Mông	Nam	9/20/1985	Lủng Mít
754	Hoàng Văn Lầu	6	Mông	Nam	7/11/1978	Lủng Mít
755	Hoàng Văn Lự	6	Mông	Nam	10/1/1986	Lủng Mít
756	Hoàng Văn Se	5	Mông	Nam	1/11/1993	Lủng Mít
757	Dương Thị My	3	Mông	Nữ	1/1/1996	Lủng Mít
758	Hoàng Văn Tu	6	Mông	Nam	3/2/1993	Lủng Mít
759	Hoàng Văn Vàng	6	Mông	Nam	1/12/1985	Lủng Mít
760	Hoàng Văn Se	7	Mông	Nam	5/6/1983	Lủng Mít
761	Sùng Văn Ngài	3	Mông	Nam	12/20/1973	Lủng Mít
762	Sùng Văn Tu	5	Mông	Nam	6/10/1991	Lủng Mít
763	Vừ Văn Cả	4	Mông	Nam	4/3/1992	Lủng Mít
764	Hoàng Văn Nồng	4	Mông	Nam	10/1/1996	Lủng Mít
765	Hoàng Văn Dầu	5	Mông	Nam	9/7/1995	Lủng Mít
766	Lý Thị Kia	3	Mông	Nữ	8/2/1986	Lủng Mít
767	Dương Văn Dầu	6	Mông	Nam	1/1/1987	Lủng Mít
768	Sùng Văn Sung	5	Mông	Nam	1/10/1980	Lủng Mít
769	Hoàng Văn Hồng	9	Mông	Nam	9/5/2000	Lủng Mít
770	Sùng Văn Dầu	6	Mông	Nam	01/10/1995	Lủng Mít
771	Hoàng Văn Thề	4	Mông	Nam	3/28/1982	Lủng Mít
772	Hoàng Văn Gâu	8	Mông	Nam	2/1/1959	Lủng Mít
773	Hầu Văn Me	6	Mông	Nam	01/01/1980	Lủng Mít
774	Hầu Văn Se	3	Mông	Nam	20/01/1980	Lủng Mít
775	Hoàng Văn Súa	5	Mông	Nam	2/8/1991	Lủng Mít

776	Hoàng Văn Tụa	5	Mông	Nam	8/3/1990	Lủng Mít
777	Nông Văn Sềnh	7	Mông	Nam	10/1/1961	Lủng Mít
778	Hoàng A Tú	5	Mông	Nam	8/10/1996	Lủng Mít
779	Hoàng Văn Tu	5	Mông	Nam	9/20/1998	Lủng Mít
780	Sùng Văn Vàng	6	Mông	Nam	12/12/2000	Lủng Mít
781	Hầu Thị De	5	Mông	Nữ	1/2/1970	Lủng Mít
782	Hoàng Văn Lự	5	Mông	Nam	13/12/1992	Lủng Mít
783	Hoàng Văn Dẩu	5	Mông	Nam	11/9/1998	Lủng Mít
784	Hoàng Văn Dẩu	4	Mông	Nam	15/1/2000	Lủng Mít
785	Hoàng Văn Hồng	5	Mông	Nam	14/1/2001	Lủng Mít
786	Hứa Văn Hành	3	Mông	Nam	2/8/1991	Lủng Mít
787	Nông Văn Sình	4	Mông	Nam	2/2/1994	Lủng Mít
788	Bàn Mùi Khe	3	Dao	Nữ	7/13/1960	Nà Cà
789	Phùng Tòn Kiều	2	Dao	Nam	2/18/1954	Nà Cà
790	Phùng Vần Phâu	6	Dao	Nam	12/10/1963	Nà Cà
791	Xiêm Tòn Sú	5	Dao	Nam	11/20/1995	Nà Cà
792	Triệu Tòn Nhạy	4	Dao	Nam	3/19/2000	Nà Cà
793	Triệu Dào Phâu	6	Dao	Nam	5/6/1960	Nà Cà
794	Triệu Tòn Liu	6	Dao	Nam	8/25/1990	Nà Cà
795	Triệu Tòn Nhạy	5	Dao	Nam	2/20/1995	Nà Cà
796	Xiêm Lồng Kiêm	5	Dao	Nam	10/15/1975	Nà Cà
797	Đặng Chiều Ón	4	Dao	Nam	9/15/1956	Nà Cà
798	Đặng Vần Tòng	7	Dao	Nam	5/4/1960	Nà Cà
799	Triệu Chòi Phin	5	Dao	Nam	7/26/1994	Nà Cà
800	Triệu Chòi Lìn	6	Dao	Nam	10/4/1980	Nà Cà
801	Hoàng Chàn Kiêm	6	Dao	Nam	6/1/1971	Nà Cà
802	Hoàng Chàn Luồng	5	Dao	Nam	5/27/1980	Nà Cà
803	Hoàng Thồng Piao	4	Dao	Nam	8/14/1973	Nà Cà
804	Phùng Mùi Nhậy	6	Dao	Nữ	9/2/1991	Nà Cà
805	Triệu Phụ Sơn	5	Dao	Nam	6/10/1990	Nà Cà
806	Triệu Dào Piao	6	Dao	Nam	1/7/1979	Nà Cà
807	Bàn Chòi Phâu	3	Dao	Nam	2/2/1971	Nà Cà
808	Nông Thị Liên	3	Tày	Nữ	11/8/1973	Nà Cà
809	Hoàng Tòn Chài	4	Dao	Nam	4/17/1992	Nà Cà
810	Đặng Quầy Shinh	6	Dao	Nam	2/8/1990	Nà Cà
811	Triệu Tòn Dất	4	Dao	Nam	3/17/1994	Nà Cà
812	Hoàng Chàn Vạng	5	Dao	Nam	6/27/1996	Nà Cà
813	Bàn Tòn Nhạy	4	Dao	Nam	6/20/1996	Nà Cà
814	Hoàng Văn Hầu	7	Mông	Nam	3/22/1985	Nà Lại

815	Hoàng Văn Quạ	3	Mông	Nam	8/12/1963	Nà Lại
816	Hoàng Văn Lự	5	Mông	Nam	11/12/1992	Nà Lại
817	Hoàng Văn Tu	5	Mông	Nam	8/1/1992	Nà Lại
818	Bàn Văn Hà	8	Dao	Nam	5/27/1992	Nà Lại
819	Hoàng Sành Tịnh	7	Dao	Nam	5/14/1988	Nà Lại
820	Hoàng Văn Dở	5	Mông	Nam	10/10/1994	Nà Lại
821	Hoàng Văn Pá	4	Mông	Nam	1/1/1999	Nà Lại
822	Ma Trương Tuyền	3	Tày	Nam	1/22/1990	Nà Lại
823	Nông Văn Ngôn	5	Tày	Nam	8/25/1990	Nà Lại
824	Nông Văn Thiêm	2	Tày	Nam	8/29/1990	Nà Lại
825	Hoàng Văn Mần	2	Tày	Nam	5/1/1946	Pác Nặm
826	Lý Văn So	2	Tày	Nam	8/15/1956	Pác Nặm
827	Phùng Văn Lai	2	Dao	Nam	2/24/1999	Pác Nặm
828	Đặng Mùi Kiều	6	Dao	Nữ	8/18/1989	Phja Đăm
829	Đặng Nguyên Lý	4	Dao	Nam	11/25/1978	Phja Đăm
830	Nông Văn Pá	4	Mông	Nam	2/26/1989	Phja Đăm
831	Nông Văn Lừ	4	Mông	Nam	6/11/1998	Phja Đăm
832	Triệu Tòn Phấy	4	Dao	Nam	4/20/1983	Phja Đăm
833	Đặng Tòn Dất	3	Dao	Nam	1/7/1992	Phja Đăm
834	Hoàng Thồng Phâu	5	Dao	Nam	8/2/1994	Phja Đăm
835	Triệu Tòn San	4	Dao	Nam	1/8/1992	Phja Đăm
836	Nông Văn Vừ	7	Mông	Nam	8/30/1992	Phja Đăm
837	Hoàng Hầu Páo	9	Mông	Nam	5/5/1972	Phja Đăm
838	Đặng Chòi Châu	5	Dao	Nam	11/7/1981	Phja Đăm
839	Lý Kiềm Phin	7	Dao	Nam	10/13/1965	Phja Đăm
840	Lý Mùi Pham	2	Dao	Nữ	13/71967	Phja Đăm
841	Đặng Cùn Tịnh	8	Dao	Nam	10/10/1981	Phja Đăm
842	Đặng Phụ Châu	6	Dao	Nam	20/1/1979	Phja Đăm
843	Hoàng Mùi Nhạy	7	Dao	Nữ	6/13/1979	Phja Đăm
844	Hoàng Chàn Phu	3	Dao	Nam	9/18/1996	Phja Đăm
845	Lý Mùi Nái	3	Dao	Nữ	7/14/1984	Phja Đăm
846	Lý Mùi Liu	4	Dao	Nữ	11/10/1979	Phja Đăm
847	Triệu Dào Sìn	3	Dao	Nam	2/1/1955	Phja Đăm
848	Triệu Dào Lụa	4	Dao	Nam	12/15/1962	Phja Đăm
849	Triệu Chòi Phin	7	Dao	Nam	9/19/1976	Phja Đăm
850	Dương Văn Dẩu	8	Mông	Nam	4/5/1995	Phja Đăm
Tổng cộng: 850 hộ nghèo		***4,216***				

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BẰNG THÀNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Hà Thị Liên	2	Tày	Nữ	26/10/1984	Khuổi Ỏ
2	Mạc Văn Bằng	3	Tày	Nam	2/27/1990	Khuổi Ỏ
3	Nông Văn Tu B	4	Mông	Nam	2/7/1987	Khuổi Ỏ
4	Dương Văn Súa	5	Mông	Nam	6/8/1994	Khuổi Ỏ
5	Nông Văn Dỉ	5	Mông	Nam	25/5/1990	Khuổi Ỏ
6	Hoàng Văn Sang	8	Mông	Nam	1/8/1993	Khuổi Ỏ
7	Hoàng Văn Me	4	Mông	Nam	10/1/1988	Khuổi Ỏ
8	Nông Văn Ky	7	Mông	Nam	13/01/1991	Khuổi Ỏ
9	Hoàng Văn Khỳa	3	Mông	Nam	20/10/1988	Khuổi Ỏ
10	Hoàng Văn Giàng	3	Mông	Nam	27/12/1983	Khuổi Ỏ
11	Hoàng Văn Sùa	2	Mông	Nam	20/6/1967	Khuổi Ỏ
12	Hoàng Văn Xà	5	Mông	Nam	14/2/1990	Khuổi Ỏ
13	Nông Văn Pá A	6	Mông	Nam	2/3/1991	Khuổi Ỏ
14	Nông Văn Giàng	2	Mông	Nam	5/10/1956	Khuổi Ỏ
15	Ma Văn Đệ	5	Tày	Nam	23/10/1985	Khuổi Ỏ
16	Nông Văn Sình	3	Mông	Nam	1/12/1970	Khuổi Ỏ
17	Hoàng Văn Xóa	7	Mông	Nam	15/7/1989	Khuổi Ỏ
18	Hoàng Văn Lầu	3	Mông	Nam	1/5/1975	Khuổi Ỏ
19	Hoàng Văn Vàng	4	Mông	Nam	1/5/1975	Khuổi Ỏ
20	Nông Văn Vàng	6	Mông	Nam	15/3/1963	Khuổi Ỏ
21	Nông Văn Lự	4	Mông	Nam	13/1/1991	Khuổi Ỏ
22	Dương Văn Dí	4	Mông	Nam	14/8/1986	Khuổi Ỏ
23	Hoàng Văn Hồng	8	Mông	Nam	1/3/1996	Khuổi Ỏ
24	Nông Văn Pá B	4	Mông	Nam	15/7/1996	Khuổi Ỏ
25	Ma Thế Khanh	7	Tày	Nam	4/14/1979	Phai Khỉm
26	Vi Văn Mỉnh	4	Tày	Nam	9/10/1974	Phai Khỉm
27	Nông Thanh Tiều	4	Tày	Nam	7/5/1976	Phai Khỉm
28	Cà Văn Ân	5	Tày	Nam	11/22/1989	Nà Bẻ
29	Dương Văn Cầu	4	Mông	Nam	9/28/1988	Nà Bẻ
30	Triệu Văn Thanh	2	Tày	Nam	10/30/1980	Nà Bẻ
31	Đặng Thị Nhất	3	Dao	Nữ	1/11/1991	Nà Bẻ
32	Triệu Sành On	4	Dao	Nam	21/4/1981	Nà Bẻ
33	Triệu Văn Pết	4	Dao	Nam	14/7/1985	Nà Bẻ
34	Nông Thị Vàng	1	Mông	Nữ	15/10/1970	Nà Bẻ

35	Triệu Văn Tòng	6	Dao	Nam	8/10/1988	Nà Bẻ
36	Cà Văn Thanh	3	Tày	Nam	21/7/1981	Nà Bẻ
37	Lộc Văn Duẩn	4	Tày	Nam	27/9/1989	Nà Bẻ
38	Cà Văn Kim	3	Tày	Nam	18/01/1971	Nà Bẻ
39	Lộc Văn Tinh	5	Tày	Nam	4/8/1987	Nà Bẻ
40	Chu Văn Thanh	3	Tày	Nam	8/2/1989	Nà Bẻ
41	Đặng Phụ Khiền	6	Dao	Nam	12/4/1984	Nà Bẻ
42	Dương Văn Vàng	5	Mông	Nam	6/5/1982	Nà Bẻ
43	Hoàng Dùn Nhàn	4	Dao	Nam	11/5/1990	Nà Bẻ
44	Đặng Văn Sơn	3	Dao	Nam	5/9/1968	Nà Bẻ
45	Trịnh Văn Phúc	4	Dao	Nam	3/3/1990	Nà Bẻ
46	Lộc Văn Hoạt	8	Tày	Nam	19/1/1984	Nà Bẻ
47	Trang A Hồng	4	Mông	Nam	26/6/1995	Nà Bẻ
48	Dương Văn Cụa	5	Mông	Nam	20/4/1984	Nà Bẻ
49	Ma Văn Cúc	5	Tày	Nam	9/2/1977	Vi Lạp
50	Hoàng Quảng Ba	3	Tày	Nam	5/2/1994	Vi Lạp
51	Cà Văn Khánh	4	Tày	Nam	12/12/1953	Vi Lạp
52	Ma Thế Tưng	3	Tày	Nam	5/6/1996	Vi Lạp
53	Đặng Dào Lìn	2	Dao	Nam	3/6/2005	Vi Lạp
54	Hoàng Thị Nhình	4	Tày	Nữ	8/2/1987	Vi Lạp
55	Triệu Văn Ú	4	Dao	Nam	12/3/1994	Vi Lạp
56	Hiệp Văn Bình	4	Dao	Nam	02/12/1995	Phiêng Tạc
57	Bàn Thị Coi (Hàn)	3	Dao	Nữ	09/01/1985	Phiêng Tạc
58	Triệu Văn Tỏn	3	Dao	Nam	04/3/1973	Phiêng Tạc
59	Bàn Thị Chung	4	Dao	Nữ	10/2/1988	Phiêng Tạc
60	Đặng Văn Nhậy	3	Dao	Nam	26/3/1987	Phiêng Tạc
61	Bàn Văn Trị	2	Dao	Nam	09/09/1974	Phiêng Tạc
62	Bàn Văn Thiện	4	Dao	Nam	21/11/1998	Phiêng Tạc
63	Bàn Văn Thành	7	Dao	Nam	25/03/1988	Phiêng Tạc
64	Bàn Văn Sinh	3	Dao	Nam	28/10/1970	Phiêng Tạc
65	Lầu A Khyào	7	Mông	Nam	7/4/1969	Ngảm Váng
66	Sùng Dậu Vè	7	Mông	Nam	25/9/1987	Ngảm Váng
67	Thào A Pá	3	Mông	Nam	30/10/1985	Ngảm Váng
68	Lầu A Tu	5	Mông	Nam	6/9/1992	Ngảm Váng
69	Sùng A Sùng	5	Mông	Nam	24/02/1978	Ngảm Váng
70	Lầu A Hầu	5	Mông	Nam	10/9/1969	Ngảm Váng
71	Sùng A Vàng	4	Mông	Nam	6/7/1986	Ngảm Váng
72	Sùng A Pá	3	Mông	Nam	15/12/1982	Ngảm Váng

73	Thào A Khyào	4	Mông	Nam	15/9/1968	Ngảm Váng
74	Sùng A Châư	4	Mông	Nam	19/8/1992	Ngảm Váng
75	Đặng Thị Dết	4	Dao	Nam	16/03/1989	Nặm Khiếu
76	Sùng A Tu	5	Mông	Nam	19/1/1986	Nặm Khiếu
77	Đặng Xuân Phúc	4	Dao	Nam	15/12/1980	Nặm Khiếu
78	Đặng Văn Cao	3	Dao	Nam	20/11/1989	Nặm Khiếu
79	Triệu Văn Thông	4	Dao	Nam	07/3/1991	Slam Vè
80	Vừ A Ngài	3	Mông	Nam	14/4/1976	Slam Vè
81	Triệu Văn Chòi	6	Dao	Nam	10/5/1995	Slam Vè
82	Bàn Sềnh Tỉnh	6	Dao	Nam	08/10/1987	Slam Vè
83	Đặng Văn Nần	7	Dao	Nam	28/9/1977	Slam Vè
84	Tàn Quầy Chiêu	4	Dao	Nam	08/8/1979	Slam Vè
85	Triệu Văn Châu	4	Dao	Nam	25/5/1987	Slam Vè
86	Triệu Văn Phin	3	Dao	Nam	14/5/1977	Slam Vè
87	Đặng Văn Lìn	5	Dao	Nam	13/06/1987	Slam Vè
88	Triệu Văn Phín	8	Dao	Nam	09/01/1979	Slam Vè
89	Triệu Văn Phin (Vần)	6	Dao	Nam	30/11/1991	Slam Vè
90	Triệu Văn Đồng	4	Dao	Nam	8/17/1994	Slam Vè
91	Đặng Văn Long	4	Sán chỉ	Nam	1/23/1989	Nà Muồng
92	Đặng Thị Phjéc	2	Sán chỉ	Nữ	9/12/1990	Nà Muồng
93	Hoàng Văn Đồng	3	Sán chỉ	Nam	5/8/1989	Nà Muồng
94	Hoàng Văn Dành	6	Sán chỉ	Nam	7/3/1986	Nà Muồng
95	Hoàng Văn Én	3	Sán chỉ	Nam	10/12/1966	Nà Muồng
96	Hoàng Văn Mắn	7	Sán chỉ	Nam	7/8/1983	Nà Muồng
97	Hoàng Văn Vành	5	Sán chỉ	Nam	6/22/1979	Nà Muồng
98	Dương Văn Hoài	4	Tày	Nam	11/26/1978	Nà Muồng
99	Nguyễn Văn Thiêm	4	Tày	Nam	9/6/1986	Nà Muồng
100	Ma Văn Huynh	2	Tày	Nam	8/24/1988	Nà Muồng
101	Nông Thị Biên	4	Tày	Nữ	9/16/1985	Nà Muồng
102	Trương Văn Đảnh	2	Sán chỉ	Nam	5/25/1990	Nà Muồng
103	Hoàng Văn Chảy	10	Sán chỉ	Nam	10/4/1972	Nà Muồng
104	Triệu Mùi Hàn	2	Dao	Nữ	27/1/1983	Nà My
105	Triệu Văn Chán	3	Dao	Nam	12/9/1980	Nà My
106	Sầm Tòn Kiều	5	Dao	Nam	10/4/1961	Nà My
107	Ma Thị Mím	3	Tày	Nữ	30/4/1988	Nà My
108	Dương Văn Quân	6	Tày	Nam	8/10/1964	Nà My
109	Triệu Văn Toan	4	Tày	Nam	15/2/1969	Nà My
110	Lý Văn Phong	4	Tày	Nam	14/7/1971	Nà My

111	Ma Thế Cường	3	Tày	Nam	13/1/2001	Nà My
112	Nông Văn Huệ	6	Tày	Nam	16/9/1963	Nà My
113	Ma Văn Và	9	Tày	Nam	08/9/1965	Nà My
114	Ma Văn Đình	8	Tày	Nam	04/12/1973	Nà My
115	Chu Văn Thực	3	Tày	Nam	05/01/1990	Nà My
116	Nông Văn Tưởng	3	Tày	Nam	22/8/1968	Nà My
117	Triệu Tòn Chống	1	Dao	Nam	25/6/1983	Nà My
118	Trương Văn Dỉa	6	Mông	Nam	18/03/1979	Khuổi Lè
119	Ma Văn Lợi	3	Tày	Nam	10/12/1976	Khuổi Lè
120	Trang A Lềnh	4	Mông	Nam	12/02/1985	Khuổi Lè
121	Trang A Tụa	4	Mông	Nam	10/05/1978	Cốc Lào
122	Hầù A Phùa	4	Mông	Nam	03/03/1998	Cốc Lào
123	Trang A Hương	4	Mông	Nam	1/5/1979	Cốc Lào
124	Sùng Thị Mỵ	6	Mông	Nữ	01/11/1972	Cốc Lào
125	Hừ Văn Tạ	4	Mông	Nam	11/08/1994	Cốc Lào
126	Hoàng Văn Chung	7	Tày	Nam	05/05/1971	Cốc Lào
127	Nông Văn Dí	10	Mông	Nam	10/11/1976	Cốc Lào
128	Sùng A Dỉa	4	Mông	Nam	3/10/1997	Cốc Lào
129	Triệu Thị Mụi	4	Dao	Nữ	05/08/1976	Cốc Lào
130	Trương Thị Làn	4	Tày	Nam	26/11/1976	Cốc Lào
131	Hoàng Tòn Pết	3	Dao	Nam	23/2/1995	Cốc Lào
132	Ma A Lềnh	4	Mông	Nam	28/11/1984	Cốc Lào
133	Hừ A Vàng	5	Mông	Nam	12/9/1968	Cốc Lào
134	Đặng Phù Luồng	6	Mông	Nam	6/11/1981	Cốc Lào
135	Tạ Văn Phấy	7	Dao	Nam	2/23/1978	Khâu Slôm
136	Triệu Văn Phấy	4	Dao	Nam	12/1/1984	Khâu Slôm
137	Triệu Văn Sam	4	Dao	Nam	8/4/1983	Khâu Slôm
138	Triệu Văn Khé	4	Dao	Nam	2/8/1977	Khâu Slôm
139	Triệu Văn Kiều	7	Dao	Nam	6/25/1974	Khâu Slôm
140	Bàn Văn Pham	6	Dao	Nam	5/16/1995	Khâu Slôm
141	Đặng Văn Líu	4	Dao	Nam	3/8/1996	Khâu Slôm
142	Bàn Văn Ú	5	Dao	Nam	6/9/1977	Khâu Slôm
143	Phùng Văn Pết	3	Dao	Nam	3/15/1987	Khâu Slôm
144	Trang A Thè	3	Mông	Nam	5/5/1982	Khâu Slôm
145	Trang A Lự	4	Mông	Nam	6/1/1995	Khâu Slôm
146	Ma A Cả	5	Mông	Nam	8/19/1991	Khâu Slôm
147	Phùng Văn Chạn	4	Dao	Nam	12/4/1988	Khâu Slôm
148	Phòn Văn Tá	3	Dao	Nam	10/10/1988	Khâu Slôm

149	Đặng Sùn Hin	4	Dao	Nam	5/8/1985	Khâu Slôm
150	Phùng Văn Dết	8	Dao	Nam	5/25/1975	Khâu Slôm
151	Bàn Chàn On	5	Dao	Nam	10/17/1990	Khâu Slôm
152	Sùng A Thè	6	Mông	Nam	01/09/1981	Hồng Mú
153	Sùng A Dỉa	5	Mông	Nam	17/8/2001	Hồng Mú
154	Sùng A Giàng	4	Mông	Nam	12/06/2000	Hồng Mú
155	Sùng A Dủa	5	Mông	Nam	01/12/1992	Hồng Mú
156	Sùng A Trang	5	Mông	Nam	11/05/1989	Hồng Mú
157	Lý A Tú	4	Mông	Nam	15/06/1973	Hồng Mú
158	Ma A Lý	4	Mông	Nam	15/03/1972	Hồng Mú
159	Ma A Chạ	4	Mông	Nam	04/03/1993	Hồng Mú
160	Ma A Lầu	5	Mông	Nam	11/12/1994	Hồng Mú
161	Sùng A Dinh	4	Mông	Nam	15/06/1975	Hồng Mú
162	Sùng A Là	5	Mông	Nam	14/3/1984	Hồng Mú
163	Dương Văn Lềnh	4	Mông	Nam	25/5/1967	Hồng Mú
164	Sùng A Sinh	4	Mông	Nam	4/14/1976	Nà Hoi
165	Lý Văn Tướng	3	Dao	Nam	6/9/1977	Nà Hoi
166	Sùng Văn Súa	4	Mông	Nam	3/30/1973	Nà Hoi
167	Sùng A Chúng	6	Mông	Nam	5/8/1975	Nà Hoi
168	Đặng Văn Khẹ	3	Dao	Nam	9/20/1981	Nà Hoi
169	Sùng A Giàng	3	Mông	Nam	6/5/1980	Nà Hoi
170	Sùng A Câu	5	Mông	Nam	9/17/1987	Nà Hoi
171	Thào Văn Dinh	4	Mông	Nam	21/ 10/ 1992	Khâu Vai
172	Hoàng Tiến Hồng	4	Mông	Nam	19/04/1982	Khâu Vai
173	Dương Văn Tu	5	Mông	Nam	3/3/1983	Khâu Vai
174	Hoàng Văn Kỵ	3	Mông	Nam	18/06/1983	Khâu Vai
175	Thào Văn Tu	7	Mông	Nam	08/01/1985	Khâu Vai
176	Hoàng Thồng Hin	3	Dao	Nam	15/10/1979	Khâu Vai
177	Triệu Chòi Quấy	5	Dao	Nam	15/05/1979	Khâu Vai
178	Đặng Văn Long	6	Dao	Nam	15/02/1962	Khâu Vai
179	Dương Thị Mỵ	3	Mông	Nữ	26/10/1979	Khâu Vai
180	Dương Văn Cao	4	Mông	Nam	15/9/2001	Khâu Vai
181	Hoàng Quốc Kỳ	6	Mông	Nam	9/8/1985	Khâu Vai
182	Hoàng Văn Chẹ	4	Mông	Nam	15/10/1983	Khâu Vai
183	Đặng Văn Tặng	2	Dao	Nam	10/4/1983	Khâu Phảng
184	Đặng Văn Đoàn	5	Dao	Nam	12/27/1992	Khâu Phảng
185	Đặng Văn Cuối	4	Dao	Nam	5/1/1980	Khâu Phảng
186	Đặng Văn Khải	5	Dao	Nam	2/17/1974	Khâu Phảng

187	Triệu Văn Huỳnh	6	Dao	Nam	15/7/1996	Khâu Phảng
188	Đặng Văn Nghi B	7	Dao	Nam	3/25/1976	Khâu Phảng
189	Triệu Văn Khoa	7	Dao	Nam	1/12/1992	Khâu Phảng
190	Sùng A Tu B	5	Mông	Nam	2/15/1975	Khâu Phảng
191	Sùng A Nó	5	Mông	Nam	9/8/1990	Khâu Phảng
192	Sùng A Quạ	5	Mông	Nam	6/6/1995	Khâu Phảng
193	Sùng A Dinh	5	Mông	Nam	8/28/1994	Khâu Phảng
194	Đặng Văn Quấy	4	Dao	Nam	23/09/1962	Khâu Phảng
195	Sùng A Sùng	4	Mông	Nam	07/12/1997	Khâu Phảng
196	Đặng Văn Vàng	1	Dao	Nam	12/11/1972	Khâu Phảng
197	Tô Văn Thành	4	Tày	Nam	10/8/1986	Nặm Mây
198	Nông Thị Hiển	2	Tày	Nữ	10/28/1961	Nặm Mây
199	Nông Văn Vinh	5	Tày	Nam	22/01/1964	Nặm Mây
200	Nông Thị Liệm	5	Tày	Nữ	10/10/1981	Nặm Mây
201	Trương Minh Tiến	4	Tày	Nam	16/8/1976	Nặm Mây
202	Dương Thị Điệp	5	Tày	Nữ	15/3/1973	Nặm Mây
203	Đặng Quầy Trình	7	Dao	Nam	15/10/1972	Nặm Mây
204	Đặng Thị Slám	3	Sán chỉ	Nữ	2/1/1969	Nà Phầy
205	Hoàng Văn Ni	4	Sán chỉ	Nam	3/7/1996	Nà Phầy
206	Lý Văn Vinh	3	Sán chỉ	Nam	4/18/1984	Nà Phầy
207	Đặng Văn Vanh	6	Sán chỉ	Nam	10/12/1985	Nà Phầy
208	Đặng Văn Hiền	4	Sán chỉ	Nam	10/30/1987	Nà Phầy
209	Hà Văn Sli	5	Sán chỉ	Nam	8/15/1989	Nà Phầy
210	Hoàng Văn Quyết	3	Sán chỉ	Nam	3/18/1993	Nà Phầy
211	Hoàng Văn Các	4	Sán chỉ	Nam	9/3/1997	Nà Phầy
212	Hoàng Thị Kim	3	Sán chỉ	Nữ	3/3/1964	Nà Phầy
213	Đặng Văn Vắn	7	Sán chỉ	Nam	13/011970	Nà Phầy
214	Hoàng Văn Tinh	4	Sán chỉ	Nam	8/27/1984	Nà Phầy
215	Lý Thị Mần	5	Sán chỉ	Nữ	9/19/1972	Nà Phầy
216	Hà Văn Phòng	3	Sán chỉ	Nam	10/20/1987	Nà Phầy
217	Đặng Văn Sang	4	Sán chỉ	Nam	16/06/1986	Nà Phầy
218	Nông Văn Long	5	Tày	Nam	20/02/1980	Nà Lẹng
219	Nguyễn Đình Phát	5	Tày	Nam	04/04/1966	Nà Lẹng
220	Đào Ngọc Hội	5	Mông	Mông	22/10/1975	Phiêng Lủng
221	La Văn Tu	6	Mông	Mông	03/06/1966	Phiêng Lủng
222	La Văn Cầu	4	Mông	Mông	9/16/1984	Phiêng Lủng
223	Sùng Văn Páo	4	Mông	Mông	1/11/1978	Phiêng Lủng
224	La Văn Dí	6	Mông	Mông	5/18/1965	Phiêng Lủng

225	Dương Văn Páo	4	Mông	Mông	03/09/1975	Phiêng Lủng
226	Đào Thanh Hoa	6	Mông	Mông	7/22/1960	Phiêng Lủng
227	Sùng Văn Dinh	3	Mông	Mông	6/14/1963	Phiêng Lủng
228	Sùng Văn Nó	12	Mông	Mông	10/20/1990	Phiêng Lủng
229	Sùng Văn Ánh	7	Mông	Mông	9/13/1972	Phiêng Lủng
230	Sùng Văn Tu	5	Mông	Mông	30/08//1988	Phiêng Lủng
231	Sùng Văn Ky	7	Mông	Mông	7/17/1976	Phiêng Lủng
232	Sùng Văn Mái	8	Mông	Mông	9/22/1977	Phiêng Lủng
233	Vương Văn Dinh	9	Mông	Mông	9/15/1977	Phiêng Lủng
234	Đào Thanh Hồng	6	Mông	Mông	12/26/1967	Phiêng Lủng
235	Đào Văn Tu	5	Mông	Mông	09/09/1984	Phiêng Lủng
236	Hoàng Văn Danh	4	Mông	Mông	5/24/1988	Phiêng Lủng
237	Sùng Văn Dũng	4	Mông	Mông	2/18/1982	Phiêng Lủng
238	Hoàng Văn Pá	4	Mông	Mông	8/19/1985	Phiêng Lủng
239	La Văn Ngài	5	Mông	Mông	5/14/1992	Phiêng Lủng
240	Lộc Văn Cửu	2	Tày	Nam	16/10/1962	Đồng Lẻo
241	Lãnh Thị Ngân	1	Tày	Nữ	7/10/1974	Đồng Lẻo
242	Lý Văn Tiến	3	Tày	Nam	09/3/1974	Ngã Ba
243	Hoàng Văn Thuấn	4	Tày	Nam	3/26/2003	Ngã Ba
244	Nguyễn Văn Đương	5	Tày	Nam	6/26/1971	Ngã Ba
245	Lộc Văn Phúc	5	Tày	Nam	12/12/1963	Ngã Ba
246	Lường Văn Phùng	4	Tày	Nam	10/4/1981	Ngã Ba
247	Hoàng Văn Khiêm	5	Tày	Nam	7/23/1987	Ngã Ba
248	Trương Văn Lại	6	Sán Chỉ	Nam	2/19/1971	Khâu Đấng
249	Hoàng Văn Kiêm	6	Sán Chỉ	Nam	1/9/1983	Khâu Đấng
250	Đặng Văn Nành	4	Sán Chỉ	Nam	2/19/1966	Nà Làng
251	Hoàng Văn Thiệp	5	Sán Chỉ	Nam	6/28/1987	Nà Làng
252	Hoàng Văn Diết	4	Sán Chỉ	Nam	1/11/1991	Nà Làng
253	Trương Văn Nhân	3	Sán Chỉ	Nam	10/11/1987	Nà Làng
254	Hoàng Văn Măng	4	Sán Chỉ	Nam	1/20/1994	Nà Làng
255	Hoàng Văn Én	6	Sán Chỉ	Nam	9/13/1970	Nà Làng
256	Đặng Văn Thịnh	7	Sán Chỉ	Nam	4/5/1971	Nà Làng
257	Đặng Văn Quy	6	Sán Chỉ	Nam	3/24/1993	Nà Làng
258	Hoàng Văn Đạo	6	Sán Chỉ	Nam	10/29/1976	Nà Làng
259	Hoàng Văn Dất	5	Sán Chỉ	Nam	6/6/1983	Nà Làng
260	Đặng Văn Bíp	4	Sán Chỉ	Nam	7/27/1988	Nà Làng
261	Đặng Văn Hợp	3	Sán Chỉ	Nam	10/19/2001	Nà Làng
262	Hoàng Văn Thắng	4	Sán Chỉ	Nam	1/9/1957	Nà Làng

263	Đặng Văn Loòng	4	Sán Chỉ	Nam	11/16/1956	Nà Làng
264	Đặng Văn Mắn	3	Sán Chỉ	Nam	4/17/1989	Nà Làng
265	Đặng Thị Nghiệp	4	Sán Chỉ	Nữ	5/23/1980	Nà Làng
266	Hoàng Văn Giai	9	Sán Chỉ	Nam	12/13/1989	Nà Làng
267	Đặng Văn Thiềm	5	Sán Chỉ	Nam	5/23/1984	Nà Làng
268	Hoàng Thị Đẹp	3	Sán Chỉ	Nữ	3/26/1968	Nà Làng
269	Đặng Văn Quân	7	Sán Chỉ	Nam	4/6/1986	Nà Làng
270	Lý Văn Păn	1	Sán Chỉ	Nam	11/5/1983	Nà Làng
271	Đặng Văn Bành	5	Sán Chỉ	Nam	2/15/1987	Nà Làng
272	Đặng Thị Pẳn	2	Sán Chỉ	Nữ	13/1/1991	Nà Làng
273	Hoàng Văn An	6	Sán Chỉ	Nam	02/01/1976	Nà Làng
274	Hoàn Thị Nơi	5	Sán Chỉ	Nữ	3/17/1995	Nà Làng
275	Đặng Văn Neng	3	Sán Chỉ	Nam	7/29/1978	Nà Làng
276	Đặng Văn Sơn	4	Sán chỉ	Nam	2/25/1992	Nà Làng
277	Đặng Văn Ngao	5	Sán chỉ	Nam	7/19/1978	Nà Làng
278	Tô Văn Nghiềm	6	Sán chỉ	Nam	12/11/1968	Nà Làng
279	Đặng Văn Thái	5	Sán chỉ	Nam	7/15/1992	Nà Làng
280	Lý Văn Niềm	4	Sán chỉ	Nam	3/8/1974	Nà Làng
281	Hà Văn Vắn	3	Sán chỉ	Nam	9/10/1978	Nà Làng
282	Lý Văn Quăn	7	Sán chỉ	Nam	11/23/1979	Nà Làng
283	Lý Thị Mỹ	6	Sán chỉ	Nữ	3/25/1981	Nà Làng
284	Triệu Thị Lau	4	Sán chỉ	Nữ	8/4/1980	Nà Làng
285	Hoàng Văn Tây	4	Sán chỉ	Nam	12/11/1987	Nà Làng
286	Hoàng Văn Minh	4	Sán chỉ	Nam	28/011995	Nà Làng
287	Triệu Văn Tắc	6	Sán chỉ	Nam	7/2/1969	Nà Làng
288	Hoàng Văn Bình	6	Sán chỉ	Nam	4/13/1970	Nà Làng
289	Hoàng Văn Mưu	3	Sán chỉ	Nam	8/18/1998	Nà Làng
290	Hoàng Văn Com	1	Sán chỉ	Nam	5/7/1991	Nà Làng
291	Đặng Văn Dằn	5	Sán chỉ	Nam	5/11/1978	Nà Làng
292	Lý Văn Ninh	6	Sán chỉ	Nam	6/15/1973	Nà Làng
293	Hoàng Văn Cháy	6	Sán chỉ	Nam	5/11/1985	Nà Làng
294	Tô Văn Phong	3	Sán chỉ	Nam	7/17/1994	Nà Làng
295	Bàn Văn Slíp	7	Sán chỉ	Nam	4/21/1984	Nà Làng
296	Đặng Văn Tiếp	5	Sán chỉ	Nam	15/01/1978	Nà Làng
297	Hoàng Văn Việt	8	Sán chỉ	Nam	22/06/1973	Nà Làng
298	Bàn Văn Kên	4	Sán chỉ	Nam	4/20/1992	Nà Làng
299	Đặng Văn Sình	5	Sán chỉ	Nam	6/6/1996	Nà Làng
300	Tô Văn Hiếu	6	Sán chỉ	Nam	4/23/1967	Nà Làng

301	Hoàng Thị Nội	4	Sán chỉ	Nữ	7/11/1968	Nà Làng
302	Hà Văn Ngao	6	Sán chỉ	Nam	5/6/1985	Nà Làng
303	Hoàng Văn Điềng	3	Sán chỉ	Nam	30/08/1978	Nà Làng
304	Đặng Văn Vinh	6	Sán chỉ	Nam	12/20/1998	Nà Làng
305	Triệu Văn Mon	5	Sán chỉ	Nam	06/05/1998	Nà Làng
306	Hà Văn Dành	5	Sán chỉ	Nam	21/04/1990	Nà Làng
307	Hà Thị Pheng	5	Sán chỉ	Nữ	8/20/1965	Nà Làng
308	Hoàng Văn Tanh	6	Sán chỉ	Nam	6/28/1970	Nà Làng
309	Đặng Văn Chúc	4	Sán chỉ	Nam	11/27/1970	Khuổi Bẻ
310	Phượng Chàn Và	6	Dao	Nam	12/25/1983	Lủng Pảng
311	Phượng Chòi Sơn	4	Dao	Nam	8/1/1992	Lủng Pảng
312	Hoàng Văn Tu	6	Mông	Nam	1/3/1990	Lủng Pảng
313	Phượng Chàn Cuối	4	Dao	Nam	8/7/1982	Lủng Pảng
314	Phượng Chàn Kinh	5	Dao	Nam	3/6/1987	Lủng Pảng
315	Lý Phụ Quyên	4	Dao	Nam	8/30/1990	Lủng Pảng
316	Hoàng Văn Dinh	8	Mông	Nam	2/25/1985	Lủng Pảng
317	Triệu Tạ Hin	2	Dao	Nam	11/28/1987	Lủng Pảng
318	Hoàng Văn Vừ	5	Mông	Nam	9/27/1990	Lủng Pảng
319	Hoàng Văn Kim	4	Tày	Nam	6/1/1977	Bản Khúa
320	Hà Văn Cảnh	3	Tày	Nam	8/17/1990	Bản Khúa
321	Nông Văn Hanh	2	Tày	Nam	1/4/1976	Bản Khúa
322	Triệu Văn Anh	4	Tày	Nam	11/8/1988	Bản Khúa
323	Hà Văn Linh	4	Tày	Nam	2/15/1976	Bản Khúa
324	Hoàng Thị Tương	6	Tày	Nữ	12/9/1964	Bản Mạn
325	Phùng Văn Nghiềm	4	Sán Chỉ	Nam	10/9/1973	Bản Mạn
326	Đặng Phụ Vạng	4	Dao	Nam	6/3/1992	Bản Mạn
327	Ma Thị Huyền	3	Tày	Nữ	3/11/1985	Bản Mạn
328	Đặng Vần On	5	Dao	Nam	21/5/1988	Bản Mạn
329	Ma Văn Hợp	4	Tày	Nam	17/7/1983	Bản Mạn
330	Ma Văn Khánh	4	Tày	Nam	25/11/1984	Bản Mạn
331	Đặng Văn Quán	4	Sán Chỉ	Nam	26/5/1992	Bản Mạn
332	Đặng Văn Múi	4	Sán Chỉ	Nam	25/10/1981	Bản Mạn
333	Phùng Văn Tinh	8	Sán Chỉ	Nam	9/9/1973	Bản Mạn
334	Đặng Văn Ghìn	4	Sán Chỉ	Nam	15/2/1985	Bản Mạn
335	Đặng Văn Mình	5	Sán Chỉ	Nam	22/10/1977	Bản Mạn
336	Đặng Văn Nghiệp	7	Sán Chỉ	Nam	14/9/1978	Bản Mạn
337	Đặng Văn Ghì	5	Sán Chỉ	Nam	12/11/1982	Bản Mạn
338	Triệu Vần Chòi	5	Sán Chỉ	Nam	18/8/1973	Bản Mạn

339	Triệu Kìm Phẩu	8	Sán Chỉ	Nam	13/2/1992	Bản Mạn
340	Triệu Mùi Kiều	5	Dao	Nữ	17/9/1997	Bản Mạn
341	Triệu Mùi Diết	3	Dao	Nữ	15/6/1905	Bản Mạn
342	Triệu Phụ Khiền	6	Dao	Nam	13/5/1984	Khâu Bang
343	Hoàng Tòn Nải	5	Dao	Nam	10/7/1991	Khâu Bang
344	Phùng Chang Cản	5	Dao	Nam	2/11/1991	Khâu Bang
345	Đặng Phụ Chán	6	Dao	Nam	27/6/1982	Khâu Bang
346	Đặng Chiều Khiền	6	Dao	Nam	29/11/1988	Khâu Bang
347	Phùng Chang Sần	6	Dao	Nam	29/8/1993	Khâu Bang
348	Đặng Chòi Quyên	6	Dao	Nam	9/4/1991	Khâu Bang
349	Phùng Giồng Kinh	7	Dao	Nam	3/5/1992	Khâu Bang
350	Đặng Dùn Vần	5	Dao	Nam	8/1/1991	Khâu Bang
351	Phùng Chang Vần	4	Dao	Nam	28/2/1984	Khâu Bang
352	Triệu Chòi Pảo	5	Dao	Nam	20/2/1988	Khâu Bang
353	Phùng Chang Sinh	3	Dao	Nam	25/7/1987	Khâu Bang
354	Hoàng Sành Sơn	5	Dao	Nam	2/14/1984	Khuổi Khí
355	Hoàng Sùn Phâu	4	Dao	Nam	8/15/1968	Khuổi Khí
356	Đặng Chàn Phu	3	Dao	Nam	9/16/1990	Khuổi Khí
357	Hoàng Thồng Và	6	Dao	Nam	7/28/1968	Khuổi Khí
358	Triệu Chồng Pyao	6	Dao	Nam	11/21/1970	Khuổi Khí
359	Triệu Dào Sơn	6	Dao	Nam	1/5/1970	Khuổi Khí
360	Triệu Dào Phu	8	Dao	Nam	2/22/1972	Khuổi Khí
361	Hoàng Chàn Pyao	5	Dao	Nam	4/3/1989	Khuổi Khí
362	Triệu Vần Pyao	4	Dao	Nam	2/4/1990	Khuổi Khí
363	Hoàng Sùn Chán	6	Dao	Nam	8/28/1959	Khuổi Khí
364	Triệu Mùi Nái	4	Dao	Nữ	1/27/1985	Khuổi Khí
365	Lý Kiềm Phin	7	Dao	Nam	2/3/1973	Khuổi Khí
366	Lý Chàn Kiêm	5	Dao	Nam	12/30/1992	Khuổi Khí
367	Hoàng Sùn Kiêm	4	Dao	Nam	1/18/1990	Khuổi Khí
368	Triệu Văn Nhậy	4	Dao	Nam	9/23/1992	Khuổi Khí
369	Hoàng Thồng Kinh	4	Dao	Nam	11/5/1976	Khuổi Khí
370	Bàn Tòn Chuổng	4	Dao	Nam	10/15/1991	Khuổi Khí
371	Lý Vần Phâu	6	Dao	Nam	7/11/1972	Khuổi Khí
372	Lý Dào Chản	7	Dao	Nam	2/14/1972	Khuổi Khí
373	Bàn Dào Hin	4	Dao	Nam	1/22/1994	Khuổi Khí
374	Hoàng Mùi Sếnh	5	Dao	Nữ	8/12/1967	Khuổi Khí
375	Hoàng Sùn Tòng	3	Dao	Nam	1/4/1990	Khuổi Khí
376	Hoàng Mùi Pham	2	Dao	Nam	9/6/1967	Khuổi Khí

377	Sắm Lồng Chòi	5	Dao	Nam	10/3/1993	Khuổi Khí
378	Lý Kiềm Páo	7	Dao	Nam	8/5/1976	Khuổi Khí
379	Bàn Văn Báo	6	Dao	Nam	2/5/1982	Khuổi Khí
380	Long Văn Pya	5	Tày	Nam	10/15/1952	Khuổi Lính
381	Hà Văn Hùng	4	Tày	Nam	04/04/1977	Khuổi Lính
382	Vy Văn Đức	6	Tày	Nam	17/05/1988	Khuổi Lính
383	Lộc Văn Quan	7	Tày	Nam	2/16/1966	Khuổi Lính
384	Hoàng Thị Khào	3	Mông	Nữ	25/11/1966	Khuổi Mạn
385	Vừ Văn Dẩu	5	Mông	Nam	15/7/1984	Khuổi Mạn
386	Vừ Văn Vàng	5	Mông	Nam	11/3/1986	Khuổi Mạn
387	Hoàng Văn Tiến	4	Mông	Nam	2/2/1986	Khuổi Mạn
388	Hoàng Văn Quạ	5	Mông	Nam	3/12/1990	Khuổi Mạn
389	Thào Văn Pá	4	Mông	Nam	20/12/1995	Khuổi Mạn
390	Thào Văn Săn	7	Mông	Nam	22/8/1982	Khuổi Mạn
391	Hoàng A Dè	6	Mông	Nam	7/2/1991	Khuổi Mạn
392	Hoàng Văn Dỉa	6	Mông	Nam	11/8/1986	Khuổi Mạn
393	Hoàng Văn Lầu	3	Mông	Nam	10/2/1983	Khuổi Mạn
394	Hoàng Văn Vừ	4	Mông	Nam	20/6/1995	Khuổi Mạn
395	Sùng Văn Sình	5	Mông	Nam	15/6/1973	Khuổi Mạn
396	Hoàng Văn Dỉ	4	Mông	Nam	6/10/1992	Khuổi Mạn
397	Thào Văn Tu	9	Mông	Nam	3/12/1982	Khuổi Mạn
398	Thào Văn Xe	5	Mông	Nam	13/4/1991	Khuổi Mạn
399	Hoàng Văn Lầu	8	Mông	Nam	1/7/1957	Khuổi Mạn
400	Thào Văn Ky	4	Mông	Nam	16/8/1986	Khuổi Mạn
401	Thào Văn Sự	4	Mông	Nam	20/4/1988	Khuổi Mạn
402	Sùng Văn Súa	4	Mông	Nam	11/10/1997	Khuổi Mạn
403	Thào Văn Tu	5	Mông	Nam	9/10/1988	Khuổi Mạn
404	Sùng Văn Chạ	8	Mông	Nam	4/12/1980	Khuổi Mạn
405	Hoàng Văn Den	8	Mông	Nam	5/7/1983	Lủng Mít
406	Hoàng Văn Súa	5	Mông	Nam	10/1/1983	Lủng Mít
407	Hoàng Văn Vàng	7	Mông	Nam	29/10/1972	Lủng Mít
408	Lầu Văn Ngài	6	Mông	Nam	12/11/1972	Lủng Mít
409	Lý Văn Dẩu	4	Mông	Nam	3/9/1996	Lủng Mít
410	Lý Văn Khyào	4	Mông	Nam	7/5/1983	Lủng Mít
411	Lý Văn Tu	2	Mông	Nam	10/24/1972	Lủng Mít
412	Hoàng Văn Tu	4	Mông	Nam	12/8/1974	Lủng Mít
413	Hoàng Văn Me	6	Mông	Nam	10/24/1976	Lủng Mít
414	Hoàng Văn De	2	Mông	Nam	5/10/1972	Lủng Mít

415	Hoàng Văn Sinh	4	Mông	Nam	1/3/1970	Lủng Mít
416	Hoàng Văn Tu	7	Mông	Nam	2/10/1990	Lủng Mít
417	Dương Văn Tu	7	Mông	Nam	5/9/1976	Lủng Mít
418	Dương Văn Lềnh	4	Mông	Nam	26/3/1984	Lủng Mít
419	Hoàng Văn Quạ	3	Mông	Nam	08/10/1986	Lủng Mít
420	Lầu Văn Dinh	4	Mông	Nam	11/2/1999	Lủng Mít
421	Hoàng Văn Sùng	5	Mông	Nam	10/25/1961	Lủng Mít
422	Lý Thị Vè	2	Mông	Nữ	4/5/1959	Lủng Mít
423	Hoàng Văn Ngài	6	Mông	Nam	1/2/1978	Lủng Mít
424	Nông Văn Thào	4	Mông	Nam	7/11/1985	Lủng Mít
425	Hoàng Văn Sinh	4	Mông	Nam	02/1/1990	Lủng Mít
426	Hoàng Văn Hùng	3	Mông	Nam	7/9/1986	Lủng Mít
427	Hoàng Văn Vừ	3	Mông	Nam	10/2/1989	Lủng Mít
428	Nông Văn Lủ	7	Mông	Nam	1/21/1965	Lủng Mít
429	Hoàng Văn Tân	4	Mông	Nam	17/2/1995	Lủng Mít
430	Vi Văn Yên	6	Tày	Nam	4/6/1966	Nà Cà
431	Xiêm Phùng Chản	5	Dao	Nam	5/2/1991	Nà Cà
432	Hoàng Vần Kinh	4	Dao	Nam	10/5/1992	Nà Cà
433	Triệu Mùi Kiều	4	Dao	Nữ	12/17/1987	Nà Cà
434	Vy Văn Phú	6	Tày	Nam	2/13/1983	Nà Cà
435	Hoàng Văn Vượng	4	Dao	Nam	11/8/2001	Nà Cà
436	Triệu Chòi Dảo	4	Dao	Nam	5/26/1992	Nà Cà
437	Phùng Kiềm Sơn	5	Dao	Nam	9/10/1989	Nà Cà
438	Đặng Quầy Trình	4	Dao	Nam	4/19/1989	Nà Cà
439	Lý Văn Điều	7	Tày	Nam	1/21/1963	Nà Cà
440	Vy Văn Và	4	Tày	Nam	6/19/1961	Nà Cà
441	Đặng Phụ Hin	8	Dao	Nam	8/7/1985	Nà Lại
442	Vy Văn Huân	5	Tày	Nam	1/6/1993	Nà Lại
443	Hoàng Văn Phẩm	4	Tày	Nam	5/5/1980	Nà Lại
444	Ma Văn Tới	5	Tày	Nam	8/15/1989	Nà Lại
445	Lương Thị Hính	3	Tày	Nữ	8/14/1989	Nà Lại
446	Đinh Văn Môn	5	Tày	Nam	12/20/1989	Nà Lại
447	Ma Văn Toàn	6	Tày	Nam	2/9/1960	Nà Lại
448	Đặng Phụ Kinh	4	Dao	Nam	02/12/1998	Nà Lại
449	Lâm Văn Nội	4	Nùng	Nam	4/2/1997	Pác Nặm
450	Triệu Tòn Chuống	4	Dao	Nam	3/18/1987	Phja Đăm
451	Đặng Phụ Mình	8	Dao	Nam	6/2/1975	Phja Đăm
452	Đặng Phụ Tịnh	7	Dao	Nam	5/3/1966	Phja Đăm

453	Hoàng Thồng Lìn	5	Dao	Nam	8/7/1975	Phja Đăm
454	Hoàng Thồng Trình	5	Dao	Nam	12/1/1979	Phja Đăm
455	Hoàng Tòn Lai	4	Dao	Nam	4/9/1991	Phja Đăm
456	Lý Tòn Lai	6	Dao	Nam	12/9/1979	Phja Đăm
457	Hoàng Thồng Kinh	5	Dao	Nam	1/5/1975	Phja Đăm
458	Lý Mùi Chuống	3	Dao	Nữ	10/10/1983	Phja Đăm
459	Phùng Kiềm Chán	3	Dao	Nam	12/18/1974	Phja Đăm
460	Phùng Chang Dun	4	Dao	Nam	12/8/1993	Phja Đăm
Tổng cộng: 460 hộ		***2,148***				

DANH SÁCH HỘ NGHÈO THOÁT LÊN CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Hà Thị Liên	2	Tày	Nữ	26/10/1984	Khuổi Ỏ
2	Nông Văn Tu B	4	Mông	Nam	2/7/1987	Khuổi Ỏ
3	Nông Thanh Tiều	4	Tày	Nam	7/5/1976	Phai Khỉm
4	Trang A Hồng	4	Mông	Nam	26/6/1995	Nà Bẻ
5	Dương Văn Cụa	5	Mông	Nam	20/4/1984	Nà Bẻ
6	Cà Văn Khánh	4	Dao	Nam	12/12/1953	Vi Lạp
7	Đặng Dào Lìn	2	Dao	Nam	3/6/2005	Vi Lạp
8	Hoàng Thị Nhình	4	Tày	Nữ	8/2/1987	Vi Lạp
9	Ma Thế Tưng	3	Tày	Nam	5/6/1996	Vi Lạp
10	Hiệp Văn Bình	4	Dao	Nam	02/12/1995	Phiêng Tạc
11	Bàn Thị Coi (Hàn)	3	Dao	Nữ	09/01/1985	Phiêng Tạc
12	Sùng A Vàng	4	Mông	Nam	6/7/1986	Ngảm Váng
13	Sùng A Pá	3	Mông	Nam	15/12/1982	Ngảm Váng
14	Thào A Khyào	4	Mông	Nam	15/9/1968	Ngảm Váng
15	Sùng A Châu	4	Mông	Nam	19/8/1992	Ngảm Váng
16	Đặng Thị Dết	4	Dao	Nam	16/03/1989	Nặm Khiếu
17	Sùng A Tu	5	Mông	Nam	19/1/1986	Nặm Khiếu
18	Đặng Xuân Phúc	4	Dao	Nam	15/12/1980	Nặm Khiếu
19	Triệu Văn Thông	4	Dao	Nam	07/3/1991	Slam Vè
20	Vừ A Ngài	3	Mông	Nam	14/4/1976	Slam Vè
21	Triệu Văn Chòi	6	Dao	Nam	10/5/1995	Slam Vè
22	Bàn Sềnh Tỉnh	6	Dao	Nam	08/10/1987	Slam Vè
23	Đặng Văn Nần	7	Dao	Nam	28/9/1977	Slam Vè
24	Tàn Quầy Chiêu	4	Dao	Nam	08/8/1979	Slam Vè
25	Triệu Văn Châu	4	Dao	Nam	25/5/1987	Slam Vè
26	Đặng Văn Lìn	5	Dao	Nam	13/06/1987	Slam Vè
27	Triệu Văn Đồng	4	Dao	Nam	17/8/1994	Slam Vè
28	Đặng Văn Long	4	Sán chỉ	Nam	1/23/1989	Nà Muồng
29	Hoàng Văn Dành	6	Sán chỉ	Nam	7/3/1986	Nà Muồng
30	Hoàng Văn Mắn	7	Sán chỉ	Nam	7/8/1983	Nà Muồng
31	Hoàng Văn Vành	5	Sán chỉ	Nam	6/22/1979	Nà Muồng
32	Hoàng Văn Chảy	10	Sán chỉ	Nam	10/4/1972	Nà Muồng
33	Triệu Mùi Hàn	2	Dao	Nữ	27/1/1983	Nà Mẹ
34	Ma Văn Lợi	3	Tày	Nam	10/12/1976	Khuổi Lè

35	Trang A Lềnh	4	Mông	Nam	12/02/1985	Khuổi Lè
36	Trang A Tụa	4	Mông	Nam	10/05/1978	Cốc Lào
37	Hâù A Phùa	4	Mông	Nam	03/03/1998	Cốc Lào
38	Sùng Thị Mỵ	6	Mông	Nữ	01/11/1972	Cốc Lào
39	Hừ Văn Tạ	4	Mông	Nam	11/08/1994	Cốc Lào
40	Sùng A Dỉa	4	Mông	Nam	3/10/1997	Cốc Lào
41	Triệu Thị Mụi	4	Dao	Nữ	05/08/1976	Cốc Lào
42	Trương Thị Làn	4	Tày	Nữ	26/11/1976	Cốc Lào
43	Ma A Lềnh	4	Mông	Nam	28/11/1984	Cốc Lào
44	Hừ A Vàng	5	Mông	Nam	12/9/1968	Cốc Lào
45	Đặng Phù Luồng	6	Mông	Nam	6/11/1981	Cốc Lào
46	Ma A Cả	5	Mông	Nam	8/19/1991	Khâu Slôm
47	Phùng Văn Chạn	4	Dao	Nam	12/4/1988	Khâu Slôm
48	Phòn Văn Tá	3	Dao	Nam	10/10/1988	Khâu Slôm
49	Bàn Chàn On	5	Dao	Nam	10/17/1990	Khâu Slôm
50	Đặng Sùn Hin	4	Dao	Nam	5/8/1985	Khâu Slôm
51	Phùng Văn Dết	8	Dao	Nam	5/25/1975	Khâu Slôm
52	Sùng A Thè	6	Mông	Nam	01/09/1981	Hồng Mú
53	Sùng A Dỉa	5	Mông	Nam	17/8/2001	Hồng Mú
54	Sùng A Giàng	4	Mông	Nam	12/06/2000	Hồng Mú
55	Sùng A Chúng	6	Mông	Nam	5/8/1975	Nà Hoi
56	Thào Văn Tu	7	Mông	Nam	08/01/1985	Khâu Vai
57	Dương Văn Tu	5	Mông	Nam	3/3/1983	Khâu Vai
58	Triệu Chòi Quấy	5	Dao	Nam	15/05/1979	Khâu Vai
59	Đặng Văn Long	6	Dao	Nam	15/02/1962	Khâu Vai
60	Dương Thị Mỵ	3	Mông	Nam	26/10/1979	Khâu Vai
61	Dương Văn Cao	4	Mông	Nam	15/9/2001	Khâu Vai
62	Hoàng Quốc Kỳ	6	Mông	Nam	9/8/1985	Khâu Vai
63	Sùng A Tu B	5	Mông	Nam	2/15/1975	Khâu Phảng
64	Sùng A Nó	5	Mông	Nam	9/8/1990	Khâu Phảng
65	Sùng A Quạ	5	Mông	Nam	6/6/1995	Khâu Phảng
66	Sùng A Dinh	5	Mông	Nam	8/28/1994	Khâu Phảng
67	Đặng Văn Quấy	4	Dao	Nam	23/09/1962	Khâu Phảng
68	Sùng A Sùng	4	Mông	Nam	07/12/1997	Khâu Phảng
69	Đặng Văn Vàng	1	Dao	Nam	12/11/1972	Khâu Phảng
70	Đặng Quầy Trình	7	Dao	Nam	15/10/1972	Nặm Mây
71	Đặng Thị Slám	3	Sán chỉ	Nữ	2/1/1969	Nà Phầy
72	Hoàng Văn Ni	4	Sán chỉ	Nam	3/7/1996	Nà Phầy
73	Lý Văn Vinh	3	Sán chỉ	Nam	4/18/1984	Nà Phầy
74	Đào Thanh Hoa	6	Mông	Nam	7/22/1960	Phiêng Lủng

75	Sùng Văn Nó	12	Mông	Nam	10/20/1990	Phiêng Lủng
76	Sùng Văn Tu	5	Mông	Nam	30/08//1988	Phiêng Lủng
77	La Văn Ngài	5	Mông	Nam	5/14/1992	Phiêng Lủng
78	Lý Văn Tiến	4	Tày	Nam	09/3/1974	Ngã Ba
79	Triệu Văn Mon	5	Sán chỉ	Nam	5/6/1998	Nà Làng
80	Hà Văn Dành	5	Sán chỉ	Nam	4/21/1990	Nà Làng
81	Hà Thị Pheng	5	Sán chỉ	Nữ	8/20/1965	Nà Làng
82	Phượng Chàn Kinh	5	Dao	Nam	3/6/1987	Lủng Pảng
83	Lý Phụ Quyên	4	Dao	Nam	8/30/1990	Lủng Pảng
84	Hoàng Văn Dinh	8	Mông	Nam	2/25/1985	Lủng Pảng
85	Triệu Tạ Hin	2	Dao	Nam	11/28/1987	Lủng Pảng
86	Hoàng Văn Vừ	5	Mông	Nam	9/27/1990	Lủng Pảng
87	Hoàng Văn Kim	4	Tày	Nam	6/1/1977	Bản Khúa
88	Hà Văn Cảnh	3	Tày	Nam	8/17/1990	Bản Khúa
89	Hoàng Thị Tương	6	Tày	Nữ	6/12/1964	Bản Mạn
90	Phùng Văn Nghiềm	4	Sán Chỉ	Nam	9/10/1973	Bản Mạn
91	Đặng Phụ Vạng	4	Dao	Nam	3/6/1992	Bản Mạn
92	Đặng Văn Ghì	5	Sán Chỉ	Nam	11/12/1982	Bản Mạn
93	Triệu Phụ Khiền	6	Dao	Nam	13/5/1984	Khâu Bang
94	Hoàng Tòn Nải	5	Dao	Nam	10/7/1991	Khâu Bang
95	Phùng Chang Cản	5	Dao	Nam	2/11/1991	Khâu Bang
96	Đặng Phụ Chán	6	Dao	Nam	27/6/1982	Khâu Bang
97	Đặng Chiều Khiền	6	Dao	Nam	29/11/1988	Khâu Bang
98	Phùng Chang Sần	6	Dao	Nam	29/8/1993	Khâu Bang
99	Hoàng Sùn Phâu	4	Dao	Nam	8/15/1968	Khuổi Khí
100	Triệu Mùi Nái	4	Dao	Nam	1/27/1985	Khuổi Khí
101	Hoàng Chàn Kiêm	6	Dao	Nam	8/20/1970	Khuổi Khí
102	Hoàng Thồng Kinh	4	Dao	Nam	11/5/1976	Khuổi Khí
103	Bàn Tòn Chuổng	4	Dao	Nam	10/15/1991	Khuổi Khí
104	Hoàng Thồng Và	4	Dao	Nam	7/28/1968	Khuổi Khí
105	Hoàng Mùi Sếnh	5	Dao	Nữ	8/12/1967	Khuổi Khí
106	Hoàng A Dè	6	Mông	Nam	7/2/1991	Khuổi Mạn
107	Hoàng Văn Dỉa	6	Mông	Nam	11/8/1986	Khuổi Mạn
108	Hoàng Văn Lầu	3	Mông	Nam	10/2/1983	Khuổi Mạn
109	Hoàng Văn Vừ	4	Mông	Nam	20/6/1995	Khuổi Mạn
110	Sùng Văn Sình	5	Mông	Nam	15/6/1973	Khuổi Mạn
111	Hoàng Văn Dỉ	4	Mông	Nam	6/10/1992	Khuổi Mạn
112	Thào Văn Tu	9	Mông	Nam	3/12/1982	Khuổi Mạn
113	Thào Văn Xe	5	Mông	Nam	13/4/1991	Khuổi Mạn
114	Hoàng Văn Lầu	8	Mông	Nam	1/7/1957	Khuổi Mạn

115	Thào Văn Ky	4	Mông	Nam	16/8/1986	Khuổi Mạn
116	Thào Văn Sự	4	Mông	Nam	20/4/1988	Khuổi Mạn
117	Sùng Văn Súa	4	Mông	Nam	11/10/1997	Khuổi Mạn
118	Thào Văn Tu	5	Mông	Nam	9/10/1988	Khuổi Mạn
119	Sùng Văn Chạ	8	Mông	Nam	4/12/1980	Khuổi Mạn
120	Hoàng Văn Me	6	Mông	Nam	24/10/1976	Lủng Mít
121	Hoàng Văn De	2	Mông	Nam	10/5/1972	Lủng Mít
122	Hoàng Văn Sinh	4	Mông	Nam	1/3/1970	Lủng Mít
123	Hoàng Văn Tu	7	Mông	Nam	10/2/1990	Lủng Mít
124	Hoàng Văn Tu	4	Mông	Nam	12/8/1974	Lủng Mít
125	Lầu Văn Ngài	6	Mông	Nam	12/11/1972	Lủng Mít
126	Hoàng Văn Vàng	7	Mông	Nam	29/10/1972	Lủng Mít
127	Lý Văn Tu	2	Mông	Nam	24/10/1972	Lủng Mít
128	Hoàng Văn Den	8	Mông	Nam	5/7/1983	Lủng Mít
129	Lý Văn Dẩư	4	Mông	Nam	3/9/1996	Lủng Mít
130	Hoàng Văn Súa	5	Mông	Nam	10/1/1983	Lủng Mít
131	Lý Văn Khyào	4	Mông	Nam	5/7/1983	Lủng Mít
132	Xiêm Phùng Chản	5	Dao	Nam	2/5/1991	Nà Cà
133	Hoàng Vần Kinh	4	Dao	Nam	10/5/1992	Nà Cà
134	Triệu Mùi Kiều	4	Dao	Nữ	12/17/1987	Nà Cà
135	Đặng Phụ Hin	8	Dao	Nam	8/7/1985	Nà Lại
136	Vy Văn Huân	5	Tày	Nam	1/6/1993	Nà Lại
137	Lâm Văn Nội	4	Nùng	Nam	4/2/1997	Pác Nặm
138	Hoàng Thồng Lìn	5	Dao	Nam	8/7/1975	Phja Đăm
139	Lý Tòn Lai	6	Dao	Nam	12/9/1979	Phja Đăm
140	Lý Mùi Chuống	3	Dao	Nam	10/10/1983	Phja Đăm
141	Phùng Kiềm Chán	3	Dao	Nam	12/18/1974	Phja Đăm
Tổng cộng: 141 hộ		**671**				

DANH SÁCH HỘ NGHÈO THOÁT LÊN TRUNG BÌNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1	Nông Văn Sóng	1	Tày	Nam	17/11/1998	Phai Khỉm	
2	Hoàng Văn Quảng	2	Tày	Nam	8/7/1995	Vi Lạp	
3	Thào Minh Tu	5	Mông	Nam	1/1/1979	Nặm Khiếu	
4	Đặng Văn Lường	7	Mông	Nam	4/26/1986	Nặm Khiếu	
5	Sùng Văn Quạ	5	Mông	Nam	2/16/1986	Nặm Khiếu	
6	Hoàng Văn Bình	3	Sán chỉ	Nam	8/13/1990	Nà Muồng	
7	Hoàng Văn Danh	4	Tày	Nam	6/4/1983	Khuổi Lè	
8	Hoàng Văn Páo	3	Mông	Nam	16/10/1950	Khâu Vai	
9	Hoàng Văn Ký	3	Mông	Nam	05/05/1994	Khâu Vai	
10	Dương Văn Hiện	4	Tày	Nam	9/5/1998	Nà Coóc	
11	Hoàng Thị Linh	1	Tày	Nữa	10/11/2002	Ngã Ba	
12	Hoàng Văn Ninh	4	Tày	Nam	04/04/1980	Ngã Ba	
13	Cà Thị Điền	3	Tày	Nữ	27/12/1964	Ngã Ba	
14	Hoàng Văn Cháy	6	Sán chỉ	Nam	8/6/1978	Khâu Đấng	
15	Phượng Mùi Man	4	Dao	Nữ	7/11/1983	Lủng Pảng	
16	Phượng Tràn Trình	5	Dao	Nam	11/20/1984	Lủng Pảng	
17	Phùng Sùn Kiêm	6	Dao	Nam	10/25/1972	Lủng Pảng	
18	Hà Văn Bảo	1	Tày	Tày	11/23/1986	Bản Khúa	
19	Tô Văn Bình	11	Sán chỉ	Nam	6/1/1974	Bản Mạn	
20	Đặng Văn Níp	3	Sán chỉ	Nam	12/7/1986	Bản Mạn	
21	Triệu Tòn Sếnh	5	Dao	Nam	12/8/1992	Khâu Bang	
22	Đặng Chòi Phin	5	Dao	Nam	27/10/1989	Khâu Bang	
23	Thào Văn Páo	3	Mông	Nam	1/12/1978	Khuổi Mạn	
24	Đặng Phụ Piao	4	Dao	Nam	9/10/1976	Nà Cà	
25	Đàm Văn Ỷ	5	Tày	Nam	11/11/1957	Nà Lại	
26	Hoàng Văn Thiện	5	Tày	Nam	10/10/1972	Pác Nặm	
27	Long Văn Việt	7	Tày	Nam	5/20/1967	Pác Nặm	
Tổng: 27 hộ		**115**					

DANH SÁCH HỘ NGHÈO CHUYỂN SINH SỐNG NƠI KHÁC, DỒN HỘ, CHẾT NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1	Đặng Thị Pét	3	Dao	Nữ	14/4/1992	Nà Bẻ	Chuyển đi nơi khác
2	Lý A Tu	4	Mông	Nam	03/15/1963	Nặm Khiếu	Dồn hộ
3	Đặng Thị Quan	1	Dao	Nữ	04/2/1992	Nặm Khiếu	Chuyển đi nơi khác
4	Dương Văn Chẹ	2	Mông	Nam	12/28/1956	Khâu Vai	Dồn hộ
5	Bàn Thị Sinh	1	Sán chỉ	Nữ	1/1/1960	Nà Phầy	Đã chết
6	Triệu Kiềm Vạng	7	Dao	Nam	12/4/1964	Khâu Bang	Chuyển đi nơi khác
7	Hoàng Sùn Ta	8	Dao	Nam	4/10/1977	Khuổi Khí	Chuyển đi nơi khác
8	Sùng Văn Vàng	7	Mông	Nam	1972	Khuổi Mạn	Dồn hộ
Tổng: 08 hộ		**33**					

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO THOÁT LÊN TRUNG BÌNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Ma Văn Quẻ	3	Tày	Nam	20/6/1976	Khuổi Ỏ
2	Cà Văn Đạt	3	Tày	Nam	18/9/1962	Nà Bẻ
3	Phùng Kiềm Pyao	2	Dao	Nam	12/26/1974	Thôn Vi Lạp
4	Thào Minh Hầu	4	Mông	Mông	07/2/1992	Nặm Khiếu
5	Thào Minh Khìao	6	Mông	Mông	15/01/1962	Nặm Khiếu
6	Đặng Văn Chiêu	2	Dao	Dao	01/1/1983	Nặm Khiếu
7	Đặng Văn Quấy	3	Dao	Dao	25/7/1970	Nặm Khiếu
8	Triệu Văn Liềm	3	Dao	Dao	23/12/1989	Slam Vè
9	Đặng Văn Lằng	4	Sán chỉ	Nam	10/20/1985	Nà Muồng
10	Trương Văn Lài	4	Sán chỉ	Nam	2/10/1989	Nà Muồng
11	Quách Văn Thiệp	2	Tày	Nam	4/12/1981	Nà Muồng
12	Lường Thị Hiền	3	Tày	Nam	10/4/1981	Nà Muồng
13	Nông Văn Bách	6	Tày	Nam	11/28/1975	Nà Muồng
14	Sầm Văn Slư	5	Tày	Nam	1/23/1980	Nà Muồng
15	Hoàng Văn Đức	6	Tày	Nam	1/10/1979	Nà Muồng
16	Dương Văn Tới	3	Tày	Nam	14/7/1988	Nà Mẹ
17	Lộc Văn Thăng	6	Tày	Nam	6/11/1972	Nà Mẹ
18	Dương Văn Tung	4	Tày	Nam	20/2/1985	Nà Mẹ
19	Vi Văn Tường	5	Tày	Nam	15/9/1962	Nà Mẹ
20	Triệu Văn Tuyến	3	Tày	Nam	18/8/1986	Nà Mẹ
21	Phùng Sùn Toòng	4	Dao	Nam	04/10/1989	Nà Mẹ
22	Dương Văn Vương	4	Tày	Nam	03/11/1976	Nà Mẹ
23	Lý Văn Thiệp	1	Tày	Nam	03/02/1989	Khuổi Lè
24	Hoàng Thị Vẹ	3	Tày	Nữ	18/07/1963	Khuổi Lè
25	Hoàng Văn Bằn	4	Tày	Nam	28/02/1968	Khuổi Lè
26	Ma Thị Chỉ	3	Tày	Nữ	09/10/1995	Khuổi Lè
27	Đặng Dào Phấu	2	Dao	Nam	27/12/1961	Cốc Lào
28	Hoàng Văn Giang	4	Tày	Nam	10/3/1983	Cốc Lào
29	Hoàng Văn Hưng	3	Tày	Nam	7/5/1972	Cốc Lào
30	Triệu Văn Páo	6	Dao	Nam	3/2/1990	Khâu Slôm
31	Đặng Văn Pham	6	Dao	Nam	2/5/1970	Khâu Slôm

32	Triệu Văn Quyên	4	Dao	Nam	4/22/1985	Khâu Slôm
33	Triệu Văn Khe	6	Dao	Nam	10/9/1989	Khâu Slôm
34	Đặng Quý Xuân	2	Dao	Nam	7/24/1993	Khâu Slôm
35	Triệu Văn Tàn	4	Dao	Nam	6/7/1997	Khâu Slôm
36	Triệu Văn Chiêu	3	Dao	Nam	12/15/1981	Khâu Slôm
37	Trang A Lực	4	Mông	Nam	17/8/1986	Hồng Mú
38	Sùng A Páo	5	Mông	Nam	15/6/1977	Hồng Mú
39	Dương Văn Pá	2	Mông	Nam	16/3/1963	Khâu Vai
40	Dương Văn Tuấn	4	Mông	Nam	22/12/1997	Khâu Vai
41	Dương Văn Súa	5	Mông	Nam	16/04/1987	Khâu Vai
42	Hoàng Văn Páo (A)	5	Mông	Nam	18/12/1979	Khâu Vai
43	Hoàng Súa Pá	8	Mông	Nam	03/03/1968	Khâu Vai
44	Đặng Văn Keo	6	Dao	Nam	12/12/1985	Khâu Phảng
45	Triệu Văn Dậu	4	Dao	Nam	8/3/1983	Khâu Phảng
46	Đặng Xuân Thu	3	Dao	Nam	3/13/1992	Khâu Phảng
47	Quách Văn Ngư	8	Tày	Nam	2/2/1977	Nặm Mây
48	Dương Văn Pảo	4	Tày	Nam	14/7/1964	Nặm Mây
49	Lý Văn Đinh	6	Sán chỉ	Nam	11/12/1972	Nà Phầy
50	Đặng Văn Cương	5	Sán chỉ	Nam	10/8/1969	Nà Phầy
51	Nguyễn Đình Mạnh	5	Tày	Nam	30/11/1963	Nà Lẹng
52	Ma Thị Mông	3	Tày	Nam	05/10/1977	Nà Lẹng
53	Thào Văn Lư	3	Mông	Nam	11/10/1982	Phiêng Lủng
54	Hoàng Thị Chuyên	4	Tày	Nam	11/24/1989	Ngã Ba
55	Chu Văn Toán	4	Tày	Nam	3/11/1985	Ngã Ba
56	Chu Văn Giang	6	Tày	Nam	10/3/1981	Ngã Ba
57	Hoàng Thị Đáo	3	Tày	Nam	25/05/1967	Ngã Ba
58	Hoàng Văn Nghỉ	2	Tày	Nam	4/12/1993	Ngã Ba
59	Dương Thị Hôn	4	Tày	Nam	11/27/1985	Ngã Ba
60	Hoàng Văn Tuyên	4	Tày	Nam	12/02/1970	Ngã Ba
61	Cà Ngọc Long	6	Tày	Nam	18/08/1972	Ngã Ba
62	Vũ Thị Duyên	4	Tày	Nam	10/23/1970	Ngã Ba
63	Đặng Văn Tím	6	Sán chỉ	Nam	20/01/1984	Khâu Đấng
64	Ma Văn Đạt	6	Sán chỉ	Nam	08/07/1968	Khâu Đấng
65	Đặng Văn Tăng	5	Sán chỉ	Nam	5/12/1970	Khâu Đấng
66	Đặng Thị Mỵ	3	Sán chỉ	Nam	5/4/1988	Khâu Đấng
67	Hoàng Văn Ỵ	6	Sán chỉ	Nam	1/1/1957	Khâu Đấng

68	Ma Văn Thái	5	Sán chỉ	Nam	15/01/1984	Khâu Đấng
69	Hoàng Văn Báo	5	Sán Chỉ	Nam	4/8/1987	Nà Làng
70	Hoàng Văn Neng	5	Sán Chỉ	Nam	3/4/1979	Nà Làng
71	Nông Thị Ngân	4	Tày	Nữ	12/18/1987	Bản Khúa
72	Nông Thị Ban	5	Tày	Nữ	11/30/1965	Bản Khúa
83	Nông Văn Phong	4	Tày	Nam	7/7/1991	Bản Mạn
84	Đặng Văn Pjai	7	Sán Chỉ	Nam	3/3/1968	Bản Mạn
85	Triệu Chòi Vạng	8	Dao	Nam	28/7/1991	Khâu Bang
86	Triệu Mùi Phấy	4	Dao	Nữ	25/10/1989	Khâu Bang
87	Triệu Tạ Phâu	5	Dao	Nam	4/9/1987	Khâu Bang
88	Triệu Dào Cản	5	Dao	Nam	28/5/1977	Khâu Bang
89	Phùng Trang Dảo	6	Dao	Nam	6/11/1984	Khâu Bang
73	Lý Dào Phu	5	Dao	Nam	6/19/1977	Khuổi Khí
74	Lý Kiềm Sơn	6	Dao	Nam	1/19/1970	Khuổi Khí
75	Hoàng Chàn Kiêm	6	Dao	Nam	8/20/1970	Khuổi Khí
76	Sằm Lồng Trìu	7	Dao	Nam	5/15/1993	Khuổi Khí
77	Bàn Chàn Pyao	7	Dao	Nam	2/16/1966	Khuổi Khí
78	Long Văn Tình	4	Tày	Nam	5/15/1993	Khuổi Lính
79	Long Văn Kỳ	5	Tày	Nam	5/22/1987	Khuổi Lính
80	Triệu Văn Hiếu	4	Tày	Nam	2/10/1977	Khuổi Lính
81	Lục Thị Thấm	3	Tày	Nữ	6/10/1977	Khuổi Lính
82	Long Văn Kim	6	Tày	Nam	4/4/1976	Khuổi Lính
91	Hoàng Văn Pá	6	Mông	Nam	6/6/1973	Khuổi Mạn
92	Sùng Văn Lồng	4	Mông	Nam	12/2/1991	Khuổi Mạn
90	Hoàng Văn Hầu	6	Mông	Nam	5/11/1974	Lủng Mít
93	Vi Văn Việt	6	Dao	Nam	5/18/1965	Nà Cà
94	Đặng Tòn Nhậy	3	Dao	Nam	6/12/1986	Nà Cà
95	Lý Văn Hậu	2	Tày	Nam	12/6/1988	Nà Lại
96	Đặng Chòi Phin	6	Dao	Nam	1/1/1979	Nà Lại
97	Triệu Mùi Tạng	2	Dao	Nữ	10/23/1965	Phja Đăm
98	Triệu Mùi Sị	2	Dao	Nữ	4/26/1982	Phja Đăm
Tổng: 98 hộ		**432**				

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO RƠI NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Chu Văn Thưởng	3	Tày	Nam	6/7/1982	Nà Bẻ
2	Đặng Phụ Vần	6	Dao	Nam	6/11/1974	Nà Bẻ
3	Hoàng Văn Chung	5	Tày	Nam	8/15/1985	Vi Lạp
4	Triệu Văn Cán	4	Dao	Nam	10/10/1978	Nặm Khiếu
5	Hoàng Văn Cáo	8	Tày	Nam	10/10/1975	Khuổi Lè
6	Hoàng Văn Dẩu	8	Mông	Nam	15/10/1984	Khuổi Lè
7	Ma A Dê	3	Dao	Nam	15/6/1964	Cốc Lào
8	Sùng A Quân	6	Tày	Nam	01/10/1994	Cốc Lào
9	Dương Văn Dinh	8	Mông	Nam	28/1/1975	Cốc Lào
10	Trang A Cụa	6	Mông	Nam	11/30/1979	Khâu Slôm
11	Trang A Dinh	3	Mông	Nam	10/05/1989	Hồng Mú
12	Sùng A Chạ	4	Mông	Nam	09/11/1994	Hồng Mú
13	Ma A Và	5	Mông	Nam	22/09/1990	Hồng Mú
14	Sùng A Sênh	4	Mông	Nam	20/01/2000	Hồng Mú
15	Hoàng Văn Lủ	4	Mông	Nam	12/12/1979	Khâu Vai
16	Đặng Văn Nghi	8	Dao	Nam	12/22/1975	Khâu Phảng
17	Đặng Văn Chăn	5	Sán chỉ	Nam	12/2/1986	Nà Phầy
18	Đặng Văn Khín	6	Sán chỉ	Nam	14/04/1965	Khâu Đấng
19	Hoàng Văn Nam	6	Sán chỉ	Nam	4/24/1962	Khâu Đấng
20	Hoàng Văn Thắng	3	Sán Chỉ	Nam	6/30/1972	Nà Làng
21	Lục Văn Thông	3	Sán Chỉ	Nam	10/10/1991	Nà Làng
22	Hoàng Văn Tình	4	Sán Chỉ	Nam	7/18/1991	Nà Làng
23	Triệu Kiềm Cản	3	Dao	Nam	3/20/1991	Bản Mạn
24	Đặng Văn Quyền	5	Sán chỉ	Nam	8/15/1989	Bản Mạn
25	Nông Văn Thiêm	2	Tày	Nam	8/29/1990	Nà Lại
	Tổng: 25 hộ	**122**				



DANH SÁCH HỘ NGHÈO PHÁT SINH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
1	Thào Thị Pè	5	Mông	Nữ	1/14/1995	Khuổi Ỏ
2	Lý Văn Tỏn	2	Dao	Nam	03/05/1968	Phiêng Tạc
3	Triệu Văn Páo	3	Dao	Nam	02/07/1997	Slam Vè
4	Vừ Văn Thanh	4	Mông	Nam	14/7/1999	Slam Vè
5	Triệu Thị Chuống	2	Dao	Nữ	01/6/2001	Slam Vè
6	Triệu Thị Ta	3	Dao	Nữ	26/9/2000	Slam Vè
7	Đặng Văn Pyao	2	Dao	Nam	23/12/1995	Slam Vè
8	Sùng Thị Ca	3	Tày	Nam	1/1/1994	Cốc Lào
9	Hoàng Văn Tiến	4	Mông	Nam	2/6/2000	Khâu Vai
10	Thào Thị Pè	3	Mông	Nữ	11/22/1991	Khâu Vai
11	Sùng Văn Chinh	3	Mông	Nam	9/20/1996	Phiêng Lủng
12	Nông Thị Hợi	1	Tày	Nữ	3/22/1963	Nà Coóc
13	Hoàng Văn Chung	3	Sán Chỉ	Nam	2/7/1996	Nà Làng
14	Hà Văn Công	5	Tày	Nam	12/12/1961	Bản Khúa
15	Đặng Mùi Lai	5	Dao	Nữ	28/6/1972	Khâu Bang
16	Hoàng Mùi Phấy	3	Dao	Nữ	8/15/1985	Khuổi Khí
17	Hoàng Mùi Phấy	3	Dao	Nữ	6/26/1981	Khuổi Khí
18	Giàng Thị Dí	4	Mông	Nữ	5/25/1989	Khuổi Lính
19	Vàng A Tu	5	Mông	Nam	8/18/1986	Khuổi Lính
20	Thào Văn Lự	4	Mông	Nam	6/8/1998	Khuổi Mạn
21	Thào Văn Dinh	2	Mông	Nam	1996	Khuổi Mạn
22	Thào A Lầu	6	Mông	Nam	3/14/1995	Khuổi Mạn
23	Hoàng Văn Lự	5	Mông	Nam	13/12/1992	Lủng Mít
24	Hoàng Văn Dẩu	4	Mông	Nam	11/9/1998	Lủng Mít
25	Hoàng Văn Dẩu	5	Mông	Nam	15/1/2000	Lủng Mít
26	Hoàng Văn Hồng	3	Mông	Nam	14/1/2001	Lủng Mít
27	Hứa Văn Hành	4	Mông	Nam	2/8/1991	Lủng Mít
28	Nông Văn Sình	4	Mông	Nam	2/2/1994	Lủng Mít
29	Triệu Tòn Dất	4	Dao	Nam	3/17/1994	Nà Cà
30	Hoàng Chàn Vạng	5	Dao	Nam	6/27/1996	Nà Cà
31	Bàn Tòn Nhạy	4	Dao	Nam	6/20/1996	Nà Cà
32	Phùng Văn Lai	2	Dao	Nam	2/24/1999	Pác Nặm
	Tổng: 32 hộ	**115**				

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO PHÁT SINH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bằng Thành)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1	Mạc Văn Bằng	3	Tày	Nam	2/27/1990	Khuổi Ỏ	
2	Sùng A Là	5	Mông	Nam	14/3/1984	Hồng Mú	
3	Dương Văn Lềnh	4	Mông	Nam	25/5/1967	Hồng Mú	
4	Trương Minh Tiến	4	Tày	Nam	16/8/1976	Nặm Mây	
5	Dương Thị Điệp	5	Tày	Nữ	15/3/1973	Nặm Mây	
6	Lãnh Thị Ngân	1	Tày	Nữ	7/10/1974	Đông Lẻo	
7	Hoàng Văn Tanh	6	Sán Chỉ	Nam	6/28/1970	Nà Làng	
8	Đặng Văn Neng	3	Sán Chỉ	Sán chỉ	7/29/1978	Nà Làng	
9	Đặng Văn Vinh	6	Sán chỉ	Nam	12/20/1998	Nà Làng	
10	Triệu Mùi Diết	3	Dao	Nữ	6/21/1993	Bản Mạn	
11	Hoàng Văn Tân	4	Mông	Nam	17/2/1995	Lủng Mít	
12	Ma Văn Toàn	6	Tày	Nam	2/9/1960	Nà Lại	
13	Đặng Phụ Kinh	4	Dao	Nam	02/12/1998	Nà Lại	
14	Phùng Chang Dun	4	Dao	Nam	12/8/1993	Phja Đăm	
	Tổng: 14 hộ	**58**					